

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU SỰ GIAO THOA VĂN HÓA ĐÔNG - TÂY QUA
QUẦN THỂ NHÀ THỜ PHÁT DIỆM (HUYỆN KIM SƠN,
TỈNH NINH BÌNH)

Chủ nhiệm đề tài: VŨ THỊ THU HUỆ

Lớp: D16 LS - ĐL

Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU SỰ GIAO THOA VĂN HÓA ĐÔNG - TÂY QUA
QUẦN THỂ NHÀ THỜ PHÁT DIỆM (HUYỆN KIM SƠN,
TỈNH NINH BÌNH)

Chủ nhiệm đề tài: VŨ THỊ THU HUỆ

Lớp: D16 LS – ĐL

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH VĂN VIỄN

Xác nhận của GV hướng dẫn

(Họ, tên và chữ ký)

.....

Chủ nhiệm đề tài

(Họ, tên và chữ ký)

.....

NINH BÌNH, 2025

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Tiến sĩ Đinh Văn Viễn - người đã trực tiếp hướng dẫn và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học này.

Trong suốt thời gian thực hiện đề tài, em đã nhận được sự chỉ dẫn tận tình, những góp ý quý báu cũng như sự hỗ trợ chuyên môn sâu sắc từ thầy. Nhờ sự hướng dẫn đó, em không chỉ từng bước hoàn thiện đề tài, mà còn tích lũy được thêm nhiều kiến thức chuyên môn, kỹ năng tư duy và phương pháp làm việc khoa học. Những bài học quý giá từ thầy sẽ luôn là hành trang giúp em vững bước hơn trong hành trình học tập và nghiên cứu sau này.

Em xin cảm ơn khoa Sư phạm trung học và các thầy cô đã tạo điều kiện cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Tác giả

Vũ Thị Thu Huệ

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	4
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	7
5.1. Cách tiếp cận	7
5.2. Phương pháp nghiên cứu.....	7
6. Cấu trúc đề tài	7
CHƯƠNG 1.....	9
TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	9
1.1. Một số vấn đề lý luận.....	9
1.1.1. Một số khái niệm.....	9
1.1.2. Một số hình thức giao thoa văn hóa.....	14
1.1.3. Giao thoa văn hóa trong lịch sử Việt Nam.....	15
1.2.1.2. Quá trình phát triển Công giáo ở Phát Diệm (1901 - 1953)	21
1.2.1.3. Công giáo ở Phát Diệm từ 1954 đến nay	24
1.2.2. Linh mục Trần Lục.....	25
1.2.3. Quá trình xây dựng Quần thể nhà thờ Phát Diệm.....	27
Tiểu kết chương 1.....	32
CHƯƠNG 2.....	34
BIỂU HIỆN CỦA GIAO THOA VĂN HÓA ĐÔNG - TÂY QUA QUẦN THỂ NHÀ THỜ PHÁT DIỆM	34
2.1. Biểu hiện	34
2.1.1. Về kiến trúc	34
Sơ đồ Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm.....	37
2.1.2. Về mỹ thuật	44
2.1.2.2. Về trang trí	57

2.1.3.1. Về nghi lễ	61
2.1.3.2. Về đối tượng tôn thờ	64
2.2. Vai trò của Quần thể nhờ thờ Phát Diệm với đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương	70
2.2.1. Đối với đời sống kinh tế, xã hội.....	70
2.2.2. Đối với đời sống văn hóa	72
Tiểu kết chương 2.....	75
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80
PHỤ LỤC.....	85

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	ĐHQG	Đại học Quốc gia
2	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
3	QĐ-BGDĐT	Quyết định - Bộ giáo dục Đào tạo
4	NXB	Nhà xuất bản
5	Tp	Thành phố
6	TCN	Trước công nguyên
7	TK	Thế kỷ
8	TW	Trung ương
9	Tr	Trang
10	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: So sánh giữa Giao thoa văn hóa và Tiếp biến văn hóa	13
Bảng 2.1: Thống kê các xứ mới được thành lập từ 1903 - 1926.	22
Bảng 3.1: Thống kê các xứ mới được thành lập từ 1933 - 1953.	23
Bảng 1.2 : Bảng so sánh Quần thể nhà thờ Phát Diệm với nhà thờ Công giáo phương Tây.....	69
Sơ đồ Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm.....	37

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

1.1. Các công trình nghiên cứu về giao thoa văn hóa Đông - Tây nói chung

Tác phẩm *Ảnh hưởng qua lại giữa đạo Công giáo và văn hóa Việt Nam* của Phạm Huy Thông (2012), phân tích sự tương tác hai chiều giữa Công giáo phương Tây và văn hóa truyền thống Việt Nam. Tác giả nhấn mạnh quá trình tiếp biến, khi Công giáo được Việt hóa để hòa hợp với phong tục và thẩm mỹ bản địa. Quan điểm này được minh chứng một cách sinh động qua Quần thể Nhà thờ Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình) - nơi thể hiện rõ nét giao thoa văn hóa Đông - Tây qua việc kết hợp kiến trúc nhà thờ phương Tây với hình thức đình, chùa Việt Nam, biểu hiện sinh động cho quá trình “bản địa hóa” Công giáo. (Phạm Huy Thông, 2012)

Tác giả Nguyễn Văn Kim với công trình *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam* do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành năm 2016, cuốn sách đã chỉ ra quá trình tiếp biến văn hóa, khi các yếu tố văn hóa bên ngoài được tiếp nhận và biến đổi, hòa nhập vào văn hóa bản địa và giao thoa văn hóa, tức là sự kết hợp sáng tạo giữa các yếu tố văn hóa mới và cũ. Nhà thờ Phát Diệm là một ví dụ điển hình về sự giao thoa này, khi kiến trúc phương Tây (như Gothic) được áp dụng vào môi trường văn hóa Việt, đồng thời vẫn giữ lại những yếu tố văn hóa truyền thống như mái ngói cong. Cuốn sách cung cấp cơ sở lý luận quan trọng giúp hiểu rõ quá trình giao thoa văn hóa tại Nhà thờ Phát Diệm, nơi các yếu tố văn hóa Công giáo và Việt Nam được hòa quyện và tạo nên một công trình đặc sắc. (Nguyễn Văn Kim, 2016)

Tác giả Nguyễn Văn Hiệu với công trình *Tiếp xúc và tiếp biến văn hóa* do NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 2022, cuốn sách này có sự gắn bó mật thiết với đề tài nghiên cứu về sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ Phát Diệm. Tác giả đã phân tích hai quá trình quan trọng là "tiếp xúc văn hóa" và "tiếp biến văn hóa", giúp giải thích cách thức các nền văn hóa gặp gỡ và ảnh hưởng lẫn nhau. Nhà thờ Phát Diệm là một ví dụ rõ

rệt về sự giao thoa này, khi các yếu tố văn hóa phương Tây được tiếp nhận và biến đổi, kết hợp với các yếu tố văn hóa Việt, tạo nên một công trình kiến trúc độc đáo. Sự tiếp biến văn hóa tại đây không chỉ thể hiện ở kiến trúc mà còn trong các lễ nghi tôn giáo, phản ánh sự sáng tạo và hòa nhập giữa hai nền văn hóa. (Nguyễn Văn Hiệu, 2022)

1.2. Các công trình nghiên cứu về văn hóa Ninh Bình, Quần thể nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình)

Tác giả Bùi Đức Sinh với cuốn sách *Lịch sử Giáo hội Công giáo* do NXB Chân Lý, Sài Gòn ấn hành năm 1972, tác phẩm cung cấp cái nhìn tổng quan về sự hình thành và phát triển của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam, đặc biệt là sự lan rộng của Công giáo và ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đối với các cộng đồng Công giáo. Cuốn sách cũng giúp hiểu rõ về ảnh hưởng của văn hóa phương Tây trong việc xây dựng các nhà thờ Công giáo, trong đó có Nhà thờ Phát Diệm, nơi các yếu tố phương Tây như kiến trúc Gothic được kết hợp với các yếu tố văn hóa Việt Nam. Từ đó, cuốn sách cung cấp nền tảng lịch sử để nghiên cứu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây tại Quần thể nhà thờ Phát Diệm. (Bùi Đức Sinh, 1972)

Tác giả Trần Ngọc Thụ, *Lịch sử Giáo phận Phát Diệm (1901 - 2001)*, Roma ấn hành năm 2001, tác phẩm là tài liệu quan trọng cho việc nghiên cứu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể Nhà thờ Phát Diệm. Cuốn sách cung cấp cái nhìn toàn diện về quá trình hình thành và phát triển của Giáo phận Phát Diệm. Từ đó giúp làm rõ bối cảnh lịch sử, tôn giáo và xã hội nơi đây, cũng như sự ảnh hưởng của các yếu tố phương Tây đối với cộng đồng Công giáo, đồng thời phản ánh quá trình hòa nhập giữa văn hóa phương Tây và các truyền thống văn hóa Việt Nam trong đời sống tôn giáo tại Phát Diệm. (Trần Ngọc Thụ, 2001)

Tác giả Nguyễn Hồng Dương, *Nhà thờ Công giáo Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội ấn hành năm 2003. Cuốn sách cung cấp cái nhìn tổng quan về sự phát triển và đặc điểm kiến trúc của các nhà thờ Công giáo tại Việt Nam, đặc biệt là sự kết hợp giữa ảnh hưởng phương Tây và yếu tố văn hóa phương Đông. Nhà thờ Phát Diệm, với phong cách kiến trúc Gothic phương Tây kết

hợp với nghệ thuật và tín ngưỡng phương Đông, là một minh chứng tiêu biểu cho sự giao thoa này. Cuốn sách sẽ giúp làm rõ hơn các yếu tố lịch sử, kiến trúc và tín ngưỡng trong việc hình thành và phát triển của Nhà thờ Phát Diệm, từ đó hỗ trợ nghiên cứu về sự hòa quyện văn hóa Đông - Tây tại công trình này. (Nguyễn Hồng Dương, 2003)

Tác giả Trương Đình Tường với tác phẩm *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, NXB Thế giới ấn hành năm 2004, tác phẩm này là nguồn tài liệu quan trọng giúp nghiên cứu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể Nhà thờ Phát Diệm. Cuốn sách cung cấp cái nhìn sâu sắc về các phong tục, tín ngưỡng và nghi thức dân gian của người dân Ninh Bình, đặc biệt là các yếu tố văn hóa, xã hội ở Kim Sơn, nơi có Nhà thờ Phát Diệm. Những phong tục truyền thống như thờ cúng tổ tiên, lễ hội dân gian và các nghi thức tôn giáo Việt Nam có thể được so sánh và đối chiếu với các nghi lễ Công giáo tại đây. Bằng cách khai thác các thông tin về văn hóa dân gian, tác phẩm này giúp làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố tôn giáo phương Tây và các truyền thống văn hóa bản địa, từ đó góp phần giải thích sự hòa nhập và giao thoa văn hóa trong công trình nhà thờ Phát Diệm. (Trương Đình Tường, 2004)

Tỉnh ủy Ninh Bình với tài liệu *Địa chí Ninh Bình*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội ấn hành năm 2010, tài liệu này cung cấp cái nhìn tổng quan về lịch sử, văn hóa và xã hội của tỉnh Ninh Bình, trong đó có mô tả chi tiết về các di tích tôn giáo và văn hóa đặc trưng của vùng, bao gồm nhà thờ Phát Diệm. Những thông tin về lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng Công giáo, cũng như sự giao thoa giữa văn hóa phương Đông và phương Tây, sẽ giúp làm rõ hơn đặc điểm kiến trúc và tôn giáo của Nhà thờ Phát Diệm, từ đó hỗ trợ nghiên cứu về sự kết hợp văn hóa độc đáo này tại Ninh Bình. (Tỉnh ủy Ninh Bình, 2010)

Tác giả Đinh Văn Viễn (2024), Một số nhà thờ Công giáo có kiến trúc gỗ ở Ninh Bình và vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc nhà thờ Công giáo có bộ khung gỗ cổ truyền trong giai đoạn hiện nay*; Viện Bảo tồn di tích, Hà Nội ngày 06 tháng 9

năm 2024, trang 112 - 128. Tác phẩm tập trung nghiên cứu các nhà thờ Công giáo tiêu biểu có kết cấu gỗ cổ truyền tại tỉnh Ninh Bình. Tác giả giới thiệu đặc điểm kiến trúc, chất liệu và nghệ thuật chạm khắc mang đậm dấu ấn giao thoa giữa văn hóa phương Tây và truyền thống Việt Nam. Công trình làm rõ giá trị lịch sử, nghệ thuật và văn hóa của các nhà thờ này trong đời sống cộng đồng tín hữu. Đồng thời, tác giả chỉ ra những khó khăn trong công tác bảo tồn như sự xuống cấp vật liệu gỗ và tác động của thời gian, khí hậu. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm gìn giữ và phát huy giá trị di sản kiến trúc gỗ trong bối cảnh hiện nay. Tác phẩm góp phần khẳng định vai trò quan trọng của di sản tôn giáo trong tổng thể văn hóa Việt Nam. (Đình Văn Viễn, 2024)

Các công trình nghiên cứu nêu trên chưa đề cập kỹ hoặc mới chỉ đề cập đến việc tìm hiểu về giao thoa văn hóa Đông - Tây nói chung và giao thoa Đông - Tây trong Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm nói riêng mà chưa đi sâu tìm hiểu một cách cặn kẽ hơn về điểm nổi bật trong sự giao thoa đó trong từng hạng mục của nhà thờ đá cùng những ảnh hưởng của yếu tố đó tới đời sống và tín ngưỡng của người dân địa phương trên địa bàn....

Như vậy, việc tìm hiểu về sự giao thoa văn hóa Đông - Tây trong Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm có ít công trình đề cập đến một cách chi tiết. Vì vậy, nhóm nghiên cứu coi những nghiên cứu trên làm tư liệu quan trọng để kế thừa và phát triển.

2. Tính cấp thiết của đề tài

“Tìm hiểu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ Phát Diệm (Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)” là một nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh hiện nay, không chỉ vì giá trị di sản văn hóa mà nó mang lại mà còn vì những tác động sâu rộng của các công trình nhà thờ đối với cộng đồng và xã hội địa phương. Đề tài này không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về kiến trúc, sự giao thoa văn hóa của Quần thể nhà thờ Phát Diệm mà còn đóng góp vào việc bảo vệ những giá trị văn hóa quý báu. Đồng thời biết cách hòa nhập các yếu tố văn hóa hiện đại vào đời sống đương đại mà không làm mất đi bản sắc văn hóa địa phương.

Kim Sơn, một huyện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình, không chỉ nổi bật với địa lý đặc biệt và hệ thống giao thông thuận lợi mà còn là vùng đất có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời, trong đó, đạo Công giáo đóng một vai trò quan trọng. Kim Sơn có một nền tảng phát triển mạnh mẽ nhờ vào đặc điểm địa lý của mình. Được bao bọc bởi các con sông lớn như Sông Đáy, Sông Càn, và Sông Vạc, cùng với khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm ướt, Kim Sơn luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển. Tuy nhiên, ngoài yếu tố tự nhiên, Kim Sơn còn nổi bật với cộng đồng Công giáo đông đảo tại các xã như Phát Diệm, Kim Định và Xuân Thiện trước đây. Đặc biệt là Quần thể nhà thờ Phát Diệm.

Đạo Công giáo ở Kim Sơn đã có mặt từ rất lâu và phát triển mạnh mẽ từ thời kỳ Pháp thuộc. Lịch sử tôn giáo ở đây gắn liền với các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, đặc biệt là trong giai đoạn cận đại. Một trong những điểm đặc biệt của Kim Sơn là sự hiện diện của giáo phận Phát Diệm, một trong những giáo phận lớn nhất của Giáo hội Công giáo Việt Nam, với trung tâm là Quần thể nhà thờ Phát Diệm nổi tiếng, nơi thu hút hàng nghìn tín đồ và du khách mỗi năm. Đây không chỉ là một công trình kiến trúc tôn giáo độc đáo, mà còn là biểu tượng văn hóa, tâm linh của vùng đất này.

Trong bối cảnh thuộc địa, khi người Pháp thiết lập chính quyền cai trị ở Việt Nam, Công giáo đã trở thành một phần quan trọng của đời sống tinh thần và các công trình nhà thờ là minh chứng cho sự kết hợp giữa văn hóa phương Tây và truyền thống văn hóa Việt Nam. Việc nghiên cứu đề tài tạo điều kiện cho việc nghiên cứu sâu hơn về sự giao lưu văn hóa.

Quần thể kiến trúc nhà thờ Phát Diệm đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1988, khẳng định giá trị to lớn của công trình trong kho tàng di sản Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, khi xu hướng toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa diễn ra mạnh mẽ, việc nghiên cứu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây tại Phát Diệm trở nên đặc biệt cấp thiết. Đây không chỉ là cơ sở để hiểu sâu hơn về khả năng tiếp biến sáng tạo của người Việt trong quá khứ, mà còn là bài học quý giá cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn

hóa dân tộc trong thời đại mới. Nghiên cứu này giúp ta nhìn rõ cách mà văn hóa Việt Nam đã dung hòa tinh hoa phương Tây mà vẫn giữ được cốt cách truyền thống. Đồng thời, việc làm sáng tỏ giá trị giao thoa trong kiến trúc Phát Diệm góp phần khẳng định vị thế của di sản Việt Nam trên bản đồ văn hóa thế giới, tạo nền tảng cho giáo dục, du lịch và đối thoại văn hóa toàn cầu. Trong thời đại hội nhập, đó không chỉ là nhiệm vụ khoa học, mà còn là trách nhiệm văn hóa và lòng tri ân đối với quá khứ.

Vùng đất biên Kim Sơn từ lâu đã được ví như cái nôi của Công giáo với nhiều công trình lâu đời cùng với đó là những biểu hiện văn hóa cộng đồng, với những sự cởi mở và hòa quyện tinh tế có chọn lọc giữa văn hóa Việt (phương Đông) và Pháp (phương Tây) nhất là trong công trình kiến trúc nhà thờ Phát Diệm. Chính vì những điều đặc biệt và ấn tượng đó mà tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài “Tìm hiểu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ Phát Diệm (Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)” làm đề tài nghiên cứu. Mặc dù vấn đề này đã được nghiên cứu ở một mức độ nhất định, nhưng vẫn còn thiếu những vấn đề chuyên sâu và hệ thống về vấn đề giao thoa văn hóa. Do đó, tôi muốn thực hiện nghiên cứu sâu hơn để bổ sung và làm rõ những khoảng trống hiện tại trong vấn đề này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của nghiên cứu là làm rõ biểu hiện của sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ Phát Diệm, từ đó làm sáng tỏ những tác động của sự kết hợp giữa văn hóa phương Đông và phương Tây trong lĩnh vực kiến trúc, mỹ thuật, tôn giáo và đời sống văn hóa - xã hội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trong đề tài này là Quần thể nhà thờ Phát Diệm, với trọng tâm là sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua các yếu tố kiến trúc, mỹ thuật, nghi lễ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua các mặt: kiến trúc, mỹ thuật, nghi lễ, đối tượng tôn thờ tại Quần thể nhà thờ Phát Diệm.

Không gian: Không gian nghiên cứu sẽ chỉ tập trung vào Quần thể nhà thờ Phát Diệm trước đây nằm tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình¹.

Thời gian: Thời gian nghiên cứu sẽ được giới hạn trong khoảng từ khi Quần thể nhà thờ Phát Diệm bắt đầu được xây dựng (1851) đến nay.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận theo hướng lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích tài liệu: thu thập các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu: sách, báo, tạp chí, các đề tài,... để thấy được những nét đặc trưng, những yếu tố giao thoa văn hóa phương Đông và phương Tây trong Quần thể nhà thờ Phát Diệm.

Phương pháp điền dã: đi thực tế tại Quần thể nhà thờ Phát Diệm (Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) qua đó điều tra trực tiếp bằng quan sát, chụp ảnh, trao đổi với Cha, người có chức sắc trong Công giáo và người dân xã Phát Diệm, người dân trên địa bàn Kim Sơn để thu thập thông tin về nhà thờ.

Ngoài ra còn có phương pháp phỏng vấn trực tiếp: được sử dụng nhằm thu thập thông tin định tính từ các linh mục, giáo dân và người dân địa phương. Thông qua các cuộc phỏng vấn trực tiếp với bộ câu hỏi mở, người nghiên cứu có thể khai thác được những cảm nhận, quan điểm và trải nghiệm thực tế về giá trị giao thoa văn hóa thể hiện trong kiến trúc, và đời sống tôn giáo tại Phát Diệm.

6. Cấu trúc đề tài

Cấu trúc của đề tài: Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục nội dung của chính đề tài gồm hai chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về cơ sở lý luận và đối tượng nghiên cứu

¹ Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, Quần thể nhà thờ Phát Diệm thuộc xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình.

Chương 2: Biểu hiện của giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ
Phát Diệm.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1.1. Một số vấn đề lý luận

1.1.1. Một số khái niệm

* Văn hóa

Từ thuở sơ khai cho đến nay, trong tiến trình phát triển của xã hội loài người văn hóa hiện diện như một nền tảng tinh thần quan trọng chi phối các hoạt động và đời sống thường nhật của con người. Văn hóa giúp thể hiện ra nhiều khía cạnh và phương diện, không chỉ phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà còn là thước đo khẳng định vị thế của mỗi dân tộc trong dòng chảy lịch sử của nhân loại. Tuy nhiên văn hóa có tính rộng lớn và phong phú nên đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau.

Theo Trần Ngọc Thêm (2001), trong cuốn “Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam” giáo sư đã nêu: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”. (Trần Ngọc Thêm, 2001)

Theo Trần Thu Hương (2014), “Tiếp biến văn hóa Pháp - Việt: Một không gian chuyển tiếp...”, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: “Thoạt tiên, cần phải khẳng định rằng văn hóa là một khái niệm hết sức phổ biến và được đề cập ở khắp nơi trên thế giới. Văn hóa biểu đạt phương thức sống của một nhóm, một cộng đồng, một dân tộc trong một quốc gia, của một xã hội hay của cả thế giới. Mỗi nền văn hóa đều có những đặc trưng riêng đi kèm các thuộc tính gắn liền với con người sống trong nền văn hóa đó, với xã hội loài người và khác các nền văn hóa khác. Nói một cách cụ thể hơn, mỗi nền văn hóa đều có một “nhân cách” chung nhất được gọi là “nhân cách dân tộc.” (Trần Thị Thu Hương, 2014)

Như vậy, có thể hiểu: Văn hóa là sự sáng tạo và thích ứng của con người, được thể hiện qua hệ giá trị vật chất, tinh thần và biểu tượng mà cộng đồng tích lũy trong quá trình lịch sử. Đó là ký ức sống động và bản sắc riêng giúp con

người vừa khẳng định mình, vừa hòa nhập và phát triển trong thế giới đang không ngừng biến đổi.

*** Giao thoa**

Theo Từ điển tiếng Việt “giao thoa” được định nghĩa là “hiện tượng hai hay nhiều dao động có cùng tần số gặp nhau, làm cho dao động tổng hợp mạnh lên hoặc yếu đi”. (Từ điển tiếng Việt, 2003)

Về nghĩa gốc, đây là thuật ngữ vật lý chỉ sự chồng chập giữa các sóng - âm thanh, ánh sáng, nước - dẫn đến hiện tượng tăng cường hoặc triệt tiêu dao động tại những điểm khác nhau trong không gian.

Từ nghĩa chuyên ngành này, khái niệm “giao thoa” đã được mở rộng và sử dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn để mô tả sự gặp gỡ, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố khác biệt, từ ngôn ngữ, văn hoá đến cấu trúc xã hội và tư tưởng triết học.

Trong ngôn ngữ học và văn hoá học, “giao thoa” mô tả sự tiếp xúc, ảnh hưởng qua lại giữa các ngôn ngữ, phong tục, hoặc hệ giá trị khác nhau.

Trong xã hội học, khái niệm “giao thoa xã hội” (social intersectionality) chỉ sự tương tác đan xen giữa các yếu tố bản sắc và bất bình đẳng xã hội như giới tính, giai cấp, chủng tộc, hay tôn giáo.

Trong triết học, “giao thoa” biểu hiện sự tương tác, đối thoại và dung hợp giữa các hệ tư tưởng hoặc phạm trù triết học. Đó có thể là sự gặp gỡ giữa duy vật và duy tâm, giữa triết học phương Đông và phương Tây, hay giữa các cặp phạm trù như vật chất - ý thức, tự do - tất yếu. Giao thoa trong triết học mở ra những cách tiếp cận mới, giúp mở rộng giới hạn nhận thức và khái niệm.

Từ các góc độ trên, có thể khái quát: Giao thoa là quá trình hai hay nhiều hệ thống - vật chất, ngôn ngữ, xã hội hay tư tưởng - gặp gỡ và tương tác, tạo ra những dạng cộng hưởng, biến đổi hoặc triệt tiêu, qua đó hình thành trạng thái mới mang tính tổng hợp.

*** Giao thoa văn hóa**

Khái niệm giao thoa văn hóa có nguồn gốc từ một số thuật ngữ trong tiếng Anh như cultural contacts, cultural exchanges, để chỉ một quy luật trong sự

vận động và phát triển văn hóa của các dân tộc. Từ điển Tiếng Việt online cũng đã định nghĩa về Giao lưu văn hóa - trên cơ sở Quyết định số 60/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Giao lưu văn hóa là sự gặp gỡ, trao đổi hoạt động văn hóa giữa các cá nhân hoặc các cộng đồng với nhau.” (Bộ giáo dục và Đào tạo, 2008)

Theo Đinh Thị Bé, Đào Thùy Chi thì: “Giao thoa văn hóa là sự tương tác giữa các nhóm xã hội (Social groups), giữa các tiểu văn hóa (Sub-cultures) và giữa các nền văn hóa (Cultures) khác nhau.” (Đinh Thị Bé, Đào Thùy Chi, 2019)

Một định nghĩa khác đã chỉ ra rằng: “Giao thoa văn hóa” ý chỉ sự “móc ngoặc”, “móc nối” giữa hai hay nhiều nền văn hóa, để chuyển biến nền văn hóa bản địa do sự tương tác giữa hai yếu tố nội sinh và ngoại sinh (endogenous >< exogenous). Thuật ngữ này đã xuất hiện trong khoa học nhân văn Âu - Mỹ từ thập kỷ 30 của thế kỷ này và được học giả lớn H. Herkovits định nghĩa như sau: “Dưới từ acculturation, ta hiểu là hiện tượng xảy ra khi những nhóm người có văn hóa khác nhau, tiếp xúc lâu dài và trực tiếp gây ra sự biến đổi mô thức (pattern) văn hóa ban đầu của một hay cả hai nhóm”. (Trần Quốc Vượng, 1996)

Như vậy ta có thể hiểu rằng: Giao thoa văn hóa là quá trình các nền văn hóa không chỉ tiếp xúc, trao đổi mà còn tác động lẫn nhau ở mức độ sâu rộng, tạo nên sự kết nối, hòa quyện và hình thành những giá trị văn hóa mới mà không làm mất đi giá trị văn hóa vốn có. Quá trình này thường diễn ra khi các cộng đồng, quốc gia hoặc nhóm xã hội có sự tương tác lâu dài và bền chặt, khiến các yếu tố văn hóa không chỉ được tiếp nhận mà còn biến đổi, dung hợp để tạo nên bản sắc chung phù hợp với điều kiện biến đổi của xã hội.

*** Tiếp biến văn hóa**

Thuật ngữ tiếp biến văn hóa (acculturation) có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau. Từ năm 1918, khái niệm này bắt đầu được nghiên cứu một cách khoa học và được tiếp cận từ nhiều lĩnh vực như tâm lý học, nhân học, xã hội học... Nhiều lý thuyết và định nghĩa đã ra đời nhằm lý giải các yếu tố liên quan đến quá trình tiếp biến văn hóa trong lịch sử.

Năm 1936, Robert Redfield, Ralph Linton và Melville Herskovits xuất bản Trích lục về Nghiên cứu Tiếp biến văn hoá đã nêu: “Tiếp biến văn hóa được hiểu là những hiện tượng xảy ra khi những nhóm các cá thể có văn hóa khác nhau tiến hành tiếp xúc trực tiếp và lâu dài, với những thay đổi sau đó đối với mẫu hình văn hóa ban đầu của một trong hai hoặc cả hai nhóm”. (Nguyễn Hoa Mai, 2019)

Theo Trần Thu Hương (2014), “Tiếp biến văn hóa Pháp - Việt: Một không gian chuyển tiếp...”, Tạp chí khoa học ĐHQG Hà Nội: Khoa học Xã hội và nhân văn: “Từ những năm 30 của thế kỷ XX, nhiều tác giả đã quan tâm đến những hiện tượng nảy sinh sau một quá trình tiếp xúc liên tục và trực tiếp giữa các nhóm cá nhân thuộc các nền văn hóa khác nhau. Những hiện tượng này được gọi là *tiếp biến văn hóa*.” (Trần Thu Hương, 2014)

Theo Hoàng Thị Minh Thi với chủ đề “Sự ảnh hưởng của văn hóa Pháp đối với văn hóa Việt Nam truyền thống” trong tiểu luận môn Cơ sở văn hóa Việt Nam cô nhấn mạnh: “Giao lưu văn hóa và tiếp biến văn hóa là một hiện tượng tất yếu của mỗi quốc gia, khu vực. Đó là hiện tượng xảy ra khi những nhóm người có nền văn hóa khác nhau tiếp xúc và tạo nên sự thay đổi trong nền văn hóa.”

Như vậy, có thể hiểu: Tiếp biến văn hóa là quá trình cộng sinh và tái cấu trúc bản sắc giữa các chủ thể văn hóa khi diễn ra sự tương tác liên tục, có chọn lọc và mang tính sáng tạo, trong đó có những giá trị, mô thức và biểu tượng văn hóa được chuyển hóa, thích ứng và dung hợp để hình thành lên một hệ giá trị mới vừa phản ánh sự giao thoa vừa bảo tồn dấu ấn riêng của từng nền văn hóa.

Từ những hiểu biết về hai khái niệm: Giao thoa văn hóa và Tiếp biến văn hóa trên chúng tôi nhận thấy:

- Điểm tương đồng giữa Giao thoa văn hóa và Tiếp biến văn hóa:

Cả giao thoa và tiếp biến văn hóa đều xuất phát từ sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa khác nhau. Cả hai khái niệm đều mô tả hiện tượng xảy ra khi các cộng đồng, dân tộc hoặc nhóm xã hội có nền văn hóa riêng biệt gặp gỡ, trao đổi

và tương tác lâu dài. Quá trình này dẫn đến sự thay đổi nhất định trong đời sống văn hóa của các chủ thể.

Cả giao thoa và tiếp biến văn hóa đều cùng thể hiện tính động và mở của văn hóa. Cả “giao thoa” và “tiếp biến” đều phản ánh quy luật vận động tự nhiên của văn hóa trong quá trình lịch sử - tức là không có nền văn hóa nào tồn tại biệt lập tuyệt đối, mà luôn phát triển thông qua trao đổi, dung hợp và biến đổi.

Cả giao thoa và tiếp biến văn hóa đều cùng tạo nên giá trị văn hóa mới. Hai quá trình đều có khả năng hình thành những mô thức, biểu tượng hoặc chuẩn mực văn hóa mới, trên cơ sở chọn lọc, dung nạp và cải biến yếu tố ngoại sinh, đồng thời vẫn duy trì bản sắc văn hóa gốc.

- Điểm khác biệt giữa Giao thoa văn hóa và Tiếp biến văn hóa:

Bảng 1.1: So sánh giữa Giao thoa văn hóa và Tiếp biến văn hóa

Tiêu chí	Giao thoa văn hóa	Tiếp biến văn hóa
Bản chất hiện tượng	Là quá trình tương tác, hòa quyện và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố văn hóa, có thể diễn ra ở mức độ bề mặt (giao tiếp, nghi lễ, phong tục, nghệ thuật...) hoặc sâu hơn (giá trị, tư tưởng).	Là quá trình biến đổi sâu sắc và tái cấu trúc các mô thức văn hóa, trong đó các giá trị ngoại sinh được chọn lọc, thích ứng và chuyển hóa vào hệ thống văn hóa bản địa.
Mức độ tác động	Tác động hai chiều, cân bằng, nhấn mạnh sự dung hợp và cộng hưởng giữa các nền văn hóa.	Thường mang tính một chiều hoặc bất đối xứng, khi một nền văn hóa mạnh hơn ảnh hưởng sâu tới nền văn hóa yếu hơn, nhưng cũng có yếu tố chủ động chọn lọc từ phía tiếp nhận.
Kết quả chính	Hình thành sự pha trộn và dung hợp văn hóa, tạo nên các	Hình thành hệ giá trị mới thông qua quá trình thích ứng và tái cấu trúc, có thể

	giá trị giao thoa, song song với việc duy trì bản sắc riêng.	làm thay đổi mô hình văn hóa gốc.
Tóm lại, giao thoa văn hóa là quá trình tiếp xúc và tác động lẫn nhau giữa các nền văn hóa, còn tiếp biến văn hóa là kết quả của quá trình giao thoa lâu dài, dẫn đến biến đổi, tái cấu trúc và hình thành giá trị mới. Hai khái niệm này vừa có mối quan hệ kế thừa, vừa có tính phân biệt về cấp độ và chiều sâu, phản ánh toàn diện cơ chế vận động, biến đổi của văn hóa trong lịch sử và hiện đại.		

Trong phạm vi đề tài này, khái niệm “giao thoa văn hóa” được sử dụng với ý nghĩa bao quát, nhằm chỉ sự tác động, tương dung và dung hợp giữa các yếu tố văn hóa Đông - Tây thể hiện qua Quần thể Nhà thờ Phát Diệm. Chúng tôi không đi sâu phân tích quá trình giao thoa theo nghĩa hẹp của nhân học văn hóa, mà dùng thuật ngữ này theo hướng bao hàm cả hiện tượng “tiếp biến văn hóa”, tức sự tiếp nhận, chọn lọc và biến đổi các giá trị văn hóa ngoại lai trong quá trình giao lưu. Việc lựa chọn cách hiểu này nhằm tránh tranh luận khái niệm, đồng thời tập trung làm rõ biểu hiện và giá trị của sự kết hợp văn hóa Đông - Tây trong không gian kiến trúc và tư tưởng nghệ thuật của quần thể di tích.

1.1.2. Một số hình thức giao thoa văn hóa

Trong khung lý thuyết về giao thoa văn hóa, khái niệm “hình thức giao thoa” (forms of cultural hybridity / interaction patterns) được xác định như những phương thức tiếp xúc, tác động và chuyển hóa giữa hai hay nhiều hệ thống văn hóa. Quá trình này sản sinh ra các biểu hiện cụ thể của sự dung hợp, thích ứng, đối lập hoặc đồng tồn trong đời sống xã hội, tôn giáo, nghệ thuật cũng như trong các sản phẩm văn hóa.

Nói cách khác, “hình thức giao thoa” phản ánh cơ chế vận hành và những kết quả biểu hiện của tiến trình tiếp biến văn hóa, khi các nền văn hóa dị biệt gặp gỡ, va chạm và tác động lẫn nhau. Trong bối cảnh nghiên cứu quan hệ Việt - phương Tây ở giai đoạn đầu thế kỷ XX, khái niệm này được vận dụng để chỉ

những cách thức mà văn hóa phương Tây, tiêu biểu qua Công giáo và kiến trúc nhà thờ, đã thâm nhập, tương tác và biến đổi trong không gian văn hóa Việt Nam. Trên nền tảng đó, có thể phân loại ba nhóm hình thức giao thoa chủ yếu:

Hình thức thứ nhất là: Giao thoa dung hợp - sự hòa quyện tạo nên sản phẩm văn hóa mới.

Hình thức thứ hai là: Giao thoa thích nghi - sự điều chỉnh yếu tố ngoại lai nhằm thích ứng với môi trường bản địa.

Hình thức thứ ba là: Giao thoa đồng tồn - sự song song tồn tại của các yếu tố văn hóa khác biệt, không nhất thiết dẫn đến hòa trộn.

1.1.3. Giao thoa văn hóa trong lịch sử Việt Nam

Lịch sử Việt Nam là hành trình tiếp biến không ngừng giữa yếu tố bản địa và ngoại lai. Mỗi giai đoạn đều ghi dấu một lớp giao thoa mới: từ thời tiền sử Việt - Mường, đến ảnh hưởng Hán - Thái thời Bắc thuộc, rồi dung hợp với Chăm, Hán, Khmer khi mở rộng lãnh thổ,... và sau đó là tiếp xúc với văn minh phương Tây trong thời cận - hiện đại.

Giai đoạn tiền sử

Khoảng 2000 năm TCN, sự giao thoa giữa cư dân tiền Việt - Mường và người Tày cổ diễn ra mạnh mẽ ở vùng Hòa Bình - Phú Thọ. Người Việt - Mường học kỹ thuật canh tác lúa nước, trong khi người Tày cổ tiếp thu lối sống săn bắt. Kết quả là cộng đồng Việt - Mường ra đời với nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, dẫn đến sự hình thành các nền văn hóa Đông Đậu, Gò Mun và đỉnh cao là Đông Sơn.

Văn hóa Đông Sơn (khoảng 2800 năm trước) thể hiện trình độ luyện kim, chế tác trống đồng và tổ chức xã hội làng - nước. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, ý thức cộng đồng hình thành rõ nét, tạo nền tảng cho nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Như vậy, bản sắc văn hóa Việt khởi nguồn từ giao thoa nội sinh giữa các cộng đồng bản địa, vừa thống nhất vừa đa dạng.

Thời kỳ Bắc thuộc (giao lưu với văn hóa Hán, văn hóa Thái)

Từ năm năm 179 TCN, nước ta trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, mở ra thời kỳ giao thoa văn hóa quy mô lớn với Trung Hoa. Người Việt tiếp xúc với

tư tưởng, mô hình chính trị, chữ viết, lễ nghi, Nho - Phật - Đạo và kỹ thuật sản xuất của người Hán. Tuy nhiên, sự tiếp nhận diễn ra chủ động, chọn lọc và bản địa hóa mạnh mẽ.

Cũng trong giai đoạn này, sự di cư của người Thái xuống Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tạo nên lớp giao thoa mới. Giao lưu Việt - Mường - Thái đã góp phần hình thành tiếng Việt cổ và củng cố bản sắc văn hóa vùng đồng bằng - miền núi.

Thời Bắc thuộc, người Việt không chỉ chống lại sự đồng hóa mà còn học hỏi, sáng tạo để xây dựng nền văn hóa riêng. Nhờ đó, khi giành lại độc lập, các triều đại Đinh - Lê - Lý - Trần đã phát triển văn hóa Đại Việt rực rỡ, kế thừa tinh hoa Hán học nhưng giữ vững bản sắc dân tộc - tiêu biểu cho phương châm “tiếp thu mà không hòa tan.”

Thời kỳ tự chủ và mở rộng lãnh thổ (giao lưu Chăm, Hán, Khmer)

Sau chiến thắng Bạch Đằng (938), Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập lâu dài. Cùng quá trình Nam tiến, văn hóa Việt giao thoa sâu sắc với các nền văn hóa Chăm, Hoa và Khmer, hình thành diện mạo đa dạng của văn hóa trung đại.

Với văn hóa Chăm, người Việt học hỏi kỹ thuật thủy lợi, kiến trúc tháp gạch, nghệ thuật chạm khắc, và đặc biệt là tín ngưỡng thờ nữ thần. Nhiều yếu tố Chăm như thần Po Nagar (Thiên Y A Na) được Việt hóa, trở thành thần Mẫu phổ biến. Âm nhạc, múa, trang phục Chăm cũng hòa vào đời sống dân gian, làm phong phú thêm nghệ thuật Việt.

Với văn hóa Hoa, do địa lý gần gũi và các đợt di cư, ảnh hưởng Hán lan tỏa sâu rộng. Nho giáo du nhập, kết hợp cùng Phật - Đạo tạo nên mô hình “tam giáo đồng nguyên”. Chữ Hán trở thành công cụ hành chính, học thuật, giúp hình thành nền văn chương chữ Hán Việt Nam với sắc thái riêng. Nghệ thuật sân khấu như tuồng, chèo, hát bội chịu ảnh hưởng hí kịch Trung Hoa nhưng được dân gian hóa. Trong phong tục, các lễ tết, nghi thức hôn tang tế lễ mang dấu vết văn hóa Hán, song đều được Việt hóa sáng tạo.

Từ thế kỷ XVI, người Hoa di cư vào Nam Bộ, góp phần phát triển thương nghiệp, đô thị như Hội An, Gia Định. Âm thực, kiến trúc và tín ngưỡng Việt - Hán - Khmer hòa quyện, tiêu biểu trong các miếu Quan Công, Thiên Hậu, Ông Bồn... phản ánh sự giao thoa linh hoạt và bình đẳng văn hóa.

Với văn hóa Khmer: Tại Nam Bộ, người Việt học hỏi kỹ thuật canh tác lúa nước, dẫn thủy nhập điền từ cư dân Khmer, tạo nên nền văn minh miệt vườn trù phú. Kiến trúc chùa Nam tông, lễ hội Ok Om Bok, Chol Chnam Thmay... trở thành hoạt động văn hóa chung, biểu hiện tinh thần cộng cư và đoàn kết tộc người. Đồng thời, người Việt mang vào vùng đất này tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, góp phần định hình đời sống tâm linh Nam Bộ đa dạng, dung hòa.

Tổng thể, giai đoạn tự chủ và Nam tiến giúp văn hóa Việt Nam vượt ra khỏi phạm vi châu thổ Bắc Bộ, mở rộng thành không gian văn hóa quốc gia. Miền Bắc mang dấu ấn Hán hóa, miền Trung đậm nét Chăm, miền Nam dung hòa Việt - Hoa - Khmer. Sự đa dạng ấy vẫn thống nhất trong bản sắc Việt, nhờ khả năng Việt hóa và chọn lọc sáng tạo của dân tộc.

Thời kỳ cận - hiện đại (giao lưu với phương Tây)

Từ cuối thế kỷ XIX, sự xâm nhập của thực dân Pháp đưa Việt Nam bước vào giai đoạn giao thoa với văn minh phương Tây - nền văn minh khác biệt căn bản với mô hình Á Đông truyền thống. Sự va chạm này diễn ra trên mọi lĩnh vực: tư tưởng, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, tổ chức xã hội... tạo nên biến chuyển sâu sắc trong cấu trúc văn hóa dân tộc.

Nếu trước đó, văn hóa Việt chủ yếu vận hành trong khung Nho - Phật - Đạo, thì nay chịu tác động mạnh của tinh thần duy lý, cá nhân và pháp trị phương Tây. Chữ Quốc ngữ ra đời thay thế chữ Hán, mở đường cho báo chí, văn học hiện đại và phong trào khai sáng dân tộc đầu thế kỷ XX. Hệ giá trị truyền thống bị thách thức, song cũng từ đó xuất hiện nhu cầu tự khẳng định bản sắc trong thời kỳ hiện đại hóa.

Cuộc gặp gỡ giữa Việt Nam và phương Tây không chỉ là biến cố lịch sử mà còn là thử thách bản thể của văn hóa dân tộc: làm sao để tiếp thu cái mới

mà không đánh mất căn cốt truyền thống. Chính trong sự giằng co ấy, bản lĩnh văn hóa Việt được tôi luyện, khẳng định sức sống thích ứng và sáng tạo qua các thời đại.

Như vậy, từ tiền sử đến hiện đại, văn hóa Việt Nam luôn vận động trong dòng chảy giao thoa - tiếp biến với các nền văn hóa khu vực và thế giới. Mỗi giai đoạn đều để lại dấu ấn riêng, song tựu trung đều thể hiện bản lĩnh độc lập và khả năng Việt hóa sáng tạo. Nhờ vậy, văn hóa Việt không bị hòa tan mà ngày càng phong phú, đa dạng, đồng thời vẫn giữ vững hồn cốt dân tộc - nền tảng bền vững cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia qua hàng nghìn năm lịch sử.

1.1.4. Ý nghĩa của giao thoa văn hóa

Giao thoa văn hóa là một hiện tượng tất yếu trong tiến trình phát triển của mọi nền văn hóa, phản ánh quy luật vận động, tiếp nhận và biến đổi của con người trước những giá trị mới. Thông qua giao thoa, mỗi dân tộc không chỉ mở rộng tầm nhìn, tiếp thu tri thức và tinh hoa nhân loại, mà còn có cơ hội tự nhận thức sâu sắc hơn về bản sắc riêng của mình. Quá trình ấy tạo nên sự đa dạng, linh hoạt và sức sống bền bỉ cho văn hóa dân tộc, giúp con người biết dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái riêng và cái chung, giữa yếu tố bản địa và yếu tố toàn cầu.

Giai đoạn 1858 - 1945 đánh dấu một sự thay đổi lớn trong lịch sử văn hóa Việt Nam khi diễn ra sự giao thoa mạnh mẽ với văn hóa Pháp, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống xã hội, từ chữ viết, giáo dục, nghệ thuật đến phong cách sinh hoạt. Tuy nhiên, bản sắc văn hóa dân tộc vẫn không bị mất đi mà ngược lại, nhờ sự tiếp thu chọn lọc các yếu tố ngoại sinh, văn hóa Việt Nam trở nên phong phú hơn mà vẫn giữ được cốt lõi truyền thống. Chính quá trình tích hợp và kế thừa này đã giúp văn hóa Việt hình thành một nền tảng vững chắc, trong đó truyền thống là sự ổn định, còn hiện tại là sự phát triển, tạo nên sức mạnh bền bỉ cho dân tộc và trở thành động lực cho xã hội hiện đại.

Theo tác giả Đoàn Luyến (2011), với bài viết “Quan hệ giao lưu văn hóa Pháp - Việt” đã nhấn mạnh: “Giai đoạn từ 1858 đến 1945, giai đoạn giao lưu

văn hoá Việt - Pháp trong thời Pháp thuộc, nhìn ở diễn trình văn hoá, là một sự đứt gãy chưa từng có. Non một trăm năm ấy, bắt đầu từ Sài Gòn đến Hà Nội, từ Nam đến Bắc, từ thành thị đến nông thôn, văn hoá Việt Nam có những biến thiên ghê gớm. Tuy nhiên, bản sắc văn hoá dân tộc vẫn không mất đi, không bị thay đổi. Nói các khác, đó là văn hoá Việt Nam mà J. Feray gọi rất hay là sự không chối từ về văn hoá trong việc tiếp thu các yếu tố ngoại sinh. Bởi vậy, sau đứt gãy này lại một lần nữa, văn hoá Việt Nam phát triển tiếp nối mạch phát triển ở các thời kì trước, với tầm vóc mới. Quá trình đồng hoá và chống đồng hoá đã xuất hiện thường xuyên trong tiến trình văn hoá Việt Nam. Cho nên người Việt Nam biết cách để tiếp thu các yếu tố hay của bên ngoài làm phong phú thêm nền văn hoá dân tộc. Sự tích hợp và kế thừa liên tục làm cho văn hoá Việt Nam trở thành một khối vững chắc biết ứng xử khéo léo với tự nhiên và luôn luôn chiến thắng những thế lực mạnh hơn mình gấp bội. Truyền thống là ổn định, còn hiện tại phải là phát triển. Sức mạnh văn hoá bốn nghìn năm đó cũng chính là động lực phát triển cho xã hội ngày hôm nay.”

Trong bài viết Chính sách văn hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1858 - 1945 (2018), Đặng Thị Hương Liên đã nhận định được những sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đến văn hóa Việt Nam: “Như vậy, có thể thấy, nội dung của chính sách văn hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam đầu TK XX luôn là tìm mọi cách đồng hóa, gây ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn hóa bản địa. Tuy nhiên trong thực tế lịch sử, ý tưởng này là không khả thi. Văn hóa dân tộc vẫn bền bỉ trường tồn, thậm chí sự giao thoa, tiếp biến với văn hóa phương Tây lại càng khiến nó tỏa sáng hơn.” (Đặng Thị Hương Liên, 2018)

Lịch sử giao thoa văn hóa ở Việt Nam chứng minh một quy luật cơ bản: mọi yếu tố ngoại sinh chỉ có thể tồn tại nếu được Việt hóa, dung hợp với hệ giá trị bản địa. Văn hóa Việt Nam không ngừng biến đổi, nhưng luôn giữ bản sắc cốt lõi - đó là tinh thần cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, văn minh lúa nước và tín ngưỡng tổ tiên.

Sức sống văn hóa Việt thể hiện ở chỗ: dù trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, hơn một thế kỷ Pháp thuộc, nhiều lần giao thoa với các nền văn hóa lớn, người

Việt vẫn không bị đồng hóa. Trái lại, họ biến yếu tố ngoại lai thành động lực phát triển. Chính nhờ đó, dân tộc Việt Nam duy trì được bản lĩnh độc lập, thích ứng linh hoạt với biến động lịch sử, đồng thời khẳng định vị thế trong khu vực.

Từ cội nguồn Môn - Khmer, qua sự giao thoa với Tày - Thái, Hán, Chăm, Hoa, Khmer và cuối cùng là phương Tây, văn hóa Việt Nam đã trải qua một hành trình tiếp biến liên tục. Mỗi giai đoạn đều để lại dấu ấn sâu sắc trong ngôn ngữ, tín ngưỡng, nghệ thuật và lối sống. Quá trình ấy vừa giúp văn hóa Việt Nam giàu bản sắc, vừa mở rộng khả năng thích ứng, sáng tạo. Có thể khẳng định, chính nhờ sức mạnh nội sinh kết hợp với khả năng tiếp biến ngoại sinh, văn hóa Việt Nam đã hình thành một bản sắc độc đáo: vừa đa dạng, phong phú, vừa bền vững và thống nhất. Đây là nền tảng tinh thần giúp dân tộc Việt Nam vượt qua thử thách, bảo vệ độc lập và tiếp tục hội nhập trong thời đại toàn cầu hóa.

1.2. Khái quát về Quần thể nhà thờ Phát Diệm

1.2.1. Công giáo ở Phát Diệm

1.2.1.1. Về sự du nhập Công giáo ở Phát Diệm

Công giáo đến với vùng đất Phát Diệm từ rất sớm, trong bối cảnh phong trào truyền giáo tại Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII. Theo các tài liệu lịch sử, xứ đạo đầu tiên được thành lập tại đây là Hảo Nho (1627) - một trong những địa điểm truyền giáo sớm nhất ở miền Bắc Việt Nam. Sự kiện này đánh dấu khởi đầu quá trình hình thành mạng lưới xứ đạo Công giáo tại vùng Phát Diệm.

Từ Hảo Nho, hoạt động truyền giáo lan rộng và dẫn đến việc hình thành thêm các xứ lớn:

Phúc Nhạc (1790) và Bạch Liên (1792) - đều tách từ Hảo Nho.

Trong thế kỷ XIX, Công giáo tiếp tục mở rộng nhanh chóng với hàng loạt xứ mới: Đồng Chư (1838, tách từ Bạch Liên); Yên Vân (1840, tức Thông Xuân); Phát Diệm (1854, tách từ Phúc Nhạc); Tôn Đạo; Cách Tâm; Dưỡng Diêm (1865); Khoan Dụ (Tuân Dụ) và Hướng Đạo (1872); Hiếu Thuận, Lãng Vân (1885); Thiện Dưỡng, Sào Lâm (1892); Ninh Bình (1899, tách từ Yên Vân).

Đáng chú ý, theo Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ (trong cuốn *Lịch sử Giáo phận Phát Diệm*, chương V), xứ Bạch Liên ban đầu thuộc xứ Đông Biên. Năm 1816,

Đức cha Gia (Jacques Longer) sai Cha Trưởng lập xứ; lúc đầu do Dòng Tên phụ trách, sau chuyển cho Hội Thừa sai Paris. Trong xứ có Dòng Mến Thánh Giá với 8 nữ tu và một cô nhi viện hoạt động trong 4 năm. Từ Bạch Liên sau đó lại tách ra các xứ Thiện Dưỡng (1898) và An Ngải (1901).

Như vậy, trước khi Giáo phận Phát Diệm chính thức được thành lập năm 1901, vùng đất này đã có một hệ thống xứ đạo khá hoàn chỉnh, làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển Công giáo sau này.

1.2.1.2. Quá trình phát triển Công giáo ở Phát Diệm (1901 - 1953)

Theo Lê Văn Thơ (*Luận án tiến sĩ Triết học*, 2013), Quá trình phát triển Công giáo ở Phát Diệm, được chia làm ba giai đoạn chính (Lê Văn Thơ, 2013)

Từ 1627 - 1900: Hình thành cơ sở truyền giáo và mạng lưới xứ đạo.

Từ 1901 - 1954: Giai đoạn củng cố và mở rộng mạnh mẽ.

Từ 1954 - 2010: Thời kỳ thích ứng, phát triển trong bối cảnh xã hội mới.

Kế thừa quan điểm đó, chúng tôi cho rằng, Công giáo ở Phát Diệm đã và đang trải qua các giai đoạn sau:

** Thành lập Giáo phận Phát Diệm (1901)*

Ngày 8/2/1902, Giáo phận Phát Diệm chính thức được tách khỏi Giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội). Cùng ngày, Giám mục Gendreau Đông (Hà Nội) và Giám mục A. Marcou Thành (Phát Diệm) công bố hai bức thư luân lưu, đánh dấu sự ra đời của một giáo phận độc lập. “Ngày 8-2-1902, ngày lịch sử do hai Địa phận Hà Nội và Phát Diệm thỏa thuận để công bố những điều kiện phân chia bắt đầu có hiệu lực. Từ Hà Nội, Giám mục Gendreau Đông, trong bức thư luân lưu đề ngày 08 - 02 - 1902, với tư cách Giám mục giáo phận “mẹ”, tuyên bố sự kiện phân chia. Cùng một ngày, từ Phát Diệm, Giám mục A. Marcou Thành trong bức thư luân lưu cũng đề ngày 8 - 2 - 1902, với tư cách giám mục giáo phận “con”, tuyên bố lễ nhận giáo phận.” (Trần Ngọc Thu, 2001)

Theo Linh mục Mai Đức Thạc, khi mới thành lập, Giáo phận có 27 xứ đạo (15 xứ ở Ninh Bình, 7 xứ ở Thanh Hóa, 5 xứ ở vùng Châu Lào). Đây là con số thể hiện nền móng tổ chức vững chắc cho sự phát triển về sau.

* Giai đoạn mở rộng 1903 - 1926

Ngay sau khi thành lập, Giáo phận Phát Diệm đã liên tục mở thêm các xứ mới. Trong giai đoạn 1903 - 1926, có 22 xứ mới được thành lập, như bảng sau:

Bảng 2.1: Thống kê các xứ mới được thành lập từ 1903 - 1926.

STT	Năm thành lập	Tên xứ	Tách từ / Thuộc xứ mẹ
1	1903	Bình Sa	Hảo Nho
		An Ngải	Bạch Liên
2	1904	Văn Hải	Phát Diệm
3	1905	Vô Hốt	Đồng Chùa
4	1910	Yên Bình	Phát Diệm
		Khiết Kỷ	Tôn Đạo
5	1912	Hòa Lạc	Tôn Đạo
6	1913	Hóa Lộc	Văn Hải
7	1914	Quảng Nạp	Bạch Liên
8	1915	Như Sơn	Cách Tâm
		Phúc Lai	Sào Lâm
9	1920	Áng Sơn	Ninh Bình
10		Phúc Hải	
		Gia Lạc	Hiếu Thuận
		Trì Chính	Phát Diệm
		Quyết Bình	Cách Tâm
11	1921	Bình Hải	Hảo Nho
12	1924	Mưu Giáp	Lăng Vân
13	1926	Nam Biên	Hiếu Thuận
		Uy Tế	Vô Hốt
		Yên Thổ	Bình Hải

Với số lượng 22 xứ mới được thành lập trong giai đoạn 1903 - 1926, đã phản ánh sự phát triển mạnh mẽ và nhu cầu sinh hoạt tôn giáo ngày càng gia tăng của giáo dân vùng Phát Diệm.

*** Năm 1932 - Tách lập Giáo phận Thanh Hóa**

Năm 1932, Giáo phận Thanh Hóa được thành lập, tách ra từ Giáo phận Phát Diệm với 18 xứ đạo gồm: Thanh Hóa, Ba Làng, Liên Nghĩa, Nhân Lộ, Phong Ý, Mỹ Điện, Phúc Lăng, Thái Yên, Mục Sơn, Dương Giao, Kẻ Bền, Ngọc Cao, Vân Lang, Kẻ Láng, Kẻ Dừa, Tam Tổng, Điền Hộ, Tân Hải.

Sự kiện này đánh dấu một bước chuyển lớn trong cơ cấu địa phận, thể hiện quy mô phát triển mạnh mẽ của Công giáo miền Bắc lúc bấy giờ.

*** Giai đoạn mở rộng tiếp (1933 - 1953)**

Sau khi chia tách, Giáo phận Phát Diệm vẫn tiếp tục phát triển mạnh, lập thêm nhiều xứ đạo mới:

Bảng 3.1: Thống kê các xứ mới được thành lập từ 1933 - 1953.

STT	Năm thành lập	Tên các xứ mới
1	1933	Hào Phú, Trung Đồng, Xích Thổ
2	1934	Tân Khẩn, Quảng Phúc
3	1936	Hoàng Mai
4	1937	Phương Thượng
5	1939	Dục Đức, Yên Liêu
6	1940	La Vân, Tam Châu, Quân Triêm
7	1942	Sơn Lũy, Mỹ Châu
8	1943	Thuần Hậu
9	1945	Tùng Thiện
10	1946	Tân Mỹ, Như Tân, Ứng Luật
11	1947 - 1948	Cồn Thoi (Kim Tùng)
12	1949	Uy Đức, Phú Hậu
13	1950	Hoài Lai
14	1953	Phú Thuận, Xuân Hối, Tân Thuận

Dù trong bối cảnh chiến tranh và khó khăn kinh tế, các hoạt động mục vụ vẫn được duy trì.

Đến năm 1950, nhân dịp Kim khánh 50 năm thành lập, Giáo phận Phát Diệm đã có 65 xứ đạo, minh chứng cho sự phát triển chỉ trong nửa thế kỷ.

1.2.1.3. Công giáo ở Phát Diệm từ 1954 đến nay

Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), một bộ phận lớn giáo dân và linh mục di cư vào Nam, khiến cơ cấu tổ chức của giáo phận thay đổi đáng kể.

Ngày 24/11/1960, Tòa Thánh Vatican chính thức thiết lập Giáo phận Phát Diệm độc lập, tách khỏi Giáo phận Bùi Chu, với giám mục riêng và cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh.

Thời kỳ 1955 - 1975, trong bối cảnh chung của đất nước bị Mỹ xâm lược, giáo phận chịu nhiều thiệt hại - đặc biệt năm 1972, Nhà thờ chính tòa Phát Diệm bị máy bay của Mỹ ném bom làm hư hỏng nặng.

Sau 1975, hoạt động tôn giáo được khôi phục; cơ sở vật chất, đặc biệt là quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm, được tu sửa, công tác đào tạo tu sĩ được nối lại.

Bước sang thế kỷ XXI, Công giáo Phát Diệm bước vào giai đoạn ổn định và hội nhập. Trong bối cảnh được hưởng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, giáo phận Phát Diệm tiếp tục phát triển.

Đến năm 2024, phạm vi của Giáo phận Phát Diệm là 1.787 km² (phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình (cũ) và vùng phụ cận).

Cơ cấu hành chính: 9 giáo hạt (Bạch Liên, Cách Tâm, Đồng Chư, Ninh Bình, Phát Diệm, Phúc Nhạc, Tôn Đạo, Văn Hải, Vô Hốt).

Nhân sự có 165 linh mục, 523 tu sĩ (177 nam, 346 nữ), 806 giáo lý viên.

Tín hữu có khoảng 160.000 người (chiếm gần 15% dân số khu vực).

Trung tâm giáo phận là Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Mân Côi (Quần thể nhà thờ Phát Diệm) - biểu tượng giao thoa Đông - Tây trong kiến trúc tôn giáo Việt Nam. Ngoài ra còn có các địa điểm nổi bật như Đền thánh Phúc Nhạc (Yên Khánh), Đan viện Xitô Châu Sơn (Nho Quan) và Nhà thờ Tôn Đạo (Kim Sơn).

Giáo phận Phát Diệm ngày nay là một trung tâm lớn của Công giáo giáo Việt Nam. Nhiều nhà thờ trong giáo phận là không gian giao thoa văn hóa đặc sắc của Việt Nam.

1.2.2. Linh mục Trần Lục

Trong tác phẩm Cù Sáu Cha xứ Phát Diệm Khâm Sai Tuyên Phủ Sứ cũng đã có những ghi chép vô cùng chi tiết về Cha Trần Lục: “Họ và tên: Trần Văn Lục thường gọi là: Cha Sáu. Chức danh cấp bậc: Linh mục Bắc Kỳ, xứ Phát Diệm (tỉnh Ninh Bình). Sinh năm: 1825. Tại: làng Mỹ Quan, huyện Tống Sơn (phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xứ An Nam).” (Armand Olichon, 1941)

Theo tài liệu “Lịch sử Giáo phận Phát Diệm (1901 - 2001)” của Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, Chương III mang tên “Quần thể thánh đường Phát Diệm - Cù Sáu Trần Lục” đã nhấn mạnh vai trò to lớn của Linh mục Trần Lục (thường gọi là Cù Sáu) trong việc khởi xướng và chỉ đạo xây dựng quần thể nhà thờ Phát Diệm vào cuối thế kỷ XIX. Tác giả ghi nhận rằng Cù Sáu không chỉ là người kiến tạo công trình kiến trúc độc đáo này mà còn là linh hồn, nguồn cảm hứng gắn kết yếu tố nghệ thuật phương Đông với kiến trúc phương Tây, tạo nên một di sản tôn giáo và văn hóa đặc sắc, trở thành biểu tượng của sự giao thoa văn hóa trong Công giáo Việt Nam: “Linh mục Trần Lục (thường gọi là Cù Sáu, Cù Lớn Khâm) tên đầu tiên là Trần Văn Hữu, sinh năm 1825 tại làng Mỹ Quan, tổng Cao Vĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Thân sinh của cha là cụ Trần Văn Nhu xuất xứ từ Nam Định, còn bà cụ bản quán Ninh Bình. Hai cụ sinh năm trai và hai gái. Cậu Hữu là con thứ hai. Người con thứ ba là Gioan Trần Văn Pháp (còn gọi là Truật). Năm 11 tuổi, cậu Hữu cắp sách đi học, và năm 15 tuổi, theo ở với cha Tiểu, xứ Bạch Bát. Năm 1845, cậu Hữu lên đường theo ơn kêu gọi, vào tu tại Chứng viện Vĩnh Trị (về sau di về Hoàng Nguyên), từ đây đổi tên là Triêm. Năm 1850, mãn khoá, đi tập sự truyền giáo. Năm 1855, học Triết và Thần học ở Kẻ Non.” (Trần Ngọc Thụ, 2001)

Theo Lê Minh Thiện (2005) trong “Vai trò và uy tín của Linh mục qua nhìn nhận của giáo dân”: “Như vậy dù có các cách gọi, cách xưng hô khác nhau nhưng linh mục trước hết phải là người tu hành suốt đời, được phong các chức

thánh và quan trọng hơn là người thay mặt “Chúa” ở trần gian chăm sóc phần hồn cho tín đồ. Mỗi linh mục phụ trách một địa danh nhất định theo sự phân công của giám mục. Giáo dân nào thường có mối liên hệ mật thiết với Chúa thì hệ cũng có liên hệ mật thiết với linh mục.” (Lê Minh Thiện, 2005)

Trong lịch sử Công giáo Việt Nam thế kỷ XIX, linh mục Phêrô Trần Lục (thường gọi là cụ Sáu) được xem là một nhân vật có ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ trong phạm vi tôn giáo mà còn ở lĩnh vực văn hóa, xã hội và kiến trúc. Ông nổi bật với vai trò là người khởi xướng và giám sát việc xây dựng quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm - công trình kiến trúc tôn giáo mang tính biểu tượng của sự giao thoa Đông - Tây. Để hiểu rõ hơn về con người và di sản của linh mục Trần Lục, tôi sẽ trình bày rõ nét hơn về xuất thân, hành trình tu trì và những đóng góp của ông cho Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Phêrô Trần Lục, tên khai sinh là Trần Văn Hữu, sinh năm 1825 tại làng Mỹ Quan, tổng Cao Vịnh, huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Gia đình ông thuộc giáo xứ Kẻ Rừa, sống trong môi trường thấm đẫm truyền thống Công giáo. Ông là con thứ sáu trong gia đình có bảy người con, vì vậy sau này được gọi thân mật là “cụ Sáu” - tên gọi gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của ông. Tuổi thơ của Trần Văn Hữu diễn ra trong bối cảnh xã hội Việt Nam có nhiều biến động: chính sách cấm đạo khắt khe dưới thời nhà Nguyễn khiến đời sống tôn giáo gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong môi trường gia đình đạo đức và sự nâng đỡ của cộng đoàn giáo xứ, ông sớm bộc lộ lòng mến Chúa và ý hướng dâng mình cho đời sống tu trì.

Năm 1840, khi mới 15 tuổi, Trần Văn Hữu bắt đầu theo linh mục Trần Văn Tiểu phụ giúp trong các công việc phụng vụ tại giáo xứ Bạch Bát (nay thuộc tỉnh Ninh Bình). Đây là bước khởi đầu quan trọng, giúp ông tiếp cận gần hơn với đời sống thiêng liêng. Năm 1845, ông được nhận vào Tiểu chủng viện Vĩnh Trị để bắt đầu chương trình đào tạo chính thức. Tại đây, ông lấy tên là Trần Văn Triêm. Sau khi hoàn tất giai đoạn tiểu chủng viện, ông tiếp tục theo học tại Đại chủng viện Kẻ Non (Hà Nội), nơi đào tạo các ứng sinh linh mục cho giáo phận. Đến năm 1850, ông được lãnh nhận chức phó tế, rồi sau đó thụ

phong linh mục. Với lòng nhiệt thành và sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý, ông nhanh chóng trở thành một trong những linh mục được tín nhiệm tại giáo phận.

Sau khi phục vụ tại một số giáo xứ nhỏ, năm 1865, linh mục Trần Lục được bổ nhiệm làm cha sở giáo xứ Phát Diệm - một vùng đất nằm ở phía nam tỉnh Ninh Bình, vốn là trung tâm Công giáo lớn thời bấy giờ. Đây là bước ngoặt quan trọng trong đời linh mục của ông, bởi từ thời điểm này, Trần Lục gắn bó trọn vẹn 34 năm với Phát Diệm cho đến khi qua đời. Trong vai trò cha sở, ông không chỉ chăm lo đời sống đức tin cho giáo dân mà còn tham gia vào nhiều hoạt động xã hội, đối thoại với chính quyền để bảo vệ quyền tự do tôn giáo cho cộng đoàn. Chính sự khéo léo trong quan hệ với triều đình nhà Nguyễn và chính quyền Pháp đã giúp ông đạt được nhiều thuận lợi cho sự phát triển của giáo xứ.

Linh mục Trần Lục không chỉ được tín hữu kính trọng mà còn được giới chức đương thời đánh giá cao. Ông được chính quyền thực dân Pháp trao tặng Huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh, từ cấp Hiệp sĩ đến Sĩ quan. Triều đình nhà Nguyễn cũng ban tặng cho ông những danh hiệu danh dự cao quý. Sau khi qua đời năm 1899, ông được truy phong danh hiệu “Nam tước Phát Diệm”. Sự kiện lễ an táng linh mục Trần Lục có sự tham dự của khoảng 40.000 người, bao gồm cả giáo dân và quan chức, cho thấy tầm ảnh hưởng đặc biệt của ông trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ.

Nhắc đến linh mục Trần Lục là nhắc đến Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm, một công trình kiến trúc tôn giáo mang tầm vóc lịch sử.

1.2.3. Quá trình xây dựng Quần thể nhà thờ Phát Diệm

Theo Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ trong “Lịch sử giáo phận Phát Diệm (1901 - 2001)” ông đã trình bày về lịch sử của Quần thể nhà thờ Phát Diệm. Giáo phận Phát Diệm được thành lập năm 1901, tách từ giáo phận Tây Đàng Ngoài, nhưng vùng đất này đã trở thành nơi truyền giáo từ thế kỷ XVII. Trung tâm nổi bật của giáo phận là quần thể Nhà thờ Chính tòa Phát Diệm, do linh mục Trần Lục (Cụ Sáu) xây dựng từ năm 1875 đến 1898, với kiến trúc độc đáo kết hợp hài hòa giữa phong cách Á Đông và phương Tây, thể hiện sự giao thoa văn hóa sâu sắc. Trải qua nhiều biến động lịch sử, giáo phận Phát Diệm không chỉ là trung

tâm tôn giáo quan trọng mà còn đóng góp lớn vào giáo dục, văn hóa và đời sống tinh thần của cộng đồng Công giáo, góp phần bảo tồn truyền thống và phát triển văn hóa Việt Nam trong tiến trình hội nhập. (Trần Ngọc Thụy, 2001)

Ban Tôn giáo Chính phủ đã cung cấp những thông tin về quá trình xây dựng Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm: “Nhà thờ đá Phát Diệm có thể nói là quần thể nhà thờ Công giáo được đánh giá đẹp nhất Việt Nam. Nhà thờ Phát Diệm tọa lạc trên diện tích 22 ha, thuộc địa phận thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, cách Hà Nội 130 km về phía Nam, được xây dựng suốt 24 năm liên tục vào những năm 1875 - 1899. Phát Diệm có nghĩa là phát sinh ra cái đẹp, tên Phát Diệm do Nguyễn Công Trứ đặt.”

Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình đã trình bày một cách cơ bản về quá trình xây dựng của Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm: “Nhà thờ đá Phát Diệm là tên gọi của một tổng thể bao gồm nhiều kiến trúc (phương đình, nhà thờ Lớn, điện thánh Phê rô, Giu se, Rô Cô, hang đá...). Công trình được bắt đầu xây dựng từ năm 1875, đến năm 1898 thì hoàn thành. Kiến trúc sư vĩ đại của công trình này Đức cha Phê rô Trần Lục. Công trình được xây dựng bằng gạch, gỗ và đá, trong đó chất liệu đá chiếm tỉ lệ lớn. Mỗi công trình là một tác phẩm kiến trúc mỹ thuật mang nét riêng. Phương Đình gồm 3 tầng, được xây dựng bằng những phiến đá, có phiến nặng hàng tấn. Điện Trái tim Đức mẹ (còn gọi là nhà thờ đá), được xây dựng hoàn toàn bằng đá từ nền, tường, chân song, cột, xà, mái, những bức phù điêu tứ quý.... Nhà thờ Lớn có kiến trúc gỗ đồ sộ với 6 hàng cột gỗ lim, tổng cộng là 52 cột, 16 cây cột. Bên cạnh đó di tích còn lưu giữ được nhiều mảng chạm khắc đẹp trên cả hai chất liệu là gỗ và đá. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo, vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại. Ngày nay, di tích là nơi sinh hoạt tôn giáo của nhân dân trong vùng và du khách thập phương. Đây không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo mà còn là điểm tham quan du lịch hấp dẫn cho du khách. Với những giá trị đó, nhà thờ đá Phát Diệm đã được Bộ Văn hóa - thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1988.”

Kim Sơn trước đây nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Ninh Bình, thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, cách trung tâm tỉnh khoảng 33 km về phía nam và cách thủ đô Hà Nội khoảng 126 km theo tuyến Quốc lộ 10. Phía Đông Kim Sơn giáp huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định) qua sông Đáy, phía Tây giáp huyện Nga Sơn (tỉnh Thanh Hóa) và huyện Yên Mô của Ninh Bình, phía Bắc giáp huyện Yên Khánh, phía nam tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển gần 18 km.

Địa hình Kim Sơn tương đối bằng phẳng, độ cao thấp dần về phía biển, nghiêng theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây, được hình thành bởi quá trình bồi tụ phù sa của sông Càn và sông Đáy. Qua hàng trăm năm quai đê, lấn biển, vùng đất này đã trở thành một trong những khu vực đồng bằng trù phú. Nền đất trẻ, giàu phù sa, thích hợp cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Trong cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn* (2008) đã trình bày được quá trình hình thành huyện Kim Sơn cùng những đặc điểm tự nhiên - xã hội - truyền thống của mảnh đất giàu giá trị lịch sử văn hóa này. (Đảng bộ huyện Kim Sơn, 2008)

Kim Sơn là một vùng đất được con người khai phá từ xa xưa. Vào năm 1829, Nguyễn Công Trứ - khi đó là Dinh điền sứ - đã chỉ huy hàng vạn dân khai khẩn vùng bãi bồi ven biển này, lập nên huyện Kim Sơn. Tên gọi “Kim Sơn” (nghĩa là “núi vàng”) được ông đặt với mong ước nơi đây trở thành vùng đất phồn thịnh, sung túc. Hiện nay, huyện Kim Sơn có 23 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn là Phát Diệm (huyện lỵ) và Bình Minh, cùng 21 xã: Ân Hòa, Chát Bình, Cồn Thoi, Định Hóa, Đồng Hương, Hội Ninh, Hùng Tiến, Kim Chính, Kim Định, Kim Đông, Kim Mỹ, Kim Tân, Kim Trung, Lai Thành, Như Hòa, Quang Thiện, Thượng Kiệm, Văn Hải, Xuân Chính, Yên Lộc. Toàn huyện có diện tích 239,78 km², dân số khoảng 192 nghìn người (năm 2022), với mật độ gần 800 người/km².

Dân cư Kim Sơn chủ yếu là người Kinh, có truyền thống cần cù, gắn bó với đất đai và biển cả. Huyện nổi bật bởi sự đa dạng trong đời sống tôn giáo, đặc biệt là Công giáo. Khoảng 46% dân số theo Công giáo, đây là một trong

những địa phương có tỷ lệ giáo dân cao nhất cả nước; khoảng 6% theo Phật giáo, phần còn lại không theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng dân gian.

Đặc điểm này đã tạo nên một nền văn hóa đặc sắc, giao thoa giữa tín ngưỡng dân gian Việt Nam và văn hóa Thiên Chúa giáo phương Tây. Nhiều lễ hội tôn giáo, thánh lễ và sinh hoạt cộng đồng được tổ chức quy củ, phản ánh đời sống tinh thần phong phú của người dân.

Kim Sơn còn nổi tiếng với các làng nghề truyền thống, đặc biệt là nghề đan cói - nguồn nguyên liệu dồi dào từ các bãi bồi ven biển. Các sản phẩm cói Kim Sơn như chiếu, túi, thảm, hàng mỹ nghệ... đã xuất khẩu sang nhiều nước, trở thành biểu tượng văn hóa - kinh tế đặc trưng của vùng.

Kim Sơn được biết đến như một vùng đất của văn hóa giao thoa Đông - Tây, nơi lưu giữ nhiều công trình kiến trúc, di tích và thắng cảnh nổi bật: Nhà thờ chính tòa Phát Diệm trung tâm của Giáo phận Phát Diệm, là quần thể kiến trúc tôn giáo có một không hai ở Việt Nam. Công trình kết hợp nghệ thuật kiến trúc Gothic phương Tây với kiến trúc truyền thống Việt Nam, được xây hoàn toàn bằng đá và gỗ lim, cầu ngói Phát Diệm: Cầu cổ bằng gỗ, mái ngói cong uốn lượn, gợi nhớ đến hình ảnh “Thượng gia hạ kiều” trong văn hóa dân gian Việt Nam, Còn nổi nơi có hệ động - thực vật phong phú, là điểm nghiên cứu và du lịch sinh thái hấp dẫn...

Trong đó nhà thờ đá Phát Diệm là một trong những công trình kiến trúc tôn giáo độc đáo nhất Việt Nam nằm tại thị trấn Phát Diệm huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Công trình này được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX dưới sự chỉ đạo và thiết kế của linh mục Phêrô Trần Lục còn được gọi là cụ Sáu.

Công trình Nhà thờ đá Phát Diệm được khởi công năm 1875 và hoàn thành vào 1899, kéo dài suốt 24 năm, trải qua các giai đoạn như sau:

Giai đoạn thử nghiệm 1875

Linh mục Trần Lục cho xây dựng Hang đá Belem để kiểm tra khả năng chịu lực của nền đất. Công trình thử nghiệm này hoàn thành thành công, chứng minh nền địa chất ổn định, tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng những hạng mục lớn sau đó.

Giai đoạn kiến thiết chủ đạo (1883 - 1897):

Năm 1883: Hoàn thành Nhà thờ Kính Trái Tim Đức Mẹ - nhà thờ đá được làm hoàn toàn bằng đá cẩm thạch, trở thành biểu tượng của toàn bộ quần thể.

Năm 1889: Xây dựng Nhà thờ Trái Tim Chúa Giêsu.

Năm 1891: Thi công Nhà thờ chính tòa, trung tâm phụng vụ, với quy mô lớn nhất.

Từ 1895 - 1896: Hoàn thiện các nhà thờ nhỏ (Thánh Roco, Thánh Phêrô, Thánh Giuse) cùng các hang đá phụ.

Năm 1897: Phương Đình được hoàn tất, đánh dấu sự hoàn thiện về bố cục không gian và kiến trúc.

Giai đoạn hoàn thiện tổng thể (1899):

Sau một phần tư thế kỷ toàn bộ quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm được hoàn tất - trở thành trung tâm Công giáo lớn nhất miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ.

Đến nay, Quần thể nhà thờ Phát Diệm rộng khoảng 2 ha, được quy hoạch hài hòa theo nguyên tắc phong thủy truyền thống “tiền thủy hậu sơn” - phía trước có hồ nước, phía sau là núi, tạo thế cân bằng và vững chãi. Đây không chỉ là một công trình tôn giáo, mà còn là một tổng thể kiến trúc nghệ thuật kết hợp nhuần nhuyễn giữa tinh thần phương Đông và kỹ thuật phương Tây.

Trung tâm của quần thể là Nhà thờ chính tòa, còn gọi là Nhà thờ Lớn, nơi diễn ra các hoạt động phụng vụ chính. Công trình có chiều dài 74m, rộng 21m và cao 15m, được dựng bằng những cột gỗ lim khổng lồ, mái ngói uốn cong, mang đậm hình ảnh của đình - chùa truyền thống Việt Nam.

Phía trước nhà thờ chính là Phương Đình, tòa tháp chuông cao 25m, gồm 5 tầng, được ví như tam quan của quần thể. Kiến trúc của Phương Đình mang đậm dáng dấp Á Đông, với mái cong, đầu đao vút lên, các tầng chồng diêm như tháp cổ phương Nam, tạo cảm giác uy nghi mà vẫn thanh thoát.

Hai bên nhà thờ chính bố trí bốn nhà thờ nhỏ: Thánh Roco, Thánh Phêrô, Thánh Giuse và Nhà thờ Trái Tim Chúa Giêsu. Mỗi nhà thờ đều có cấu trúc riêng, nhưng thống nhất về bố cục tổng thể, tạo nên một dải kiến trúc liên hoàn, vừa phong phú vừa cân đối.

Đặc biệt, Nhà nguyện Trái Tim Đức Mẹ, thường được gọi là Nhà thờ Đá, là công trình nổi bật nhất trong toàn bộ quần thể. Toàn bộ tường, cột, mái, bàn thờ đều được chế tác từ đá, thể hiện kỹ thuật điêu khắc tinh xảo và công phu của nghệ nhân Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

Ngoài ra, khu vực ba hang đá nhân tạo, hồ nước lớn và hệ thống tường bao quanh tạo nên không gian mở, vừa mang tính cảnh quan, vừa thể hiện triết lý tôn giáo và mỹ cảm Á Đông - nơi con người hòa mình cùng thiên nhiên.

Nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ là một công trình tôn giáo, mà còn là di sản văn hóa mang giá trị thẩm mỹ, lịch sử và tinh thần sâu sắc. Mỗi chi tiết, từ mái cong, cột gỗ, đến cửa vòm, tháp chuông đều thể hiện tư duy sáng tạo của người Việt trong việc tiếp thu và chuyển hóa tinh hoa văn hóa phương Tây mà không đánh mất bản sắc dân tộc. Đây là minh chứng sinh động cho sự giao thoa văn hóa, nơi tín ngưỡng Thiên Chúa giáo được bản địa hóa bằng ngôn ngữ kiến trúc truyền thống, tạo nên một không gian linh thiêng vừa quen thuộc, vừa mới mẻ.

Năm 1988, Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia. Đến nay, nơi đây vẫn là trung tâm sinh hoạt tôn giáo quan trọng của Giáo phận Phát Diệm, đồng thời là điểm đến du lịch nổi tiếng, thu hút đông đảo khách hành hương và du khách trong, ngoài nước đến chiêm ngưỡng và nghiên cứu.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đặt nền tảng lý luận cho toàn bộ đề tài, làm rõ khái niệm và bối cảnh hình thành hiện tượng giao thoa văn hóa trong lịch sử Việt Nam. Qua hệ thống hóa các quan điểm khoa học, chương khẳng định giao thoa và tiếp biến văn hóa là quy luật phổ quát của sự phát triển nhân loại - vừa là kết quả, vừa là động lực thúc đẩy xã hội tiến lên. Ở Việt Nam, quá trình này diễn ra liên tục, gắn liền với các giai đoạn lịch sử, thể hiện khả năng tiếp thu linh hoạt và Việt hóa sáng tạo, giúp văn hóa dân tộc vừa giữ bản sắc riêng, vừa hòa nhập với thế giới.

Chương cũng làm rõ rằng giao thoa văn hóa không chỉ là sự tiếp xúc hay vay mượn, mà là quá trình tương tác hai chiều, nơi yếu tố nội sinh và ngoại sinh hòa quyện, tạo nên giá trị mới. “Tiếp biến” được xem là giai đoạn cao, khi bản sắc dân tộc được củng cố qua việc tái định hình yếu tố ngoại lai cho phù hợp với tâm thức bản địa.

Trên cơ sở đó, Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm được xác định là minh chứng tiêu biểu cho giao thoa văn hóa Đông - Tây, kết hợp tinh tế giữa kiến trúc truyền thống Việt và phong cách Gothic phương Tây, tạo nên tảng lý luận cho các chương sau.

CHƯƠNG 2

BIỂU HIỆN CỦA GIAO THOA VĂN HÓA ĐÔNG - TÂY QUA QUẦN THỂ NHÀ THỜ PHÁT DIỆM

2.1. Biểu hiện

2.1.1. Về kiến trúc

Trong những nghiên cứu về kiến trúc nhà thờ Công giáo Bắc Bộ (2017), tác giả Đỗ Thị Thu Vân đã nhấn mạnh: “Do đặc điểm lịch sử truyền giáo, hình thức kiến trúc nhà thờ công giáo bắc bộ chịu nhiều ảnh hưởng của các phong cách kiến trúc Châu Âu đã phát triển trước đó: Gothich, Roman, Phục hưng, Baroque. Tuy là loại hình kiến trúc du nhập nhưng cũng như các loại hình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng khác, kiến trúc nhà thờ đã có sự thích ứng, hòa hợp với văn hóa và kiến trúc cổ truyền Việt Nam từ tổ chức quy hoạch tổng thể, hình thức kiến trúc, giải pháp kết cấu, trang trí mỹ thuật và sử dụng vật liệu. Sự vận dụng sáng tạo này trong xây dựng nhà thờ công giáo đã tạo nên những công trình kiến trúc thể hiện sự kết hợp Âu - Á độc đáo. Nổi bật của sự kết hợp này chính là loại hình công trình nhà thờ vận dụng kết cấu chính là bộ khung gỗ truyền thống, mái lợp ngói với hình thức mặt đứng và trang trí theo thức châu âu. Kiến trúc nhà thờ khác biệt dễ nhận diện trong tổng thể kiến trúc và tương tự như đình chùa là gần gũi, gắn bó với làng xóm và người dân Việt Nam, hòa hợp với cảnh sắc chung của địa phương. Công trình không chỉ đơn thuần phục vụ nhu cầu tôn giáo tín ngưỡng mà còn là những tác phẩm nghệ thuật kiến trúc có giá trị, một số tiêu biểu còn gắn liền với địa danh khu vực. Nhà thờ với nhiều phong cách kiến trúc giữa trong và ngoài nước tạo bức tranh đa dạng, nhiều màu sắc, nhưng vẫn mang đặc trưng riêng biệt của kiến trúc nhà thờ công giáo Việt Nam, và đặc biệt là thành phần đóng góp tích cực trong công tác tạo lập bản sắc kiến trúc dân tộc.”

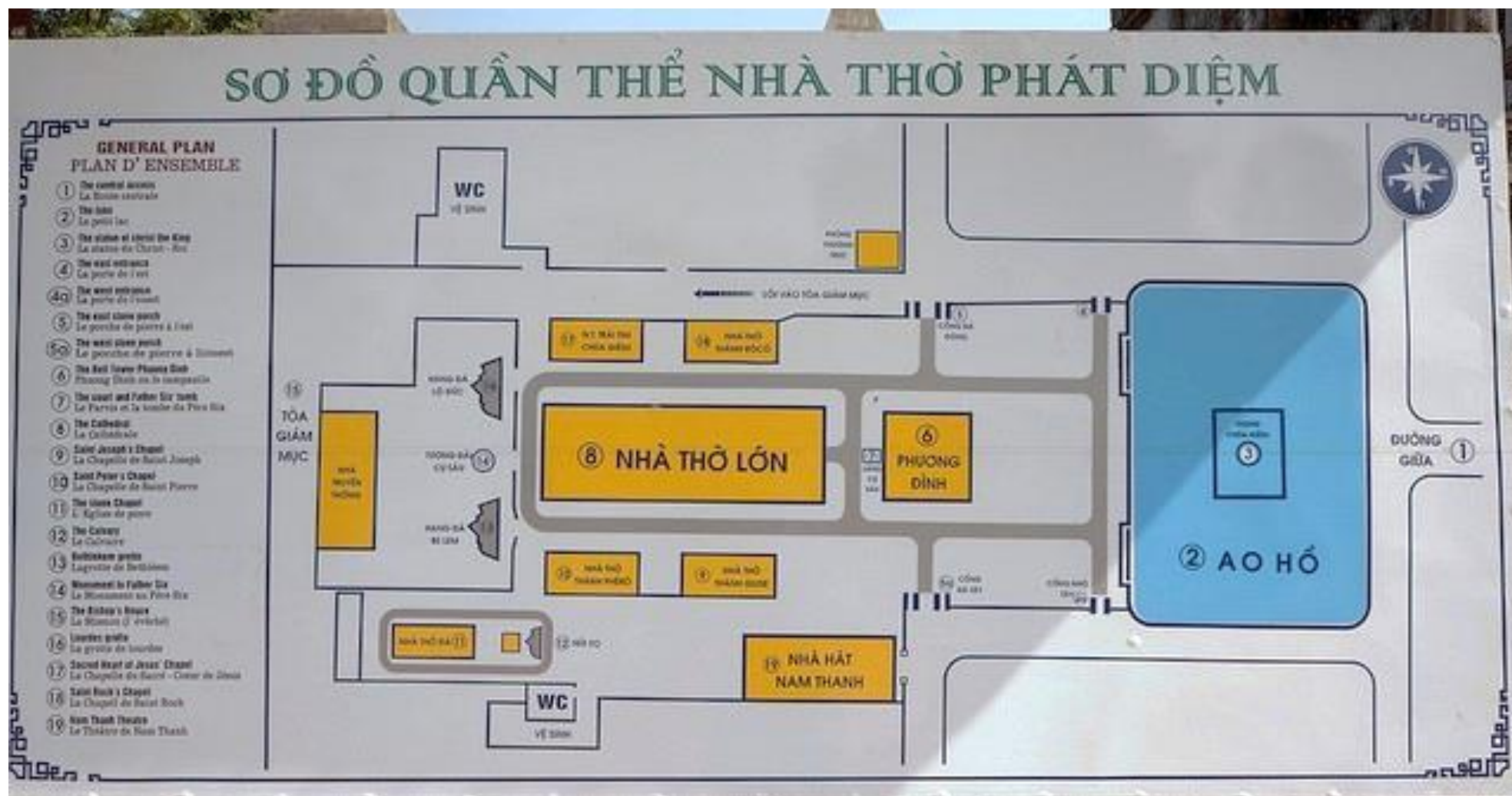
Theo bài viết Ảnh hưởng của văn hóa đối với kiến trúc (2023), Nguyễn Đình Thi đã trình bày những ảnh hưởng của giao thoa văn hóa tới kiến trúc Công giáo nổi bật trong đó là công trình Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm: “Kiến trúc nhà thờ Công giáo giai đoạn đầu chịu ảnh hưởng bởi văn hóa kiến trúc nhà

thờ châu Âu như phong cách kiến trúc Byzantine, Roman, Gothic, Phục Hưng, Baroque, Rococo. Mặc dù hình thức kiến trúc có du nhập văn hóa kiến trúc châu Âu nhưng về lựa chọn vị trí xây dựng, tổ chức không gian cảnh quan vẫn được Việt hóa, đó là sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và chịu ảnh hưởng bởi văn hóa truyền thống địa phương. Cũng giống như các công trình tôn giáo và tín ngưỡng của người Việt, vị trí khu đất xây dựng nhà thờ được chọn trên khu đất quang đãng, rộng rãi, cao ráo và gần với các khu giáo dân sinh sống, nơi có cây xanh, mặt nước soi bóng công trình nhà thờ. Tỷ lệ hình khối công trình nhà thờ cũng đã nhỏ hơn so với các công trình nhà thờ ở châu Âu, phù hợp với tỷ lệ, tâm thức của người Việt. Giai đoạn sau này, kiến trúc nhà thờ ngày càng chịu ảnh hưởng bởi văn hóa lối sống, phong tục tập quán và nhất là văn hóa truyền thống bản địa, cảnh quan thiên nhiên, không gian mặt nước của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước, cụ thể kiến trúc nhà thờ ngày càng giao thoa, hòa hợp, gần gũi với văn hóa kiến trúc truyền thống Việt Nam từ tổ chức tổng mặt bằng, hình thức kiến trúc, giải pháp kết cấu gỗ và trang trí mỹ thuật cho công trình. Hình thức kiến trúc bên ngoài nhà thờ theo phong cách kiến trúc châu Âu nhưng cũng đã kết hợp với hình thức kiến trúc truyền thống Việt như kết hợp với mái dốc chồng diêm, trang trí đầu đao uốn cong kiểu mái đình, chùa, bên trong sử dụng kết cấu gỗ truyền thống như Nhà thờ đá Phát Diệm. Vật liệu xây dựng nhà thờ cũng sử dụng các vật liệu sẵn có tại địa phương như gạch đất nung, gỗ, đá. Các công trình kiến trúc chịu ảnh hưởng văn hóa tín ngưỡng ở nước ta có thể kể đến đó là phủ, đình, đền, miếu và nhà thờ họ.” (Nguyễn Đình Thi, 2023)

Trong bài báo Nhà thờ đá Phát Diệm - công trình kiến trúc nguy nga kết hợp văn hóa Đông Tây (2024) : “Điểm nổi bật của trong kiến trúc của nhà thờ đá Phát Diệm là sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây. Tất cả các hạng mục được bố trí theo một mặt bằng tổng thể hình chữ Vương. Không gian đóng mở theo phong cách tạo cảnh phương Đông rõ nét - trước là hồ nước, sau là núi - theo quan niệm người Á Đông "Tiên có thủy, hậu có sơn," với mong muốn mọi việc diễn ra tốt đẹp, an lành cho cuộc sống.”

Nguyễn Thị Xuân với bài viết Phong cách nhà thờ Công giáo có kiến trúc gỗ cổ truyền ở tỉnh Ninh Bình tác giả đã cho thấy một trong những điểm nổi bật trong kiến trúc của các nhà thờ công giáo ở Ninh Bình nói chung và Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm nói riêng: “Các nhà thờ có cấu trúc gỗ cổ truyền ở Ninh Bình được dựng vào giai đoạn thế kỷ 20 có phong cách kiến trúc khác với giai đoạn thế kỷ 19. Nếu giai đoạn thế kỷ 19 các nhà thờ có cấu trúc gỗ được dựng hoàn toàn theo kỹ thuật, kiến trúc truyền thống của người Việt từ hệ khung gỗ đến hệ mái, bao che xung quanh hoặc chỉ ảnh hưởng của phong cách kiến trúc châu Âu ở những chi tiết nhỏ... thì sang thế kỷ 20, các nhà thờ hầu hết chỉ sử dụng hệ khung gỗ, mái ngói cổ truyền còn hệ bao che được kế thừa, tiếp nhận một cách có chọn lọc các phong cách kiến trúc của phương Tây. Ngay trong một nhà thờ Công giáo thì các công trình kiến trúc cũng có những mốc niên đại khởi dựng khác nhau. Thường thì nhà thờ chính (điện Thánh Mẫu) được dựng đầu tiên, sau đó trong quá trình tồn tại để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt nghi lễ, văn hóa thì bổ sung các công trình phụ trợ như: nhà quán cư phía trước nhà thờ chính (nhà thờ Hiếu Thuận, nhà thờ Phát Diệm); nhà dẫy ở cạnh bên (nhà thờ Bình Sa, nhà thờ Phúc Nhạc...).” (Nguyễn Thị Xuân, 2025)

Ta có thể thấy kiến trúc Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm chính là một minh chứng đặc sắc cho sự hòa quyện hài hòa giữa văn hóa Công giáo phương Tây và văn hóa truyền thống Á Đông.



Sơ đồ Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm

2.1.1.1. Về mặt bằng kiến trúc

Quần thể Nhà thờ Phát Diệm được xây dựng trên một mặt bằng tổng thể có hình chữ “Vương” (王) - biểu tượng của quyền uy, trật tự và sự hoàn chỉnh trong tư duy kiến trúc Á Đông. Toàn bộ khuôn viên rộng khoảng 2 ha, được quy hoạch dọc theo một trục trung tâm kéo dài từ Nam ra Bắc, thể hiện tư duy tổ chức không gian có tính biểu tượng cao và mang đậm tinh thần tôn giáo. Các hạng mục được bố trí đảm bảo tính cân đối, hài hòa, vừa thể hiện rõ triết lý phong thủy “tiền thủy - hậu sơn”, tức phía trước có nước làm minh đường, phía sau có núi làm hậu chẩm - một nguyên tắc lý tưởng trong kiến trúc phương Đông.

Kiến trúc đặc sắc của nhà thờ đá Phát Diệm đã được thể hiện đặc sắc qua bài viết Nhà thờ Phát Diệm nơi niềm tin Kitô giáo gặp gỡ văn hóa Việt Nam (2009): “Cả quần thể này như một tiếng nói sống động phản ánh tâm thức người Việt Nam. Ta gặp nơi đây bố cục kiến trúc theo phong cách truyền thống. Nhìn từ xa, toàn bộ công trình là những mái đao cong cong duyên dáng thấp thoáng giữa tán cổ thụ, những nét mái cong đan xen vào nhau dày đặc nhưng không rối, trùng trùng điệp điệp nhưng vẫn thanh thoát nhẹ nhàng. Đường cong và đường thẳng ở đây dường như là phản ánh của quan niệm vuông tròn, của triết lý Âm - Dương, hay là vũ trụ quan người Việt. Toàn bộ công trình không vươn cao, nhưng trải rộng ra, đối xứng với nhau qua trục trung tâm. Từng hạng mục và tổng thể hài hoà với khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, với con người chất phác mộc mạc. Vẫn là bố cục quen thuộc ta từng gặp ở Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, ở cố đô Huế, đó là bố cục theo triết lý về sự hài hoà của Thiên - Địa - Nhân, sự hài hoà các yếu tố Âm - Dương, theo các nguyên tắc phong thủy. Con số được ưa dùng ở đây vẫn là những con số lẻ, tức là số dương, phản ánh khát vọng phát triển, thịnh vượng.”.

2.1.1.2. Về các công trình cụ thể

Hồ nước

Ngay khi bước chân vào Quần thể, phần ao hồ hình chữ nhật đã thể hiện rõ yếu tố giao thoa văn hóa. Trong kiến trúc truyền thống của phương Tây, khu

vực phía trước nhà thờ thường là quảng trường rộng lớn, nơi tập trung tín đồ trước và sau khi cử hành thánh lễ. Thì ở Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, quảng trường được thay thế bằng ao hồ - một yếu tố phong thủy phương Đông. Nước trong triết lý phương Đông là biểu tượng của sự sống, sự điều hòa âm dương và “tụ thủy sinh tài”. Hồ nước hình chữ nhật vừa có tác dụng điều hòa cảnh quan, vừa mang ý nghĩa biểu tượng trong quan niệm phương Đông: con người phải rửa sạch bụi trần, thanh lọc tâm hồn trước khi bước vào chốn linh thiêng. Hồ nước này khiến người ta liên tưởng đến ao sen trước chùa làng. Ao hồ phía trước nhà thờ tạo nên bố cục “Tiền thủy - hậu sơn”, vừa đáp ứng yếu tố thẩm mỹ, vừa thể hiện sự thích ứng của văn hóa Công giáo với quan niệm văn hóa bản địa, nhấn mạnh sự gần gũi giữa Công giáo và tín ngưỡng truyền thống Việt Nam.

Phương Đình

Phương Đình - công trình tọa ở trung tâm thường được gọi là tháp chuông. Trong kiến trúc Gothic phương Tây, tháp chuông thường vươn cao, nhọn vút, mang tính biểu tượng hướng lên trời. Tuy nhiên, Phương Đình tại nhà thờ Phát Diệm lại mang dáng dấp của một gác chuông truyền thống của đình, chùa Việt Nam. Bố cục gồm 3 cửa lớn (3 vòm) gợi nhớ cấu trúc tam quan trong nhà chùa Việt Nam. Ở tầng trên, Phương Đình được thiết kế với 5 tháp: bốn tháp nhỏ ở bốn góc và một tháp trung tâm lớn hơn. Trên đỉnh mỗi tháp góc đặt tượng của bốn Thánh tác giả của Kinh Tin Mừng. Tháp trung tâm vừa có hình thức tương tự nhưng quy mô lớn hơn, đồng thời là nơi đặt tầng chuông, trong đó nổi bật là quả chuông nam cao khoảng 1,90 m được treo tại đây. Công trình cao ba tầng, được xây dựng chủ yếu bằng gỗ xen đá. Các phần mái của Phương Đình được lợp ngói mũi hài - loại ngói đặc trưng trong kiến trúc đình Việt Nam. Các góc mái và đầu mái có đầu đao cong lên, mái đua ra và được đỡ bởi hệ con sơn gỗ, điều này là nét kiến trúc truyền thống Đông Á. Những trụ đá, cấu trúc khối đá khối lớn, tháp chuông - đựng chuông để phát thanh, là yếu tố không thể thiếu trong kiến trúc nhà thờ phương Tây. Sự đan xen này làm nổi bật giao thoa kiến trúc giữa văn hóa phương Đông và Tây.

Nhà thờ Lớn (Nhà thờ chính tòa)

Trung tâm của toàn bộ Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm chính là Nhà thờ Lớn, công trình có quy mô đồ sộ và giữ vai trò quan trọng về cả vị trí lẫn chức năng của nó. Nhà thờ được khởi công xây dựng trong một khoảng thời gian tương đối dài từ năm 1875 đến năm 1898, phản ánh sự tâm huyết, công phu và tầm vóc của một công trình tôn giáo - văn hóa tiêu biểu. Khi so sánh với kiến trúc Gothic châu Âu sự khác biệt và sáng tạo trong nhà thờ Lớn Phát Diệm lại càng trở nên nổi bật. Trước tiên về bố cục, Nhà thờ Lớn vẫn tuân theo mô hình basilica La Mã quen thuộc trong kiến trúc nhà thờ phương Tây, với lòng chính (nave) rộng rãi dành cho giáo dân, hai lòng phụ (aisle) chạy song song hai bên, và gian cung thánh đặt ở vị trí trung tâm cuối nhà thờ để cử hành các nghi lễ. Không gian bên trong được tổ chức theo trục dọc, có sảnh đón tiếp và lối đi phụ, hệ cửa sổ và cửa vòm cho phép ánh sáng tự nhiên lọt vào, tạo nên bầu không khí trang nghiêm và linh thiêng vốn đặc trưng của nhà thờ Công giáo.

Theo bài viết của Báo điện tử Ninh Bình Nhà thờ đá Phát Diệm - công trình kiến trúc nguy nga kết hợp văn hóa Đông - Tây (2024): “Điểm chung trong kiến trúc nhà thờ Phát Diệm giống với nhà thờ ở phương Tây là lòng nhà thờ dài, còn lại được bài trí theo cách truyền thống, gồm 10 gian, có 9 bộ chông giường, hệ thống mái gồm 2 tầng ngất quăng bởi cửa sổ đến lấy ánh sáng đồng thời tạo độ vút cho mái. Đây chính là dạng chông diêm trong kiến trúc chùa Việt.”

Đặc biệt, việc sử dụng và bảo tồn mái ngói thủ công truyền thống - cùng với giải pháp thay thế bằng loại ngói nhẹ hơn tại công trình này trong quá trình tu sửa để giảm tải trọng - cho thấy sự thích ứng khéo léo với điều kiện khí hậu, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho tinh thần gìn giữ giá trị vật liệu văn hóa truyền thống. Chính nhờ sự khác biệt và giao thoa ấy, Nhà thờ Lớn Phát Diệm không đơn thuần là một nhà thờ Công giáo đơn thuần, mà trở thành một điểm sáng tạo bản địa độc đáo. Nó vừa duy trì được cấu trúc và chức năng của một thánh đường Công giáo, vừa thể hiện tinh thần nghệ thuật và phong thủy đặc trưng của Việt Nam. Đây là minh chứng điển hình cho quá trình giao thoa văn

hóa. Thay vì du nhập nguyên mẫu, người Việt đã tiếp nhận, biến đổi và sáng tạo để tạo ra một công trình mang giá trị toàn cầu nhưng vẫn đậm chất dân tộc.

Lăng Cự Sáu

Nằm yên tĩnh sau Nhà thờ Lớn là Lăng cụ Sáu (Linh mục Trần Lục) - người được người dân kính trọng gọi là Cụ Sáu, vị linh mục tài hoa đã khởi xướng và chỉ đạo xây dựng nên toàn bộ quần thể Nhà thờ Phát Diệm. Lăng được dựng bằng đá xanh nguyên khối, có quy mô không lớn nhưng mang vẻ đẹp trang nghiêm và tinh xảo. Bốn cột trụ đá chạm khắc rồng, phượng và hoa lá thể hiện rõ dấu ấn nghệ thuật chạm khắc dân gian Việt Nam. Chú ý kỹ hơn ta có thể thấy trên bốn trụ đó là bốn bình nước phép được chạm thành búp sen - biểu tượng cho sự thanh khiết và giác ngộ trong văn hóa Á Đông. Chi tiết này thể hiện rõ ý niệm giao thoa giữa văn hóa Việt và văn hóa phương Tây. Bao quanh là không gian yên tĩnh, thoáng đãng, tạo cảm giác tôn nghiêm, thanh khiết - phù hợp với tinh thần tri ân và kính ngưỡng đối với người có công lớn với giáo xứ. Điểm đặc biệt của Lăng Cụ Sáu nằm ở sự giao thoa tinh tế giữa kiến trúc Á Đông và nghệ thuật Công giáo phương Tây. Kết cấu mái, cột, và hoa văn đều gợi nhớ đến hình ảnh đình chùa truyền thống, song bố cục tổng thể lại hài hòa, cân đối theo nguyên tắc đối xứng phương Tây. Chính sự kết hợp ấy đã tạo nên một không gian vừa thiêng liêng, vừa gần gũi với tâm hồn người Việt. Bên cạnh giá trị tôn giáo, lăng còn là biểu tượng văn hóa - thẩm mỹ, phản ánh tinh thần sáng tạo và bản lĩnh của người Việt trong thời kỳ tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Ngày nay, Lăng Cụ Sáu không chỉ là nơi yên nghỉ của một vị linh mục đáng kính, mà còn là chứng tích sống động cho quá trình giao thoa văn hóa Đông - Tây trong lịch sử Việt Nam cận đại. Cùng với quần thể Nhà thờ Phát Diệm, nơi đây thể hiện rõ khát vọng dung hợp, đổi mới và giữ vững bản sắc dân tộc trong dòng chảy văn hóa và đức tin của dân tộc Việt Nam.

Các công trình khác

Trong quần thể Nhà thờ Phát Diệm, hai bên Nhà thờ Lớn được bố trí bốn nhà thờ nguyện độc lập: Trái Tim Chúa Giêsu, Thánh Roco, Thánh Giuse và

Thánh Phêrô. Cách sắp đặt này thể hiện tư duy quy hoạch cân xứng và trật tự đặc trưng của kiến trúc phương Tây, tương tự như việc bố trí các kapelle trong nhà thờ châu Âu. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng là ở Phát Diệm, các nhà nguyện được xây dựng như những công trình độc lập, có mái riêng, kết cấu riêng, gần gũi với mô hình các điện thờ trong đình, chùa Việt Nam. Về hình thức, các nhà nguyện có quy mô nhỏ, kết cấu gỗ, mái ngói cong với đầu đao uốn lượn, cửa ra vào và cửa sổ dạng vòm nhưng khung cửa, khung mái lại được chạm khắc bằng các hoa văn dân gian quen thuộc như rồng, mây, tứ quý. Nội thất vẫn giữ những yếu tố cơ bản của thờ phụng Công giáo (bàn thờ, tượng thánh, lễ đài), song cách thể hiện lại hòa trộn với mỹ thuật bản địa, mang tính gần gũi đối với người dân. Tiêu biểu là Nhà nguyện Trái Tim Đức Mẹ (xây năm 1883) với toàn bộ cấu kiện bằng đá tự nhiên, có phù điêu kể chuyện bằng ngôn ngữ tạo hình dân gian. Như vậy, các nhà nguyện không chỉ đóng vai trò “cánh tay mở rộng” của Nhà thờ Lớn, phục vụ nhu cầu hành lễ và nghi thức phụ, mà còn là minh chứng tiêu biểu cho sự dung hợp giữa tư duy tổ chức không gian phương Tây và hình thức biểu đạt bản địa Việt Nam, góp phần củng cố tính toàn vẹn và độc đáo của quần thể kiến trúc Phát Diệm.

Phía sau Nhà thờ Lớn, ba hang đá nhân tạo - Núi Sinh Nhật, Núi Lộ Đức và Núi Sọ - giữ vai trò đặc biệt trong việc khép lại trục chính của quần thể Phát Diệm. Về mặt nguồn gốc, hang đá (grotto) là một loại hình kiến trúc quen thuộc trong truyền thống Công giáo phương Tây, thường gắn liền với các sự kiện tôn giáo như hang đá Giáng Sinh hay hang Đức Mẹ Lộ Đức ở Pháp. Trong các nhà thờ châu Âu, grotto thường xuất hiện như một không gian phụ, đặt ở sân vườn hoặc bên hông, tạo nơi hành hương và cầu nguyện. Tuy nhiên, khi được đưa vào Phát Diệm, yếu tố này không giữ nguyên khuôn mẫu mà được biến đổi theo thẩm mỹ bản địa. Các hang đá được xây dựng giống như những hòn non bộ - một đặc trưng lâu đời trong nghệ thuật vườn cảnh và chùa chiền Việt Nam - với đá xếp chồng, khe núi, mái vòm tự nhiên, tạo cảm giác vừa hùng vĩ vừa gần gũi. Không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng tôn giáo, các hang đá này còn được tích hợp vào triết lý phong thủy Á Đông “tiền thủy - hậu sơn”: phía trước là hồ

nước vuông, phía sau là núi, tạo thế cân bằng hài hòa cho toàn bộ công trình. Đây là một sáng tạo khác biệt so với kiến trúc nhà thờ phương Tây, nơi grotto không bao giờ được đặt vào trục chính mà chỉ đóng vai trò cảnh quan phụ. Vào dịp lễ Giáng Sinh, nơi đây trở thành trung tâm tái hiện cảnh Chúa Hài Đồng - một nghi lễ phương Tây - nhưng lại diễn ra trong khung cảnh non bộ, vốn là biểu tượng gắn liền với tâm thức Á Đông. Sự tồn tại của ba hang đá nhân tạo ở Phát Diệm vì vậy không chỉ bổ sung chiều sâu thị giác và tính thiêng liêng cho tổng thể kiến trúc, mà còn minh chứng rõ rệt cho sự giao thoa Đông - Tây. Một hình thức Công giáo châu Âu được thể hiện bằng cảnh quan Việt Nam, vừa giữ được tinh thần tôn giáo, vừa khiến công trình trở nên gần gũi, hòa nhập vào truyền thống văn hóa địa phương. Đây chính là minh chứng điển hình cho cách mà kiến trúc Công giáo ở Việt Nam không chỉ là mô hình ngoại nhập, mà còn biến đổi sáng tạo để thích ứng với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa.

2.1.1.3. Về vật liệu

Toàn bộ công trình được kiến tạo chủ yếu từ hai chất liệu chính là đá xanh Ninh Bình và gỗ lim, vừa mang tính bền vững vừa thể hiện rõ quan niệm “trường tồn cùng đức tin”. Thay vì sử dụng đá tảng hoặc gạch đá theo truyền thống Gothic châu Âu, công trình được dựng bằng gỗ lim - loại vật liệu quen thuộc trong kiến trúc đình, chùa. Những cột gỗ lim không lồ, có chiều dài tới 12m, đường kính 2,4m, được vận chuyển từ các vùng xa như Thanh Hóa, Nghệ An, thể hiện sự kỳ công trong quá trình kiến thiết. Đá được khai thác, đục đẽo thủ công để tạo nên hệ thống cột, tường, lan can, tượng thánh và các phù điêu tinh xảo; trong khi gỗ được sử dụng cho kết cấu mái, khung cột, chạm khắc hoa văn - tạo nên sự ấm áp, mềm mại và gần gũi với kiến trúc đình chùa Việt Nam. Mái của nhà thờ sử dụng ngói mũi hài truyền thống, kết hợp kết cấu mái nhiều lớp hoặc mái chồng diêm ở các bộ phận phụ. Các mái phụ thường đua rộng, đầu mái cong mềm mại, tạo nên những đường nét uyển chuyển hướng lên cao, nhưng không vút nhọn như tháp mái Gothic phương Tây. Chính sự khác biệt này khiến Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm vừa gợi nhắc đến không gian đình làng, vừa giữ được quy tắc bố cục của một thánh đường Công giáo. Điểm đáng

chú ý là cách tổ chức không gian theo trục trung tâm đối xứng nhưng lại mang tính mở, kết hợp hồ nước, phương đình, và các nhà nguyện phụ, tạo nên một tổng thể vừa linh thiêng vừa dung dị. Với cấu trúc “ngoại Tây nội Đông”, Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ là công trình tôn giáo mà còn là biểu tượng của sự giao thoa văn hóa, nơi vật liệu địa phương, kỹ thuật truyền thống và tinh thần sáng tạo Việt được nâng tầm trong ngôn ngữ kiến trúc mang tính toàn cầu. Quần thể Nhà thờ Phát Diệm không chỉ là một công trình tôn giáo đơn thuần mà còn là minh chứng sống động cho sự gặp gỡ và giao thoa của hai dòng chảy văn hóa Đông - Tây. Các yếu tố kiến trúc Công giáo phương Tây như bố cục basilica, tháp chuông, hang đá grotto đã được giữ lại nhưng được “Việt hóa” qua vật liệu, hình thức mái ngói cong, nghệ thuật chạm khắc gỗ, đá và cách bố trí phù hợp với triết lý phong thủy Á Đông. Nhờ đó, Phát Diệm vừa đảm bảo được sự thiêng liêng và tính hệ thống của kiến trúc nhà thờ châu Âu, vừa gần gũi, quen thuộc với tâm thức, thẩm mỹ và đời sống văn hóa của người Việt. Đây chính là giá trị độc đáo khiến Quần thể nhà thờ Phát Diệm trở thành một biểu tượng tiêu biểu cho sự giao thoa văn hóa, là di sản tôn giáo - nghệ thuật - kiến trúc không chỉ của Công giáo Việt Nam mà còn của lịch sử văn hóa dân tộc trong quá trình tiếp xúc và hội nhập.

2.1.2. Về mỹ thuật

Mỹ thuật trong quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là sự kết tinh hài hòa giữa tinh thần tôn giáo phương Tây và thẩm mỹ truyền thống phương Đông. Nếu ở châu Âu, nghệ thuật trong kiến trúc nhà thờ Công giáo thiên về tính quy phạm, nhằm tôn vinh Thiên Chúa thông qua sự đồ sộ, cân đối và tính biểu tượng siêu hình, thì ở Phát Diệm, yếu tố ấy được chuyển hóa mềm mại, gần gũi hơn qua ngôn ngữ tạo hình, chất liệu, và phong cách biểu đạt của người Việt. Hai lĩnh vực tiêu biểu nhất thể hiện rõ nét sự hòa quyện ấy là điêu khắc và trang trí.

2.1.2.1. Về điêu khắc

Quần thể Nhà thờ Phát Diệm là một công trình tôn giáo - nghệ thuật đặc biệt, nơi giao thoa Đông - Tây được thể hiện rõ rệt và sắc nét qua nghệ thuật điêu khắc. Vật liệu chủ đạo để dựng công trình là đá xanh và gỗ lim khai thác

từ các vùng lân cận. Nhiều phiến đá lớn cùng những cây gỗ lim khổng lồ đã được vận chuyển từ nhiều nơi để ghép dựng. Chính đặc tính vật liệu đã định hình trực tiếp cho điêu khắc. Đá làm cho chạm khắc phù điêu có độ sâu, bền vững; trong khi gỗ lim thích hợp cho kỹ thuật chạm nổi, chạm rồng tinh xảo và dễ áp dụng kỹ thuật sơn son thếp vàng cho các đồ thờ.

Cổng và ao hồ

Mặt tiền và hệ thống cổng cùng các phiến đá kè ao là nơi đầu tiên thể hiện sự gặp gỡ giữa hai truyền thống điêu khắc. Trên các bậc, lan can và khối kè đá quanh hồ, các mảng chạm khắc thấp mô tả dây lá, sóng nước, mây cuộn - những lối quen thuộc trong mỹ thuật vùng Á Đông. Tuy vậy, cách bố trí, chia mảng lại chịu ảnh hưởng phương Tây, nhấn mạnh trục trung tâm. Ở các ô cửa cổng và đầu hồi, xuất hiện phù điêu kết hợp biểu tượng Công giáo (thánh giá, thiên thần kiểu phương Tây), nhưng được xử lý bằng đường nét mềm mại, kỹ thuật đục đá mảnh tinh vi. Các mảng chạm khắc này vừa trang trí vừa tạo hiệu ứng ánh sáng - bóng tối, góp phần gợi mở trải nghiệm thiêng liêng ngay từ không gian bên ngoài.

Phương Đình

Phương Đình (tháp chuông) của Quần thể nhà thờ Phát Diệm là một trong những minh chứng tiêu biểu nhất cho sự giao thoa văn hóa Đông - Tây trong nghệ thuật kiến trúc tôn giáo ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Công trình này được xây dựng chủ yếu bằng đá, vừa mang chức năng tháp chuông vừa là biểu tượng nghệ thuật, nơi mà nghệ thuật điêu khắc được triển khai toàn diện từ tầng dưới lên tầng trên, kết hợp hài hòa giữa phù điêu, tượng tròn và chữ khắc. Ở tầng dưới, ba vòm cửa lớn được ốp bằng những phiến đá khổng lồ, trên đó chạm khắc phù điêu nổi mô tả các cảnh trong Kinh Thánh, như Chúa ban phúc lành hay các Thánh rao giảng Tin Mừng. Điềm độc đáo là hình tượng nhân vật không hoàn toàn mang dáng vóc, gương mặt La Mã quen thuộc trong nghệ thuật châu Âu, mà đã được “bản địa hóa” với khuôn mặt tròn đầy, ánh mắt hiền từ và dáng điệu gần gũi, gợi hình ảnh con người Việt Nam. Các phào chỉ, gờ trang trí xung quanh lại kết hợp hoa sen, mây cuộn, dây lá - những lối thuần Á Đông - trong

bố cục đối xứng mang dấu ấn Gothic phương Tây, tạo nên một ngôn ngữ điêu khắc độc đáo. Lên tầng trên, bốn tháp góc đặt tượng bốn Tông đồ - tác giả các sách Tin Mừng - được tạc theo lối tượng tròn, tỉ lệ uy nghiêm nhưng với gương mặt và đường nét mềm mại, gần gũi với thẩm mỹ phương Đông.

Theo Nguyễn Hồng Dương trong Nhà thờ Công giáo ở Việt Nam - Một số loại hình kiến trúc tiêu biểu (2003): “Nét đặc trưng của bốn pho tượng Thánh sử là tượng được đắp trong tư thế ngồi vững chãi, hai tay đặt lên đầu gối theo thế ngồi dáng đế vương. Cần lưu ý, tượng trong nhà thờ Công giáo hầu như ở thế đứng. Nét mặt bốn pho tượng bình thản, tự tại nhìn thẳng về phía xa xăm. Gương mặt các vị thánh được đắp theo gương mặt Á Đông, dài tai dài kiêu tai Phật. Đằng sau áo là hình đăng vân.” (Nguyễn Hồng Dương, 2003)

Trong bài viết Quả chuông tại Phương Đình Phát Diệm thử nhìn từ nhãn quan văn hóa (2009) tác giả Kim Ân đã có những trình bày: “Nhìn thoáng qua phần văn tự trên đây có lẽ ta chỉ nhận ra một nét đặc biệt là khác với phần lớn những quả chuông nam truyền thống, quả chuông Phát Diệm có thêm chữ Latinh. Tuy nhiên, nếu nhìn theo nhãn quan văn hoá thì cách sắp xếp vị trí quả chuông với bố trí văn tự như thế thật giàu ý nghĩa. Trong một số công trình kiến trúc cổ Á Đông, chuông thường đi với trống. Chuông và trống được bố trí theo nguyên tắc “tả chung hữu cổ”, nghĩa là chuông bên tay trái, trống ở bên tay phải, tính theo hướng nhìn của công trình, đúng theo luật âm - dương: “tả dương hữu âm”. Ở Phương Đình Phát Diệm cũng có chuông và trống, nhưng cách bố trí truyền thống đã được vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách xếp đặt truyền thống của các ngôi nhà thờ Công giáo.”

Trong bài viết trên tác giả còn có nhận định sâu sắc hơn về chiếc chuông này: “Để ý hơn một chút ta còn thấy rằng các chữ ở phía tây của quả chuông hầu hết là chữ Latinh, còn ở hai mặt phía đông của quả chuông lại hoàn toàn bằng chữ Hán. Đây phải chăng là một hình ảnh về sự giao thoa văn hoá Đông - Tây, vốn đã được thể hiện một cách nhuần nhuyễn trong quần thể Nhà Thờ Phát Diệm?”. Như thế ta có thể thấy sự giao thoa văn hóa phương Đông và phương Tây được thể hiện rõ nét và độc đáo qua từng chi tiết trong nhà thờ.

Tháp trung tâm treo quả chuông lớn, trên thân chuông và bệ treo khắc hoa văn sóng nước, mây cuộn cùng chữ Hán ghi tên bốn mùa, phản ánh tư duy vũ trụ theo quan niệm phương Đông lồng ghép vào biểu tượng Công giáo. Ngoài ra, thân tháp còn rải rác các mảng phù điêu thiên thần, Thánh và hoa lá, được chạm khắc tinh vi, vừa bền chắc vừa uyển chuyển. Toàn bộ nghệ thuật điêu khắc tại Phương Đình vì thế không chỉ minh họa cho nội dung tôn giáo, mà còn là sự dung hợp khéo léo giữa hai nền văn hóa Thiên Chúa giáo và truyền thống thẩm mỹ đất Việt, biến công trình này thành một tác phẩm điêu khắc độc đáo, thể hiện rõ khả năng sáng tạo và bản lĩnh giao thoa văn hóa của Việt Nam.

Lê Văn Thơ đã làm nổi bật nghệ thuật điêu khắc trong quần thể của nhà thờ đá Phát Diệm trong Nhà thờ Phát Diệm một công trình kiến trúc công giáo phong cách Á Đông đặc sắc (2014): “Đặc biệt các chân song bằng đá ở đây được chạm hình cây trúc với những mầm lá quán quýt xung quanh rất đẹp, mang đậm phong cách Phương Đông. Nó gần gũi, thân quen với mọi người Việt Nam. Hàng chân song cây trúc này tạo ra sự thông thoáng của tường vách, đồng thời có tác dụng như một cột đỡ cho phần kết cấu trên.” (Lê Văn Thơ, 2014)

Chất liệu đá trong kiến trúc phương Tây tượng trưng cho sự vĩnh cửu và sức mạnh của niềm tin. Ở Phát Diệm, đá vẫn được sử dụng nhưng được “Việt hóa” cả trong cách xử lý và biểu tượng. Phương Đình là công trình tiêu biểu nhất cho nghệ thuật điêu khắc đá. Toàn bộ công trình được dựng bằng khối đá lớn, chạm khắc tinh tế: các bức phù điêu thể hiện cảnh Chúa Giêsu chịu nạn, các Thánh truyền đạo, song không theo bố cục châu Âu cứng nhắc mà mang đường nét mềm mại, phóng khoáng, gần gũi với phong cách chạm dân gian Việt.

Nhà thờ Lớn (Nhà thờ chính tòa)

Điêu khắc trong Nhà thờ Lớn Phát Diệm được xem là trung tâm nghệ thuật của toàn bộ Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, nơi hội tụ tinh hoa chạm khắc đá, đạt đến mức độ tinh xảo bậc nhất, vừa thể hiện chiều sâu tôn giáo của Thiên Chúa giáo phương Tây, vừa phản ánh thẩm mỹ truyền thống Việt Nam. Về điều

khắc đá, các phù điêu trên tường ngoài mô tả nhiều cảnh Kinh Thánh, được thực hiện bằng kỹ thuật chạm nổi và chạm chìm với độ sâu trung bình. Nhân vật được khắc khỏe khoắn nhưng giản lược, gợi nhớ đến phong cách chạm khắc ở đình chùa Việt, vốn chú trọng sự gần gũi, dễ tiếp nhận hơn là tính hiện thực khắt khe của nghệ thuật phương Tây. Điểm nhấn độc đáo nằm ở hệ thống hoa văn trang trí: khung viền thường dùng tứ quý, sóng nước, hoa lá cách điệu - những họa tiết thuần Á Đông đã tạo nên sự kết nối tự nhiên giữa Công giáo ngoại nhập với mỹ cảm quen thuộc của văn hóa truyền thống vốn có. Đặc biệt, bàn thờ đá trong Nhà thờ Lớn là một kiệt tác, toàn bộ được chế tác từ một khối đá lớn, mặt trước chạm khắc hình tượng tôn giáo, còn cạnh bên và chân bệ lại phủ kín họa tiết dây hoa, sóng nước, minh chứng cho tay nghề điêu khắc đá truyền thống Việt Nam.

Trong truyền thống nhà thờ phương Tây, điêu khắc đá là một lĩnh vực quan trọng, được sử dụng để truyền tải nội dung Kinh Thánh và khơi gợi lòng tôn kính nơi tín đồ. Các tác phẩm thường tuân theo nguyên tắc hiện thực và tỷ lệ cơ thể học chính xác, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nghệ thuật Hy Lạp - La Mã cổ đại và phong cách Gothic, Phục Hưng sau này. Những tượng đá trong nhà thờ châu Âu - như tượng Chúa chịu nạn, Đức Mẹ sầu bi được thể hiện với đường nét cơ thể rõ ràng, biểu cảm mạnh, nhấn vào ánh sáng và bóng tối để làm nổi bật cảm xúc thiêng liêng. Ở đó, người nghệ sĩ tìm cách tái hiện nỗi đau, lòng từ bi, sự hy sinh của nhân vật tôn giáo bằng ngôn ngữ hình thể - cơ bắp, nếp áo, gương mặt, bàn tay đều được tạc tỉ mỉ, mang tính kịch tính và biểu cảm sâu. Nghệ thuật điêu khắc đá phương Tây cũng chú trọng hiệu quả ánh sáng: các bức tượng thường được đặt trong không gian có ánh sáng chiếu từ cao xuống, tạo nên vùng tương phản mạnh, làm nổi bật hình khối và cảm giác siêu việt. Cách sử dụng vật liệu cũng mang tính biểu tượng vì màu sắc trầm ấm, gợi ý cho sự vĩnh cửu của đức tin. Toàn bộ hệ thống tượng và phù điêu trong các nhà thờ Gothic hay Baroque đều hướng con người lên Thiên Chúa bằng sức mạnh thị giác và tính kịch của hình khối.

Ở Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, ngôn ngữ điêu khắc đá được Việt hóa hoàn toàn. Thay vì nhấn mạnh cơ thể người hay biểu cảm kịch tính, tượng và hoa văn ở đây lại hướng đến sự thanh thoát, mềm mại và tính trang trí. Các đường chạm không sâu mà nhẹ, uyển chuyển; bố cục không cứng đối xứng mà cân bằng tự nhiên. Toàn bộ không gian trở nên tôn nghiêm mà thân thuộc, vừa là nơi phụng thờ Thiên Chúa, vừa như một tác phẩm nghệ thuật dân gian được thăng hoa. Chính ở điểm này, điêu khắc đá Phát Diệm đã thể hiện trọn vẹn tinh thần dung hợp Đông - Tây: lấy chất liệu và biểu tượng của phương Tây, nhưng truyền tải bằng ngôn ngữ thẩm mỹ Á Đông - coi trọng sự hài hòa, nhịp điệu, và tâm linh gần gũi.

Trong khi điêu khắc đá thể hiện sự vững bền, thiêng liêng, thì điêu khắc gỗ tại Phát Diệm lại biểu hiện tính mềm mại, tinh xảo và gần gũi đời thường. Ở các nhà thờ nhỏ như Thánh Giuse, Thánh Phêrô, Thánh Rôcô, và đặc biệt là Nhà thờ Lớn, hệ thống cột, kèo, xà ngang, cửa vồng, bàn thờ đều được chạm khắc công phu trên gỗ lim, gỗ mít.

Kim Ân đã trình bày một cách cụ thể và chi tiết về nghệ thuật điêu khắc độc đáo của nhà thờ Phát Diệm qua bài viết Nhà thờ Phát Diệm nơi niềm tin Kito giáo gặp gỡ văn hóa Việt Nam (2009): “Gỗ tham gia vào hầu hết các công trình ở đây. Gỗ uốn lượn, gỗ hoá thân thành thiên hình vạn trạng. Những đường riềm, những đường tàu lá mái, những chiếc bẩy chạm trổ hết sức tinh xảo. Nét chạm có chỗ nhẹ nhàng tinh tế, có chỗ mạnh mẽ uy nghiêm. Tất cả dường như đều đã được tính toán kỹ lưỡng để chúng hài hoà, nương tựa và bổ túc cho nhau tạo thành một tổng thể hài hoà. Dường như tất cả nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc gỗ với lịch sử hàng nghìn năm trên đất Việt đã về đây dự hội. Có nét huy hoàng, uy nghi đường bệ của chốn đế đô; có nét duyên dáng của những Tây Đằng, Thổ Hà, Chu Quyên, Chùa Keo; có phong cách chạm trổ tinh xảo của những Đền Vua Đinh, Vua Lê, những Đình Bảng, Phù Lỗ, Hương Canh, Ngọc Canh. Ngắm nhìn cửa vào nhà nguyện Trái Tim Chúa ta có cảm tưởng rằng đây là hội tụ của những gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất của nghệ thuật chạm khắc Việt

Nam. Từng đường nét, từng chi tiết đều tinh tế khiến ngay cả những người khó tính nhất cũng phải trầm trồ thán phục.”

Điều khắc gỗ đã mang đến sự mềm mại, tinh tế cho nội thất Nhà thờ Lớn. Hậu cung nổi bật với bức bình phong gỗ chạm sâu, chia thành nhiều ô, mỗi ô thể hiện một cảnh Thánh hoặc thiên thần, nhưng phần viền lại được trang trí bằng long - lân - quy - phụng, tứ quý, vốn rất quen thuộc trong nghệ thuật đình chùa và cung đình. Tại đây nghệ nhân sử dụng đa dạng kỹ thuật chạm nổi để khắc họa nhân vật, chạm rồng để tạo độ thoáng cho ánh sáng xuyên qua, chạm lõm để tăng chiều sâu cho chi tiết. Sau khi chạm khắc, nhiều mảng gỗ được sơn son thếp vàng, vừa tôn thêm vẻ huyền ảo, vừa cho thấy ảnh hưởng rõ rệt của mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở đó bình phong hay bàn thờ, hệ thống cột, kèo, xà ngang cũng được phủ kín hoa văn: đầu cột khắc hình rồng phượng, thân cột trang trí dây lá, khiến toàn bộ kết cấu gỗ trở thành một tác phẩm điêu khắc hoàn mỹ, nơi kỹ thuật kiến trúc và nghệ thuật trang trí hòa làm một.

Trong bài viết Ninh Bình: Kiến trúc độc đáo ở nhà thờ đá Phát Diệm (2017) Cục du lịch quốc gia Việt Nam đã chỉ ra rằng: “Tinh hoa nghệ thuật ở nhà thờ đá Phát Diệm còn thể hiện rõ sự hài hòa giữa nghệ thuật chạm khắc đá và nghệ thuật chạm khắc gỗ của Việt Nam như biểu tượng thánh giá (biểu trưng đạo Công giáo) ngự trên đài sen (biểu trưng Phật giáo), những chữ “vạn” của nhà Phật khắc trên mây đóa hoa mãn cô, các phù điêu đá, gỗ chạm khắc hình ảnh Chúa Jesus và các vị thánh; trong đó các vị thánh trang phục theo kiểu Việt nhìn thật sống động mà gần gũi, quen thuộc như xem tranh dân gian; cột đá chạm hình hoa sen biểu hiện các giai đoạn “sinh - lão - bệnh - tử” theo triết lý nhà Phật.”

Như vậy, chất liệu gỗ trong Quần thể nhà thờ Phát Diệm không chỉ mang chức năng kết cấu, mà còn đóng vai trò như một phương tiện biểu đạt thẩm mỹ - nơi hội tụ rõ nét nhất của sự giao thoa văn hóa Đông - Tây trong nghệ thuật kiến trúc tôn giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Gỗ được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các hạng mục: từ hệ thống cột, vì kèo, bẩy đỡ, cửa vồng cho đến các

chi tiết trang trí ở mái, riềm, con rường. Dưới bàn tay tinh xảo của các nghệ nhân bản địa, vật liệu truyền thống này đã được xử lý với độ linh hoạt cao, vừa đảm bảo tính chịu lực vừa đạt đến giá trị nghệ thuật. Các chi tiết chạm khắc trên gỗ thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa phong cách điêu khắc dân gian Việt Nam và tư duy tạo hình phương Tây. Những họa tiết rồng, phượng, hoa sen, mây cuộn, lá lật - vốn là mô-típ quen thuộc trong kiến trúc đình, đền - được bố trí xen kẽ cùng các yếu tố tôn giáo như thánh giá, thiên thần, và các biểu tượng Kinh Thánh, tạo nên một không gian thiêng mang tính đối thoại văn hóa rõ rệt. Đặc biệt, hình thức thể hiện trong điêu khắc gỗ ở Phát Diệm vừa mềm mại, uyển chuyển, vừa mạnh mẽ, cân đối - phản ánh triết lý thẩm mỹ “âm - dương hòa hợp” của phương Đông đồng thời tiếp nhận tinh thần trật tự, tỷ lệ và ánh sáng của nghệ thuật kiến trúc phương Tây. Mỗi đường chạm, nét khắc đều được tính toán cân trọng để tương thích với cấu trúc tổng thể, đảm bảo tính nhịp điệu và sự thống nhất giữa hình khối và chức năng. Có thể nói, nghệ thuật chạm khắc gỗ tại Nhà thờ Phát Diệm là sự tổng hòa giữa kỹ thuật điêu khắc truyền thống Việt Nam và ngôn ngữ biểu đạt của Thiên Chúa giáo châu Âu, qua đó thể hiện năng lực bản địa hóa sâu sắc của người thợ Việt. Sự hòa quyện ấy không chỉ tạo nên một phong cách nghệ thuật độc đáo, mà còn khẳng định giá trị văn hóa - tư tưởng của công trình: một biểu tượng sinh động cho tinh thần hội nhập mà vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.

Lăng cụ Sáu

Nghệ thuật điêu khắc đá tại Lăng Cụ Sáu (Linh mục Trần Lục) là một minh chứng tiêu biểu cho khả năng kết hợp tinh tế giữa mỹ thuật dân gian Việt Nam và tư tưởng tôn giáo Công giáo trong cùng một không gian thiêng. Toàn bộ lăng được chế tác từ đá xanh nguyên khối, chất liệu đặc trưng của vùng Thanh Hóa - Ninh Bình, vừa bền chắc vừa tạo cảm giác tĩnh tại, uy nghi. Trên các chi tiết của lăng, đặc biệt là bốn trụ đá lớn ở bốn góc, nghệ nhân đã thể hiện kỹ thuật chạm khắc thủ công bậc cao: đường nét mềm mại, bố cục chặt chẽ, các mảng chạm nổi và chạm lõng đan xen uyển chuyển. Hình tượng rồng, phượng, hoa lá, mây sóng hiện lên sống động, mang đậm phong cách điêu khắc dân gian

truyền thống, biểu trưng cho sức mạnh, đức hạnh và khát vọng trường tồn. Đặc biệt, chi tiết bốn bình nước phép được tạc thành hình búp sen là điểm nhấn độc đáo, thể hiện sự giao thoa văn hóa sâu sắc. Hình ảnh búp sen - biểu tượng của sự thanh khiết, vươn lên từ bùn mà không nhiễm bẩn - vốn quen thuộc trong mỹ cảm phương Đông, được đưa vào trong kiến trúc Công giáo như một ẩn dụ cho sự tinh khiết và đức tin sáng ngời của con người. Sự kết hợp ấy không hề gượng ép mà hài hòa, vừa thể hiện lòng tôn kính với tín ngưỡng Công giáo, vừa thấm đẫm tâm hồn Việt Nam.

Có thể nói, nghệ thuật điêu khắc tại Lăng Cụ Sáu không chỉ mang giá trị thẩm mỹ cao mà còn phản ánh tư duy sáng tạo của người xưa - những con người đã biết dùng ngôn ngữ đá để diễn tả niềm tin, lòng biết ơn và tinh thần nhân văn. Dưới bàn tay tài hoa của nghệ nhân, từng chi tiết nơi đây dường như không chỉ “được tạc ra” mà còn “được thổi hồn vào”, khiến toàn bộ không gian lăng vừa trang nghiêm, vừa gần gũi, như một lời tri ân lặng lẽ nhưng sâu sắc dành cho người đã cống hiến cả đời mình cho công trình kiến trúc Phát Diệm bất tử.

Các công trình khác

Sau nhà thờ lớn là bốn nhà thờ nhỏ xung quanh với nghệ thuật điêu khắc nổi bật và tinh tế kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật điêu khắc đá và gỗ:

Nhà thờ Đá (Trái Tim Đức Mẹ) - “bảo tàng điêu khắc đá” được xem là công trình tiêu biểu nhất trong nhóm nhà thờ nhỏ của quần thể Phát Diệm. Toàn bộ công trình được thi công bằng đá xanh, vì thế mọi thành phần kiến trúc - từ tường, lan can, đến vòm cửa - đều thể hiện nghệ thuật điêu khắc vô cùng nổi bật. Trên các mảng đá, những phù điêu và hoa văn được chạm nổi hoặc chạm chìm, kết hợp tinh tế giữa cảnh Kinh Thánh với họa tiết truyền thống như hoa sen, sóng nước, mây cuộn. Đáng chú ý, các phù điêu tôn giáo tại đây không sa vào chi tiết nhỏ mà được giản lược, nhấn mạnh bố cục khỏe khoắn với những mảng lớn, mang nhiều nét gần gũi với phong cách chạm khắc đình chùa Việt Nam. Nổi bật nhất là bàn thờ đá - một khối đá nguyên lớn, mặt trước khắc cảnh Thánh, hai bên chạm dây lá, hoa cúc, sóng nước, tạo nên sự kết hợp độc đáo giữa biểu tượng Công giáo và thủ pháp chạm khắc dân gian. Kỹ thuật đục sâu,

đường nét sắc gọn nhưng bền chắc, gắn liền với tính vĩnh cửu của chất liệu đá. Chính vì vậy, Nhà thờ Đá được coi là công trình tiêu biểu nhất cho nghệ thuật chạm khắc đá tôn giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX, xứng đáng với danh xưng “bảo tàng điêu khắc đá”.

Sở dĩ nơi đây được ví như “bảo tàng điêu khắc đá” vì tại công trình này nghệ thuật điêu khắc đã được thể hiện đặc sắc qua các bức phù điêu. Viết về các bức phù điêu tại công trình này tác giả Kim Ân đã có những lý giải vô vùng cặn kẽ qua bài viết Thử lý giải ý nghĩa của một số bức chạm tại quần thể nhà thờ Phát Diệm.

Trước tiên là bức phù điêu trên đá chạm thành cụm sen, trong nghệ thuật Việt Nam, hoa sen luôn là biểu tượng của sự thanh cao, thuần khiết - “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Khi xuất hiện trên bàn thờ Công giáo tại Phát Diệm, sen không chỉ giữ nguyên tinh thần ấy mà còn được nâng lên một tầng ý nghĩa mới: biểu trưng cho Đức Trinh Nữ Maria - hiện thân của sự vô nhiễm và đức hạnh tinh tuyền. Điều đặc biệt là hình ảnh vòng đời của cây sen - từ nụ, hoa, quả đến lá úa tàn - được khắc theo bố cục tròn xoay, gợi liên tưởng đến vòng luân hồi sinh diệt trong triết lý Á Đông. Thế nhưng, điểm trung tâm lại là hình lá sen mang gân hình thập giá - biểu tượng tối thượng của Kitô giáo. Ở đây, tư duy phương Đông về sự tuần hoàn, chuyển hóa được đặt trong khung ý niệm phương Tây về ơn cứu độ vĩnh hằng. Hai hệ thống biểu tượng tưởng chừng đối lập lại giao thoa một cách tự nhiên, tạo thành một “ngôn ngữ thần học bằng đá” - nơi Phật pháp và Tin Mừng gặp gỡ trong tinh thần dung hòa và tôn trọng lẫn nhau. Sự tinh tế của bức chạm không chỉ nằm ở kỹ thuật điêu khắc mà còn ở tư tưởng thẩm mỹ: cây thập giá ẩn mình trong lá sen, như chính hình ảnh Đức Kitô “nhập thể” giữa nhân gian - âm thầm mà linh thiêng, gần gũi mà siêu việt. Đây chính là minh chứng sinh động cho khả năng bản địa hóa của Kitô giáo tại Việt Nam - một biểu hiện rõ rệt của hội nhập văn hóa tôn giáo trên nền tảng bản sắc dân tộc.

Tiếp đến là bức chạm thông phong chim phượng hoàng, nếu hoa sen đại diện cho sự thanh khiết thì phượng hoàng trong nghệ thuật Á Đông là biểu

trung cho đức hạnh, vẻ đẹp và quyền năng của người nữ. Khi được khắc nổi trên vách đá tại Nhà nguyện Trái Tim Đức Mẹ, hình tượng phượng hoàng không chỉ gọi lên vẻ đẹp thanh cao của Đức Maria - Nữ Hoàng Thiên Quốc - mà còn mở ra một đối thoại mới giữa văn hóa dân gian và thần học Kitô giáo. Đặc biệt, chi tiết phượng hoàng ngậm bút và nghiền mực là một sáng tạo độc đáo chưa từng thấy trong nghệ thuật tôn giáo truyền thống. Trong biểu tượng ấy, “bút và mực” - công cụ biểu đạt của trí tuệ và ngôn từ - trở thành ẩn dụ cho “Ngôi Lời” (Logos) của Thiên Chúa. Phượng hoàng - hình ảnh của Mẹ Maria - là Đấng đã cư mang Ngôi Lời, tức Đức Giêsu Kitô, trong cung lòng mình. Qua đó, hình tượng Đông phương được tái nghĩa dưới ánh sáng thần học phương Tây, vừa giữ được nét bản địa, vừa diễn tả được nội dung cốt lõi của đức tin Công giáo. Bức chạm vì thế trở thành một bài ca bằng đá về mối giao hòa giữa cái đẹp, cái thiện và cái thánh - nơi mà “vẻ đẹp cứu độ” của Đức Kitô được phản chiếu qua nét duyên thanh tao của văn hóa Việt.

Cuối cùng là bức chạm thông phong hình lưỡng nghi và con sư tử, nếu hai bức phù điêu trên thể hiện sự hòa quyện biểu tượng tôn giáo, thì bức chạm “Lưỡng Nghi - Sư tử” lại là cuộc đối thoại giữa triết học Đông phương và thần học phương Tây ở tầng sâu bản thể học. Ở mặt ngoài, sư tử - biểu tượng của Chi tộc Giuđa - được thể hiện với dáng vẻ sống động, gợi liên tưởng tới hình ảnh Đức Kitô - “Sư tử của Giuđa”, Đấng chiến thắng sự chết. Ở mặt trong, biểu tượng Lưỡng Nghi (Âm - Dương) được khắc trong khối trái tim, gợi ra tư tưởng về sự quân bình và phát sinh muôn vật theo triết lý “Thái cực sinh Lưỡng nghi”. Khi đặt hai hình tượng này trong cùng một cấu trúc, cha Trần Lục dường như muốn diễn tả một tư tưởng rất mới mẻ: Thiên Chúa - qua Đức Kitô - là nguyên lý tối thượng, là nguồn gốc của trật tự vũ trụ, đồng thời là “trái tim” duy trì sự sống của muôn loài. Quan niệm “Chúa Kitô vũ trụ” (Christus Cosmicus) vốn là kết tinh của tư duy thần học phương Tây, nay lại được thể hiện bằng ngôn ngữ triết học phương Đông - một minh chứng rõ rệt cho năng lực hội nhập tư tưởng của người sáng tạo. Bức chạm này vì thế không chỉ là tác phẩm nghệ thuật mà còn là một bản tuyên ngôn thần học: sự hiệp nhất giữa lý tính và đức

tin, giữa nguyên lý sáng tạo của Đông phương và mặc khải cứu độ của Tây phương.

Nhà thờ Thánh Giuse - điêu khắc gỗ kết hợp đá là một trong những công trình tiêu biểu cho sự dung hòa giữa mỹ thuật truyền thống Việt Nam và nghệ thuật Công giáo trong Quần thể nhà thờ Phát Diệm. Khác với Nhà thờ Đá sử dụng hoàn toàn chất liệu đá, công trình này nổi bật bởi hệ thống cột gỗ lim đồ sộ, kết hợp với các bàn thờ đá. Nghệ thuật điêu khắc gỗ được thể hiện phong phú trên cột, kèo, vì và cửa gỗ, với những phong cách quen thuộc trong kiến trúc đình như rồng, phượng, tùng - cúc - trúc - mai. Đặc biệt, các đề tài Kinh Thánh liên quan đến Thánh Giuse hay Đức Mẹ thường được đặt trong những ô khung, viền xung quanh trang trí bằng hoa lá cách điệu, tạo sự cân đối và trang nghiêm. Bàn thờ đá tuy nhỏ hơn Nhà thờ Đá nhưng vẫn tinh xảo, bề thờ chạm khắc dây hoa, mây nước, kết hợp cùng họa tiết thánh giá, biểu thị rõ nét tinh thần Công giáo. Điểm đặc trưng của Nhà thờ Thánh Giuse chính là sự kết hợp hài hòa giữa hình tượng Kitô giáo (Thánh Giuse, thập giá) với thẩm mỹ nghệ thuật truyền thống Việt Nam (rồng, phượng, hoa sen), qua đó thể hiện rõ tính giao thoa văn hóa trong điêu khắc Phát Diệm.

Nhà thờ Thánh Phêrô - tinh xảo và gần gũi tuy không có quy mô đồ sộ như Nhà thờ Đá hay Thánh Giuse, nhưng lại gây ấn tượng nhờ tính chất trang trí tinh tế ở từng chi tiết nhỏ. Hệ thống cột gỗ và vì kèo được chạm trổ kỹ lưỡng: đầu cột thường khắc rồng cuốn mạnh mẽ, trong khi thân cột lại mềm mại với những đường dây lá uốn lượn. Bàn thờ đá giản dị hơn so với các nhà thờ khác, chủ yếu tập trung vào hình thập giá kết hợp hoa văn tứ quý, tạo cảm giác trang nhã mà vẫn trang nghiêm. Điểm đặc biệt nhất là các tượng Thánh Phêrô, có nhiều phiên bản nhỏ được đặt hoặc khắc trực tiếp, trong đó gương mặt mang nét Á Đông, đáng vẻ hiền hòa và gần gũi. Đây chính là biểu hiện rõ nét của quá trình bản địa hóa nghệ thuật điêu khắc Công giáo tại Việt Nam. Vì thế mà dù quy mô không lớn, điêu khắc ở Nhà thờ Thánh Phêrô lại giàu tính biểu cảm, mang đến sự thân thiện, gần gũi và dễ tiếp nhận đối với cộng đồng tín hữu địa phương.

Nhà thờ Thánh Rôcô là công trình có quy mô nhỏ hơn so với ba nhà thờ còn lại trong quần thể, song vẫn giữ được phong cách riêng và mang những giá trị nghệ thuật đáng chú ý. Điều khắc gỗ tập trung chủ yếu ở cửa, chấn song và các bàn thờ phụ, với những hoa văn giản dị hơn như hoa lá, dây leo hay hình thánh giá, tạo nên cảm giác gần gũi và mộc mạc. Bàn thờ chính được trang trí kết hợp hình tượng Thánh Rôcô với các họa tiết sóng nước, mây cuộn - một lần nữa thể hiện rõ sự kết hợp hài hòa giữa mỹ thuật Đông phương và biểu tượng Công giáo phương Tây. Nhìn tổng thể, phong cách điêu khắc ở Nhà thờ Thánh Rôcô nhẹ nhàng, mộc mạc nhưng không kém phần tinh tế, hoàn toàn phù hợp với quy mô khiêm tốn và chức năng phụng vụ của một nhà nguyện, đồng thời góp phần làm phong phú thêm diện mạo nghệ thuật của toàn bộ quần thể Phát Diệm.

Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là một trong những công trình kiến trúc tôn giáo tiêu biểu của Việt Nam cuối thế kỷ XIX, không chỉ nổi bật bởi quy mô và bố cục trực trung tâm tinh tế mà còn bởi nghệ thuật điêu khắc độc đáo, thể hiện rõ nét sự giao thoa giữa văn hóa Đông và Tây. Nghệ thuật điêu khắc ở đây sử dụng đồng thời hai chất liệu chủ yếu là đá và gỗ, mỗi chất liệu tạo ra một phong cách riêng nhưng đều hướng tới mục đích chung: phục vụ tín ngưỡng đồng thời khẳng định giá trị mỹ thuật. Nhà thờ Đá (Trái Tim Đức Mẹ) được xem là “bảo tàng điêu khắc đá” của quần thể, toàn bộ kiến trúc được xây dựng bằng đá xanh, từ tường, lan can đến vòm cửa đều trở thành bề mặt để nghệ nhân thể hiện phù điêu và hoa văn. Trên các mảng đá, cảnh Kinh Thánh được chạm nổi hoặc chạm chìm kết hợp với hoa sen, sóng nước, mây cuộn tạo nên bố cục khỏe khoắn mang hơi hướng phong cách đình chùa Việt Nam, trong khi bàn thờ đá nguyên khối nổi bật với hình tượng Thánh, dây lá, hoa cúc và sóng nước, minh chứng cho sự kết hợp độc đáo giữa biểu tượng Công giáo và thủ pháp chạm khắc dân gian. Trong khi đó, Nhà thờ Thánh Giuse chủ yếu sử dụng gỗ lim kết hợp bàn thờ đá, điêu khắc gỗ tập trung trên cột, kèo, vì và cửa với những phong cách quen thuộc như rồng, phượng, tùng - cúc - trúc - mai, các đề tài Kinh Thánh được đặt trong ô khung viền hoa lá cách điệu, tạo sự hài hòa giữa

hình tượng Kitô giáo và thẩm mỹ đình chùa truyền thống. Nhà thờ Thánh Phêrô, dù quy mô khiêm tốn, lại gây ấn tượng bởi sự thiết kế tinh xảo trong từng chi tiết nhỏ, từ đầu cột chạm rồng cuốn, thân cột mềm mại với dây lá, bàn thờ đá giản dị nhưng trang nhã với hình thập giá và hoa văn tứ quý, cùng các tượng Thánh Phêrô mang nét Á Đông hiền hòa, biểu hiện rõ nhất quá trình bản địa hóa Công giáo. Nhà thờ Thánh Rôcô với phong cách dung dị nhưng đặc sắc, điêu khắc gỗ trên cửa, chấn song và bàn thờ phụ nhẹ nhàng với hoa lá, dây leo, thánh giá kết hợp hình tượng Thánh Rôcô và họa tiết sóng nước, mây cuộn, thể hiện rõ sự đan xen Đông - Tây trong mỹ thuật tôn giáo. Nhìn tổng thể, các nhà thờ nhỏ tạo nên sự đa dạng và nhịp điệu nghệ thuật, bổ sung cho trung tâm Phương Đình và Nhà thờ Lớn, làm phong phú quần thể cả về quy mô, chất liệu lẫn ngôn ngữ tạo hình. Toàn bộ nghệ thuật điêu khắc ở Phát Diệm phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa đề tài phương Tây như Chúa, Đức Mẹ, Thánh, thánh giá với hình thức và thủ pháp phương Đông như tứ linh, tứ quý, sóng nước, mây cuộn, hoa sen, đồng thời bản địa hóa qua khuôn mặt Thánh, bố cục hoa văn và kỹ thuật chạm đá, chạm gỗ truyền thống Việt Nam.

Chính nhờ sự giao thoa tinh tế này, điêu khắc trong quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ đóng vai trò trang trí mà còn là phương tiện truyền tải giá trị văn hóa và tôn giáo, biến quần thể trở thành một “biểu tượng” của nghệ thuật điêu khắc đá và gỗ Việt Nam cuối thế kỷ XIX, thể hiện rõ sự kết hợp hài hòa giữa tính trang trọng, tinh xảo và gần gũi với cộng đồng tín hữu.

2.1.2.2. Về trang trí

Trang trí trong Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là kết quả của sự hòa quyện giữa mỹ thuật phương Tây của kiến trúc Công giáo với nghệ thuật trang trí truyền thống Á Đông. Mỗi chi tiết đều thể hiện tinh thần “hòa nhập nhưng không hòa tan”, minh chứng cho khả năng bản địa hóa sâu sắc của người Việt cuối thế kỷ XIX.

Trong nghệ thuật nhà thờ phương Tây, trang trí không đơn thuần là tô điểm, mà là một ngôn ngữ biểu tượng thiêng liêng nhằm dẫn dắt con người đến với thế giới tâm linh. Mọi chi tiết - dù là mảnh kính màu, đường vòm hay hoa

văn khảm - đều được tính toán để phục vụ cho việc biểu hiện niềm tin và tôn vinh Thiên Chúa. Ở những nhà thờ Gothic hay Roman, ánh sáng xuyên qua các ô cửa kính màu không chỉ tạo nên vẻ huyền ảo, mà còn kể lại những câu chuyện Kinh Thánh bằng hình ảnh: sự ra đời của Chúa Giêsu, cuộc thương khó, hay các phép lạ của các Thánh. Khi ánh sáng chiếu qua lớp kính, toàn bộ không gian nội thất ngập trong sắc đỏ, lam, vàng lung linh - như một ẩn dụ cho ánh sáng của đức tin soi rọi tâm hồn con người. Những mái vòm, cột trụ, bệ thờ và tường khảm đá quý hoặc mạ vàng không chỉ phô diễn kỹ thuật điêu luyện mà còn mang hàm nghĩa thiêng: vật liệu quý giá tượng trưng cho sự vĩnh hằng, tinh khiết và quyền năng của Chúa. Tượng đài Đức Mẹ, các Thánh hay thiên thần được bố trí ở vị trí cao hoặc trung tâm gian thờ, vừa có chức năng thẩm mỹ, vừa giúp giáo dân cảm nhận sự hiện diện của đấng thiêng liêng giữa đời sống trần thế. Trong bố cục tổng thể, trang trí phương Tây hướng tới sự đối xứng, trật tự và ánh sáng, thể hiện tư duy duy lý và khát vọng vươn lên tuyệt đối - con người ngược nhìn lên cao, tìm đến nơi Thiên Chúa ngự trị. Chính vì vậy, mỗi nhà thờ đều như một bản hợp xướng thị giác của niềm tin, nơi màu sắc, vật liệu, ánh sáng và hình khối hòa quyện để tạo nên cảm giác choáng ngợp, thành kính.

Tại Phát Diệm, những dấu ấn nghệ thuật ấy vẫn được gìn giữ, song ngôn ngữ thể hiện lại hoàn toàn được Việt hóa. Trang trí ở đây không tách khỏi kiến trúc, mà hòa làm một với hình khối, đường nét, vật liệu - trở thành “linh hồn” của công trình.

Trước hết, nghệ thuật trang trí ở Phát Diệm thể hiện rõ trong tư duy tổ chức không gian và vật liệu. Toàn bộ quần thể được tạo dựng từ đá xanh Ninh Bình, gỗ lim, ngói mũi hài, gạch đất nung - những chất liệu gần gũi với kiến trúc truyền thống. Sắc nâu trầm của gỗ, ánh xám dịu của đá hòa cùng ánh sáng tự nhiên tạo nên một không gian thiêng liêng mà không lạnh lẽo, khác với sự uy nghiêm lạnh màu đá cẩm thạch phương Tây. Nghệ nhân Việt không tìm đến sự đối xứng tuyệt đối mà ưa bố cục cân bằng động, phản ánh triết lý “âm dương điều hòa” của mỹ học Á Đông.

Phương Đình

Công trình trung tâm - là minh chứng tiêu biểu cho nghệ thuật trang trí mang tính giao thoa. Tại đây, ngôn ngữ biểu tượng của Thiên Chúa giáo được lồng trong hình thức trang trí truyền thống của đình, chùa Việt. Các cảnh Kinh Thánh được khắc trên đá nhưng bao quanh bởi hoa văn mây, sóng, hoa sen; khung bia đá viền long - ly - quy - phượng xen dây nho - biểu tượng của Thánh Thể. Sự đan xen giữa họa tiết tôn giáo và mô-típ dân gian đã tạo nên một phong cách trang trí “giao hòa tự nhiên”, vừa trang nghiêm vừa gần gũi. Chuông đồng khắc xen chữ Latinh và chữ Hán cũng là một chi tiết trang trí mang tính biểu tượng sâu sắc: sự giao hòa giữa hai hệ văn tự, hai thế giới tinh thần Đông - Tây.

Nhà thờ Lớn

Là công trình nghệ thuật trang trí đạt đến độ rực rỡ và tinh vi. Bên trong, sáu hàng cột lim đồ sộ nâng đỡ mái chông diêm kiêu Á Đông, toàn bộ hệ vì kèo, xà ngang, cột và cửa gỗ được chạm phủ dày đặc hoa văn trang trí: long - phượng, tứ quý, mây lượn, dây lá, tất cả được sơn son thếp vàng, tạo ánh sáng ấm áp và linh thiêng. Trên tường, cảnh Kinh Thánh được Việt hóa trong tạo hình và bối cảnh, khiến người xem cảm nhận được sự dung hòa giữa tinh thần Kitô giáo và tâm hồn dân gian. Cửa kính màu vẽ hình Đức Mẹ và các Thánh xen kẽ hoa sen, trúc, cúc - những biểu tượng thanh khiết Á Đông - tạo hiệu ứng ánh sáng huyền ảo, mang ý nghĩa “ánh sáng của đức tin chiếu qua hồn Việt”.

Nhà thờ Đá (nhà thờ Trái tim Đức Mẹ)

Nơi đây gây ấn tượng bằng nghệ thuật trang trí trên vật liệu đá, nhưng không khô cứng. Các họa tiết trang trí - dây leo, long - ly - quy - phượng, sóng nước, cúc dây, Thánh giá - được sắp xếp nhịp nhàng, biến khối đá cứng thành những mặt phẳng sống động, đầy chất thơ. Mặt tiền chạm khắc bốn hệ chữ: Latinh, Hán, Nôm, Quốc ngữ - một dạng trang trí ngôn ngữ học độc đáo, biểu trưng cho sự gặp gỡ giữa bốn tầng văn hóa và tôn giáo. Đặc biệt, ánh sáng tự nhiên phản chiếu trên bề mặt đá sáng bóng, kết hợp cùng bóng đổ của các chân song chạm hoa văn, tạo nên hiệu ứng thẩm mỹ biến đổi theo thời gian và không gian, gợi cảm giác vừa thiêng liêng vừa trần thế.

Nhà thờ Thánh Giuse

Công trình này đã thể hiện phong cách trang trí mang đậm tính biểu tượng. Trên các cột gỗ, họa tiết rồng - phượng, tùng - cúc - trúc - mai xen thánh giá, dây nho và thiên thần, tạo nên sự cộng sinh giữa mỹ cảm dân gian và biểu tượng Thiên Chúa giáo. Ánh sáng phản chiếu qua các khung cửa chạm hoa thị, lá nho và dụng cụ nghề mộc - biểu tượng của vị Thánh bảo trợ nghề nghiệp - khiến không gian vừa mang tính thiêng liêng vừa gần gũi với đời sống Việt. Toàn bộ sắc vàng ấm trong nội thất không chỉ là gam màu trang trí mà còn mang hàm nghĩa biểu trưng: ánh sáng của đức tin lan tỏa trong cuộc sống thường nhật.

Nhà thờ Thánh Phêrô và Nhà thờ Thánh Rôcô

Tuy có quy mô nhỏ nhưng đạt đến sự tinh tế trong cách xử lý trang trí. Ở đây, các chi tiết hoa sen, hoa cúc, dây nho, chìa khóa - biểu tượng của Thánh Phêrô - được cách điệu mềm mại theo phong cách Á Đông, hòa trong bố cục gỗ lim và ánh sáng êm dịu từ các ô kính nhỏ. Nhà thờ Thánh Rôcô sử dụng trang trí giản dị: dây leo, hoa cúc, sóng nước xen thánh giá nhỏ, thể hiện tinh thần bác ái và thanh khiết. Mỗi yếu tố trang trí không chỉ có chức năng thẩm mỹ mà còn truyền tải ý niệm đạo đức, nhân văn và sự hòa hợp tâm linh.

Điểm nhấn quan trọng trong toàn bộ hệ thống trang trí của Phát Diệm là nghệ thuật xử lý ánh sáng qua các ô kính. Các cửa sổ, cửa gió và cửa vòm không chỉ đảm nhiệm việc lấy sáng, mà còn được thiết kế như những tác phẩm trang trí: gỗ lim chạm thủng, chân song tạo hình hoa lá, xen kính trong hoặc kính mờ. Ánh sáng lọt qua đó không chói gắt như kính màu châu Âu, mà dịu nhẹ, lan tỏa, gợi cảm giác tĩnh tại và thiền định. Bóng hoa văn đổ trên sàn đá thay đổi theo giờ, khiến không gian nội thất sống động, như hòa cùng nhịp thở của tự nhiên. Đây là biểu hiện sinh động của triết lý “hòa hợp với thiên nhiên” và tư duy nghệ thuật động của người Việt, đồng thời cho thấy cách các nghệ nhân bản địa Việt hóa tinh thần vitrail phương Tây bằng một ngôn ngữ rất riêng.

Tổng thể, nghệ thuật trang trí trong quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ làm đẹp cho công trình mà còn là một phương thức biểu đạt văn hóa, nơi thẩm mỹ, tôn giáo và triết lý sống giao thoa trong cùng một không gian. Mỗi chi tiết - từ mái ngói cong, hoa văn sen, dây nho, đến ánh sáng qua ô kính - đều

nói lên khát vọng hòa giải giữa Đông và Tây, giữa truyền thống và hiện đại, giữa đức tin và đời sống. Chính vì vậy, Phát Diệm không chỉ là một công trình tôn giáo độc đáo, mà còn là một minh chứng sống động cho khả năng dung hợp văn hóa của người Việt - nơi trang trí trở thành ngôn ngữ của đối thoại, của sáng tạo, và của lòng tin được thăng hoa trong nghệ thuật.

Như vậy, yếu tố kiến trúc và mỹ thuật trong Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là minh chứng sinh động cho khả năng dung hòa văn hóa của người Việt. Từ vật liệu, biểu tượng đến kỹ thuật tạo hình, mọi chi tiết đều thể hiện sự giao thoa giữa thần học phương Tây và mỹ thuật Á Đông. Trong đó, yếu tố Việt giữ vai trò chủ đạo, biến không gian nhà thờ thành một “ngôn ngữ đức tin bằng mỹ cảm dân tộc”, nơi Thiên Chúa giáo được diễn đạt bằng tinh thần và thẩm mỹ Việt Nam.

Phát Diệm vì thế không chỉ là di sản tôn giáo, mà còn là biểu tượng của tư duy sáng tạo và sức sống văn hóa Việt - nơi nghệ thuật trở thành cầu nối giữa Đông và Tây, giữa đức tin và bản sắc dân tộc.

2.1.3. Về nghi lễ và đối tượng tôn thờ

2.1.3.1. Về nghi lễ

Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là một công trình tôn giáo vô cùng độc đáo, không chỉ nổi tiếng bởi kiến trúc kết hợp hài hòa giữa phong cách Á Đông và phương Tây, mà còn bởi hệ thống nghi lễ mang đậm tính giao thoa văn hóa. Các nghi thức tôn giáo tại đây không đơn thuần là hoạt động phụng vụ của Công giáo, mà đã được “bản địa hóa” để phù hợp với phong tục, tập quán và tâm thức văn hóa của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Sự hòa quyện giữa yếu tố thiêng liêng của tôn giáo phương Tây với nét trang nghiêm, cộng đồng của truyền thống Việt Nam đã tạo nên một sắc thái nghi lễ riêng, góp phần hình thành bản sắc văn hóa đặc trưng của Phát Diệm.

Trong cuốn Giáo án Phụng vụ thánh lễ: Khởi vào đời năm II, tác giả Xuân Lộc. Tòa giám mục (2013) đã trình bày về năm Phụng vụ và những lễ chính: “Năm phụng vụ gồm hai chu kỳ, mỗi chu kỳ có hai mùa:

Chu kỳ Giáng sinh: gồm Mùa Vọng và mùa Giáng sinh. Lễ Giáng sinh là trung tâm của hai mùa ấy.

Chu kỳ Phục sinh: gồm Mùa Chay và mùa Phục sinh với Tam nhật Vượt Qua không những là trung tâm của Mùa Chay và Phục sinh mà còn là đỉnh cao của toàn năm Phụng vụ.

Thời gian ngoài 2 chu kỳ trên được gọi là mùa Quanh năm hay mùa Thường niên.” (Xuân Lộc, 2013)

Các nghi lễ tôn giáo được tổ chức trong quần thể Nhà thờ Phát Diệm vẫn tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của phụng vụ Công giáo La Mã: Thánh lễ, các giờ kinh, lễ ban bí tích, tuần Thánh, Giáng sinh, Phục sinh, và các dịp trọng thể của Giáo phận. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là các nghi thức ấy được thể hiện trong không gian và cách tổ chức mang sự giao hòa với văn hóa Việt. Các nghi lễ thường mang các đặc điểm sau:

Thứ nhất, không gian hành lễ của các buổi lễ không chỉ diễn ra trong lòng nhà thờ mà còn mở rộng ra sân, ao, và Phương Đình - mô hình bố cục quen thuộc của kiến trúc đình Việt Nam. Điều này khiến nghi lễ vừa thiêng liêng vừa gần gũi, gắn kết với cộng đồng cư dân địa phương.

Thứ hai âm nhạc và ngôn ngữ phụng vụ, tại Phát Diệm những bài thánh ca truyền thống được hòa hiệp theo làn điệu dân ca Bắc Bộ, mang âm hưởng trữ tình, nhẹ nhàng, thay vì các hợp xướng mang phong cách châu Âu cổ điển. Tiếng Việt được sử dụng phổ biến, tạo cảm giác gần gũi và giúp tín hữu dễ dàng tham gia. Và các bài Thánh ca thường được sử dụng hầu hết trong các dịp lễ quan trọng vào mùa Chay. Ngoài ra còn hát đáp ca xen giữa bài đọc thứ nhất và bài đọc thứ hai trong Thánh lễ hoặc trước bài Tin Mừng.

Thứ ba, nghi lễ rước và trang trí trong các dịp trọng đại, giáo dân Phát Diệm thường tổ chức rước tượng, rước Thánh Thể với cờ, trống, kiệu những yếu tố quen thuộc trong lễ hội dân gian Việt. Sự hòa quyện này không làm mất đi tính trang nghiêm của phụng vụ mà còn tạo nên sắc thái văn hóa đặc thù, được cộng đồng đón nhận và duy trì qua nhiều thế hệ.

Ngoài ra, các nghi lễ còn có các biểu hiện sau:

Về hình thức, cách bố trí lễ nghi, trang phục, màu sắc, nhịp điệu đều mang hơi hướng của cả hai nền văn hóa. Linh mục mặc áo lễ phương Tây nhưng thường đứng hành lễ dưới mái ngói cong, trước bàn thờ chạm rồng phượng. Ánh sáng từ nến và hương trầm kết hợp với chuông đồng tạo nên bầu không khí linh thiêng, vừa mang tính Công giáo, vừa gợi cảm giác như trong một nghi lễ truyền thống Việt.

Về tinh thần, các nghi thức phụng vụ được địa phương hóa theo hướng “thân dân, cộng đồng”, phản ánh rõ triết lý “Thiên - Nhân - Hợp nhất” trong văn hóa Á Đông. Tín hữu đến nhà thờ không chỉ để cầu nguyện mà còn để gặp gỡ, chia sẻ, tương trợ lẫn nhau - tái hiện tính cộng đồng vốn là nền tảng của đời sống làng xã Việt Nam.

Về ý nghĩa biểu tượng, sự hòa quyện trong nghi lễ phản ánh một tiến trình thích nghi tự nhiên giữa tôn giáo ngoại nhập và văn hóa bản địa. Tại đây, Công giáo không còn là yếu tố “ngoại lai”, mà đã trở thành một phần của đời sống tinh thần người Việt, được thể hiện qua nghi lễ mềm mại, linh hoạt và đầy tính nhân văn.

Các nghi lễ tại Nhà thờ Phát Diệm không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội của địa phương. Chúng góp phần củng cố khối đoàn kết cộng đồng khi người dân - bất kể tôn giáo nào cùng tham gia trang trí, dựng cổng, tổ chức rước kiệu trong các dịp lễ trọng như Lễ Đức Mẹ Mân Côi hay Giáng sinh, tạo nên không khí hội hè đậm đà bản sắc Việt. Đồng thời, các nghi lễ này là phương tiện bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể, bao gồm âm nhạc, múa, trang phục, nghi trượng và nghề thủ công, được duy trì và truyền dạy qua nhiều thế hệ, góp phần giữ gìn tri thức dân gian truyền thống. Hơn nữa, nghi lễ tại Phát Diệm còn trở thành nét du lịch văn hóa độc đáo, thu hút du khách đến chiêm bái và tìm hiểu, từ đó giúp nâng cao ý thức bảo tồn di sản trong cộng đồng. Nghi lễ tại nơi đây là minh chứng sinh động cho sự giao thoa và dung hợp giữa hai dòng chảy văn hóa Đông - Tây. Dưới bàn tay và trí tuệ của người Việt, những nghi thức vốn có nguồn gốc từ phương Tây đã được “Việt hóa” một cách tự nhiên, trở nên gần gũi và hòa

hợp với tâm thức dân tộc. Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố thiêng liêng và dân gian, giữa tôn giáo và văn hóa, không chỉ khẳng định sức sống bền bỉ của Công giáo tại Việt Nam mà còn góp phần tạo dựng bản sắc văn hóa địa phương - nơi tôn vinh giá trị của sự hòa hợp, nhân ái và khoan dung.

2.1.3.2. Về đối tượng tôn thờ

Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo, mà còn là trung tâm tín ngưỡng với các đối tượng được tôn thờ phượng đa dạng, phản ánh sự giao thoa văn hóa Đông - Tây trong đời sống tôn giáo và văn hóa địa phương. Các đối tượng tôn thờ tại đây là Chúa Kitô và được tôn thờ theo đức tin là Đức Mẹ Maria các vị Thánh, Thánh Phero và Thánh Phaolô, bốn Thánh sử (Matthêu, Marco, Luca, Gioan). Ngoài ra Linh mục Trần Lục (cụ Sáu) và sáu vị Giám mục giáo phận Phát Diệm là những nhân vật. Mỗi đối tượng đều mang ý nghĩa tôn giáo sâu sắc, đồng thời thể hiện sự kết hợp tinh tế giữa truyền thống Công giáo phương Tây và mỹ thuật - kiến trúc Á Đông.

Thứ nhất là Chúa Kitô - trung tâm tín ngưỡng tại Phát Diệm, đặt tại bàn thờ chính của nhà thờ lớn. Hình tượng Chúa được đặt trang trọng, hướng về phía đông, theo truyền thống Công giáo. Tuy nhiên, bàn thờ và không gian xung quanh được kết hợp các yếu tố kiến trúc Á Đông: mái cong, cột đá, chạm khắc rồng - phượng. Sự hòa quyện này vừa giữ được sự thiêng liêng của tín ngưỡng Kitô giáo, vừa mang lại cảm giác gần gũi với cộng đồng địa phương, tạo ra một không gian tôn nghiêm nhưng không xa lạ với đời sống văn hóa Việt Nam.

Thứ hai là Đức Mẹ Maria xuất hiện tại các gian phụ và nhà thờ nhỏ, thường được đặt trên bệ cao, trang trí bằng hoa tươi và hoa văn dân gian Việt Nam. Các lễ hội như Lễ Đức Mẹ Mân Côi hay Giáng Sinh đều gắn liền với sự hiện diện của Đức Mẹ, nơi giáo dân cùng tham gia rước kiệu và trang trí. Sự tôn kính Đức Mẹ Maria không chỉ phản ánh niềm tin tôn giáo mà còn hòa quyện với tâm lý tôn thờ mẹ hiền trong văn hóa Việt, tạo nên nét giao thoa Đông - Tây rõ rệt.

Ngoài ra còn tôn thờ nhiều vị Thánh và các tử đạo, như Thánh Phero, Thánh Phaolô và bốn Thánh sử Matthêu, Marco, Luca, Gioan. Các tượng này

được đặt tại bàn thờ phụ hoặc gian nhà thờ nhỏ, biểu trưng cho lòng can đảm, đức tin kiên định và sự truyền bá Tin Mừng.

Thánh Phero và Thánh Phaolô là hai trụ cột của Giáo hội, Thánh Phero tượng trưng quyền lực và sự dẫn dắt cộng đồng, Thánh Phaolô nhấn mạnh việc rao giảng và truyền bá đức tin. Cả hai được bài trí hài hòa trong kiến trúc Á Đông, tạo cảm giác gần gũi với giáo dân địa phương.

Bốn Thánh sử là Matthêu, Marco, Luca, Gioan được tượng trưng bằng sách, bút, hoặc các biểu tượng như sư tử, đại bàng, nhấn mạnh vai trò truyền bá và ghi chép Tin Mừng. Cách bài trí kết hợp các chi tiết trang trí truyền thống Việt Nam như hoa văn gỗ và đá, mái cong, cho thấy rõ nét sự giao thoa văn hóa Đông - Tây trong tín ngưỡng.

Thứ tư Linh mục Trần Lục - người đặt nền móng và định hình phong cách kiến trúc, đồng thời giữ gìn bản sắc giao thoa của quần thể. Sau khi qua đời, cụ Sáu được an táng trong lăng mộ trang nghiêm trong khuôn viên nhà thờ. Lăng cụ Sáu mang cho mình sự trang nghiêm tỏ lòng biết ơn, trở thành biểu tượng văn hóa - lịch sử đồng thời là minh chứng sinh động về vai trò của linh mục trong đời sống tôn giáo địa phương.

Cuối cùng là sáu vị Giám mục được ghi nhận trong khu vực cung thánh lát gạch hoa, mỗi hoa văn không chỉ mang tính trang trí mà còn tượng trưng cho sự gắn kết giáo hội và cộng đồng. Việc tưởng niệm các Giám mục tại cung thánh là minh chứng về sự kế thừa truyền thống tôn giáo, đồng thời hòa quyện với nghệ thuật lát gạch hoa truyền thống Việt Nam, tạo nên một hình thức giao thoa Đông - Tây độc đáo.

Việc thờ sáu Thánh tử đạo ở đây thể hiện rõ nét nhất sự giao thoa văn hóa Đông - Tây. Trong không gian thiêng liêng của Nhà thờ Lớn Phát Diệm, phía trên gian cung thánh, sáu Thánh Tử đạo được tôn vinh như những chứng nhân đức tin, đồng thời là biểu tượng cho sự hòa quyện giữa tinh thần tôn giáo phương Tây và bản sắc văn hóa Việt Nam. Hình ảnh các Thánh được khắc họa trên sáu ô kính nhỏ, bao quanh là khung gỗ sơn son thếp vàng chạm trổ tinh vi,

phía trên là bức họa Đức Mẹ bông Chúa Con và dàn thiên thần cánh vàng - một tổng thể trang trí vừa tráng lệ, vừa đượm nét văn hóa Á Đông.

Thánh Anê: Bà là người phụ nữ quê Phúc Nhạc (Ninh Bình), mẹ của sáu người con, trong đó có hai linh mục. Bà bị bắt vì che giấu các linh mục trong thời kỳ cấm đạo, chịu tra tấn nặng nề nhưng vẫn kiên định trong đức tin. Trên bức họa tại Phát Diệm, Thánh Anê được thể hiện trong áo dài nâu, đầu vấn khăn, tay cầm nhành cọ tử đạo - biểu tượng chiến thắng của người trung tín. Gương mặt hiền hậu, ánh mắt hướng về trời, biểu hiện sự nhẫn nại, bao dung và kiên trung. Xung quanh bức họa là họa tiết hoa sen, dây lá mềm mại, vừa gợi nét nữ tính, vừa mang ý nghĩa tinh khiết trong tư tưởng Á Đông. Qua đó, hình tượng người mẹ Công giáo đã được Việt hóa hoàn toàn - vừa là người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, vừa là nhân chứng đức tin kiên cường.

Thánh Micae Hồ Đình Hy: Ông là vị quan triều Nguyễn có địa vị cao, nổi tiếng trung trực, chính nghĩa. Trong bức họa, ngài được thể hiện trong trang phục quan lại triều đình, áo dài lam, thắt đai đỏ, tay cầm thánh giá và nhành cọ. Các họa văn rồng - mây - lá nho bao quanh tạo sự hòa quyện giữa biểu tượng quyền uy của Nho giáo và biểu tượng sự sống của Kitô giáo, thể hiện một hình ảnh lý tưởng về người Việt trung nghĩa và kiên trung trong đức tin. Đây chính là nơi hai hệ giá trị Đông - Tây gặp nhau trong cùng một biểu tượng nghệ thuật.

Thánh Phêrô Dumoulin-Borie: Ông là Giám mục người Pháp, Phó Đại diện Tông tòa Tây Đàng Ngoài. Tại Phát Diệm, hình ảnh ngài được đặt ở vị trí trung tâm, thể hiện trong áo lễ đỏ, tay cầm Thánh giá và Kinh Thánh, đầu đội mũ giám mục, phong thái trang nghiêm nhưng hiền hậu. Nền phía sau là mây trắng, sóng nước và dây nho - biểu tượng cho sự lan tỏa của đức tin. Dù là người phương Tây, nhưng ngài được bao bọc trong khung gỗ hoa sen, lá cuốn và mây lượn, khiến hình ảnh vị Thánh trở nên gần gũi, hài hòa trong không gian thờ Việt Nam. Đây là minh chứng rõ rệt cho sự hiệp thông văn hóa Đông - Tây, khi người Pháp tử đạo được tôn kính bằng chính ngôn ngữ nghệ thuật dân gian Việt.

Thánh Phaolô: Là linh mục người Việt, chánh xứ Phúc Nhạc Thánh Phaolô bị bắt và xử tử trong thời kỳ cấm đạo. Hình ảnh ngài trong bức họa được thể hiện với áo lễ đen viền đỏ, tay cầm Kinh Thánh, dáng đứng khoan thai. Nền sau là họa tiết sóng nước và mây trắng, tượng trưng cho sự thanh thoát và tinh thần truyền giáo vượt qua thử thách. Các đường viền hoa cúc, lá nho thể hiện ý nghĩa về sự kiên định và hy sinh thầm lặng, khiến hình tượng người linh mục Việt hiện lên giản dị mà cao quý - vừa mang phẩm chất Á Đông, vừa thấm đượm tinh thần Kitô.

Thánh Nicola: Ông là một giáo dân quê Ninh Bình, nổi tiếng đạo đức, bị bắt và chịu chết vì không chịu bỏ đạo. Trong bức họa, ngài xuất hiện trong trang phục nâu mộc mạc của người dân quê, tay cầm tràng hạt và cành cọ, ánh nhìn bình thản và khiêm nhường. Các họa tiết hoa lá dân gian và dây nho xung quanh gợi cảm giác gần gũi, mộc mạc, đồng thời biểu trưng cho sự hiệp nhất giữa con người và đức tin. Đây là hình ảnh tiêu biểu cho người tín hữu Việt bình dị, hiến dâng cuộc đời cho Chúa bằng lòng trung tín âm thầm - một vẻ đẹp tôn giáo rất Việt Nam.

Thánh Micae Nguyễn Huy Mỹ: Ông là lý trưởng làng Vĩnh Trị. Trên bức kính, ngài mặc áo dài quan, đầu đội khăn, tay cầm thánh giá, dáng đứng ngay thẳng, biểu cảm nghiêm nghị. Nền phía sau khắc tùng - trúc - mai, tượng trưng cho tiết tháo và lòng trung chính - phẩm hạnh được tôn vinh trong văn hóa Nho giáo. Các yếu tố ấy kết hợp cùng biểu tượng Kitô giáo đã tạo nên một hình tượng giao thoa hoàn hảo giữa “người công bộc của dân” và “người tôi trung của Chúa”.

Sáu Thánh Tử đạo không chỉ là đối tượng tôn thờ trong đức tin Công giáo, mà còn là biểu tượng tinh thần của người Việt yêu đạo, trọng nghĩa, kiên trung và hiền hòa. Nghệ thuật thể hiện ảnh các Thánh trong Nhà thờ Phát Diệm cho thấy một tiến trình Việt hóa sâu sắc: hình tượng tôn giáo phương Tây được biểu đạt qua khuôn mặt, trang phục, biểu cảm và hoa văn thuần Việt. Sự kết hợp giữa hội họa kính châu Âu và chạm khắc gỗ truyền thống Á Đông không chỉ tạo nên vẻ đẹp thẩm mỹ đặc biệt, mà còn khẳng định tính bản địa của đức tin

Công giáo tại Việt Nam - một đức tin được bén rễ và nở hoa trên mảnh đất văn hóa dân tộc.

Những đôi tượng tôn thờ tại Nhà thờ đá Phát Diệm - từ Chúa Kitô đến các đôi tượng được tôn thờ Đức Mẹ Maria, các Thánh, Thánh Phero - Thánh Phaolô, bốn Thánh sử, hay Linh mục Trần Lục đến sáu vị Giám mục - đều mang giá trị tôn giáo và văn hóa. Đặc biệt, cách bài trí, điêu khắc và kiến trúc xung quanh các tượng đã thể hiện một bản sắc giao thoa Đông - Tây độc đáo: nghệ thuật phương Tây hòa quyện với mỹ thuật dân gian Việt Nam, tạo ra môi trường tín ngưỡng vừa gần gũi với đời sống văn hóa địa phương, vừa giữ được giá trị tinh thần của giáo hội.

Như vậy, Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm là một hiện tượng đặc sắc trong lịch sử kiến trúc tôn giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX, nơi hai dòng chảy văn hóa - phương Đông truyền thống và phương Tây Kitô giáo gặp gỡ, đối thoại và hòa quyện một cách hài hòa. Dưới bàn tay sáng tạo của Linh mục Trần Lục, các nguyên lý kiến trúc của Công giáo phương Tây đã được chuyển hóa theo tinh thần Á Đông, trở nên mềm mại, gần gũi và phù hợp với môi trường tự nhiên cũng như tâm thức văn hóa Việt. Khác với các nhà thờ châu Âu thường phát triển theo chiều cao, nhấn mạnh sự vươn lên tượng trưng cho quyền năng Thiên Chúa, Quần thể Phát Diệm lại mở rộng theo chiều ngang và thế đất, gắn bó chặt chẽ với triết lý phong thủy “tiền thủy - hậu sơn”. Cách tổ chức không gian ấy không chỉ phản ánh quan niệm thẩm mỹ phương Đông về sự hài hòa giữa con người - thiên nhiên - vũ trụ, mà còn cho thấy khả năng “Việt hóa” kiến trúc ngoại lai một cách chủ động và sáng tạo.

Nếu trong kiến trúc phương Tây, yếu tố chủ đạo là vòm cuốn, tháp chuông, mặt bằng hình thánh giá Latin, thì ở Phát Diệm, những yếu tố ấy được biến đổi linh hoạt: mái cong, đầu đao, khung gỗ, chạm khắc tứ linh - tứ quý, hoa sen, mây sóng... tất cả đều đậm bản sắc Việt. Song song với đó, các chi tiết như tháp chuông, hang đá, biểu tượng thánh giá, hệ cột đá và cửa vòm vẫn thể hiện tinh thần của kiến trúc Công giáo. Chính sự đan xen và tương tác ấy tạo nên một tổng thể vừa trang nghiêm, vừa mềm mại; vừa mang nét siêu việt của

phương Tây, vừa thấm đẫm tâm hồn Á Đông. Về bản chất, Phát Diệm không chỉ là nơi thờ phụng, mà còn là tuyên ngôn văn hóa của người Việt trong quá trình tiếp xúc với phương Tây. Công trình cho thấy bản lĩnh của dân tộc trong việc tiếp thu những giá trị mới mà không đánh mất gốc rễ truyền thống. Sự dung hòa giữa tín ngưỡng Thiên Chúa giáo và mỹ cảm Nho - Phật - Lão đã làm nên một phong cách kiến trúc độc nhất vô nhị, thể hiện rõ quan niệm “hòa nhập mà không hòa tan”. Qua thời gian, Quần thể nhà thờ Phát Diệm không chỉ trở thành biểu tượng của nghệ thuật kiến trúc giao thoa, mà còn là minh chứng cho tinh thần hội nhập văn hóa nhân văn và bền vững của Việt Nam trong dòng chảy toàn cầu.

Bảng 1.2: Bảng so sánh Quần thể nhà thờ Phát Diệm với nhà thờ Công giáo phương Tây.

Tiêu chí	Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm (Việt Nam)	Nhà thờ Công giáo phương Tây (châu Âu)
Bố cục tổng thể	Mặt bằng hình chữ Vương (王), theo trục Nam - Bắc, gắn với phong thủy “tiền thủy - hậu sơn”. Không gian trải ngang, hòa vào cảnh quan.	Bố cục theo hình thánh giá Latin, trục Tây - Đông, tượng trưng cho hành trình tâm linh; không gian phát triển theo chiều cao.
Vật liệu	Đá xanh, gỗ lim, ngói mũi hài, tận dụng vật liệu địa phương, gắn gũi với kiến trúc truyền thống Việt.	Đá cẩm thạch, đá tảng, kính màu, thể hiện sự bền vững và tính vĩnh cửu của niềm tin.
Kiến trúc	Kết hợp mái cong, đầu đao, hệ vì kèo gỗ theo kiểu đình - chùa Việt với mặt bằng thánh đường phương Tây.	Các phong cách Roman, Gothic, Phục Hưng, Baroque, chú trọng đường thẳng đứng, vòm cuốn, và tháp chuông cao vút.

Mỹ Thuật	Họa tiết tứ linh, tứ quý, hoa sen, mây cuộn, kết hợp biểu tượng Thánh giá, Đức Mẹ, các Thánh Tử đạo - biểu trưng cho giao thoa Đông - Tây.	Tượng và phù điêu tả thực theo phong cách cổ điển châu Âu: Chúa chịu nạn, Đức Mẹ sầu bi nhấn mạnh cảm xúc và hình thể.
Quan niệm thẩm mỹ	Đề cao sự hài hòa, cân bằng âm - dương, gắn bó với thiên nhiên, thể hiện triết lý Thiên - Địa - Nhân. Hòa trộn biểu tượng Phật giáo và Nho giáo (sen, vân, rồng, phượng) với biểu tượng Công giáo (thánh giá, thiên thần).	Đề cao tính siêu việt, vươn lên, thể hiện quyền năng của Thiên Chúa qua quy mô lớn và chiều cao. Thuần túy biểu tượng Kitô giáo, không kết hợp yếu tố văn hóa địa phương.
Ý nghĩa văn hóa	Thể hiện tinh thần hội nhập mà không hòa tan, sự sáng tạo bản địa trong tiếp nhận văn hóa ngoại lai.	Thể hiện tính chuẩn mực và thống nhất toàn cầu của Kiến trúc Kitô giáo phương Tây.

2.2. Vai trò của Quần thể nhà thờ Phát Diệm với đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương

2.2.1. Đối với đời sống kinh tế, xã hội

Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm không chỉ là một công trình kiến trúc tôn giáo độc đáo, nơi kết tinh những giá trị nghệ thuật giao thoa giữa văn hóa Đông - Tây, mà còn là một trung tâm ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế và xã hội của người dân Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Trong suốt hơn một thế kỷ tồn tại, công trình này đã góp phần hình thành nên bản sắc cộng đồng, gắn kết đời sống tinh thần, văn hóa và tạo động lực phát triển kinh tế cho khu vực.

Thứ nhất là vai trò đối với sự phát triển kinh tế của người dân địa phương

Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, với giá trị đặc sắc về kiến trúc, văn hoá và lịch sử, đã trở thành một trong những điểm đến du lịch văn hoá - tâm linh nổi bật không chỉ của tỉnh Ninh Bình mà còn của cả khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Sự hiện diện của công trình này đóng vai trò như một “đầu mối kích hoạt” phát triển du lịch địa phương, từ đó tác động trực tiếp và gián tiếp đến nhiều lĩnh vực kinh tế tại cộng đồng cư dân quanh vùng. Trước hết, hoạt động du lịch tại khu vực nhà thờ đá Phát Diệm diễn ra gần như quanh năm, với lượng du khách ổn định, bao gồm cả khách hành hương Công giáo lẫn du khách trong và ngoài nước quan tâm đến di sản kiến trúc - tôn giáo. Đặc biệt, vào các dịp lễ lớn của Công giáo như lễ Giáng Sinh, lễ Phục Sinh, lễ Đức Mẹ Mân Côi hay các kỳ nghỉ cuối tuần, lượng khách đổ về tăng cao đột biến, tạo nên không khí sôi động và thúc đẩy tiêu dùng tại chỗ. Tác động trực tiếp rõ ràng nhất là sự mở rộng cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Nhiều hộ gia đình đã chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang các hoạt động dịch vụ phục vụ du lịch như: mở quán ăn, quầy hàng đặc sản địa phương, hoặc tham gia đội ngũ hướng dẫn viên, xe ôm phục vụ khách tham quan.

Đối với những người lớn tuổi hoặc lao động không chuyên, việc buôn bán nhỏ lẻ quanh khu vực nhà thờ - từ đồ lưu niệm, sách ảnh, đến nước uống và đồ ăn nhanh - cũng trở thành nguồn thu nhập quan trọng, giúp cải thiện đời sống. Ngoài ra, du lịch tâm linh còn góp phần khôi phục và duy trì nhiều nghề thủ công truyền thống từng bị mai một như điêu khắc đá, làm đồ mỹ nghệ từ gỗ, đan lát mây tre và thêu ren. Các sản phẩm như tượng thánh, mô hình nhà thờ thu nhỏ, tranh gỗ chạm khắc hay khăn thêu tay mang đặc trưng vùng Phát Diệm được du khách ưa chuộng, từ đó mở rộng đầu ra cho sản phẩm và khuyến khích người dân tái đầu tư vào nghề truyền thống. Một số cơ sở thủ công nhỏ lẻ thậm chí đã phát triển thành làng nghề quy mô vừa, có thể kết hợp sản xuất với trải nghiệm cho khách tham quan, tạo thêm giá trị gia tăng cho sản phẩm địa phương.

Thứ hai đối với đời sống xã hội địa phương

Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm là trung tâm sinh hoạt tôn giáo và văn hóa cộng đồng lớn của địa phương. Đây là nơi người dân, đặc biệt là giáo dân Kim Sơn, thực hành đời sống đức tin thông qua các hoạt động thường nhật như thánh lễ, cầu nguyện, và các nghi thức tôn giáo truyền thống. Không chỉ mang ý nghĩa tâm linh, không gian nhà thờ còn là nơi nuôi dưỡng các giá trị đạo đức, củng cố niềm tin, khuyến khích lối sống hướng thiện và gắn bó cộng đồng. Trong đời sống hiện đại nhiều biến động, sự hiện diện bền vững của nhà thờ đã góp phần duy trì mối liên kết xã hội giữa các thế hệ, hình thành tinh thần đoàn kết và ổn định xã hội ở quy mô cơ sở.

Bên cạnh chức năng tôn giáo, quần thể nhà thờ còn là điểm hội tụ văn hóa, nơi bảo tồn những giá trị thẩm mỹ và bản sắc truyền thống của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Kiến trúc Phát Diệm, với mái cong, khung gỗ và chạm khắc dân gian kết hợp phong cách basilica phương Tây, trở thành niềm tự hào và biểu tượng nhận diện văn hóa địa phương. Các lễ hội tôn giáo như Giáng Sinh, Phục Sinh hay lễ Quan Thầy không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng mà còn là sự kiện xã hội - văn hóa quy mô lớn, thu hút cả người không theo đạo tham gia, qua đó thúc đẩy tinh thần cởi mở, giao lưu và khoan dung tôn giáo trong cộng đồng. Ngoài ra, việc thường xuyên đón tiếp du khách, học sinh, sinh viên và nhà nghiên cứu cũng giúp người dân mở rộng hiểu biết, nâng cao ý thức về bảo tồn di sản, góp phần hình thành nếp sống văn minh, tự hào về giá trị văn hóa quê hương.

2.2.2. Đối với đời sống văn hóa

Trong dòng chảy văn hóa dân tộc Việt Nam, hiện tượng giao thoa giữa phương Đông và phương Tây luôn là biểu hiện sinh động của khả năng tiếp biến linh hoạt và tinh thần sáng tạo của con người Việt. Quần thể Nhà thờ đá Phát Diệm, được kiến thiết vào cuối thế kỷ XIX dưới sự chỉ đạo của linh mục Trần Lục (cụ Sáu), là minh chứng tiêu biểu cho quá trình giao thoa ấy. Công trình không chỉ dung hợp giữa kiến trúc nhà thờ Công giáo phương Tây với thẩm mỹ, triết lý không gian Á Đông, mà còn phản ánh chiều sâu văn hóa - xã hội của cả một cộng đồng địa phương.

Theo tạp chí điện tử của Bộ xây dựng với bài viết Nhà thờ đá Phát Diệm - công trình kiến trúc nguy nga kết hợp văn hóa Đông - Tây (2024) đã làm nổi bật lên được những yếu tố thủ công trong công trình từ những kỹ năng xây dựng, chạm đá và mộc truyền thống đã và đang được nhận định là tài sản nghề truyền thống có giá trị cần được bảo tồn và phát huy.

Về phương diện văn hóa, Phát Diệm là biểu tượng của sự dung hợp hài hòa giữa hai hệ tư tưởng - tôn giáo khác nhau. Bố cục tổng thể “tiền thủy - hậu sơn”, những mái cong chồng diêm, mái đao các chi tiết trang trí long - phượng, hoa sen, tứ quý kết hợp cùng họa tiết thánh giá, dây nho, thiên thần... đã tạo nên một ngôn ngữ nghệ thuật thống nhất trong đa dạng. Chính sự kết hợp ấy giúp công trình mang đậm “hồn Việt” dù vẫn giữ được tinh thần thiêng liêng của Kitô giáo. Nhờ đó, Phát Diệm trở thành không gian tôn giáo quen thuộc và gần gũi đối với người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ - những người vốn gắn bó với đình, chùa, mái ngói cong, sân gạch, ao nước.

Quần thể này cũng đóng vai trò trung tâm văn hóa - tinh thần của vùng Kim Sơn, nơi tín ngưỡng, nghệ thuật và sinh hoạt cộng đồng giao hòa trong cùng một không gian. Với cư dân địa phương, Phát Diệm không chỉ là nơi hành lễ mà còn là “hồn quê”, là biểu tượng cho tinh thần sáng tạo, lòng nhân ái và bản sắc Việt Nam. Các nghi thức tôn giáo nơi đây, rước lễ hay lễ hội tại đây đều mang hơi hướng bản địa: có tiếng trống, nhịp chiêng, và sự tham gia của cả người trong và ngoài đạo. Điều đó cho thấy đạo Công giáo tại Phát Diệm đã được Việt hóa một cách tự nhiên, không xa lạ mà hòa vào đời sống cộng đồng - một hình mẫu cho tinh thần “hòa nhập mà không hòa tan” trong lịch sử văn hóa tôn giáo Việt Nam.

Không chỉ là một trung tâm tôn giáo, nhà thờ đá Phát Diệm còn là nơi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc thù của địa phương. Kiến trúc của quần thể là một minh chứng nổi bật cho sự giao thoa hài hòa giữa văn hóa phương Đông và phương Tây: mái cong kiểu đình Việt, chất liệu đá - gỗ lim truyền thống, kết hợp với bố cục và phong cách Gothic của châu Âu. Chị Đoàn Thị Ninh Chi người dân xã Phát Diệm cho rằng: “Điểm khác của nhà thờ Phát Diệm

so với nhà thờ khác ở chỗ toàn bộ quần thể được xây dựng theo kiểu kiến trúc đình, chùa Việt Nam, nhưng lại mang tinh thần Công giáo phương Tây”². Điều này không chỉ thể hiện sự sáng tạo trong tiếp biến văn hóa mà còn tạo nên niềm tự hào chung của người dân địa phương đối với di sản do chính tổ tiên họ góp phần xây dựng.

Đối với đời sống Công giáo, sự giao thoa văn hóa Đông - Tây ở Phát Diệm mang ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Thay vì sao chép mô hình nhà thờ châu Âu, các nghệ nhân và giáo dân Việt đã chuyên hóa đức tin Kitô giáo bằng ngôn ngữ thẩm mỹ dân tộc. Mỗi chi tiết trang trí - từ mái cong, vì kèo, cột đá đến phù điêu, ô cửa kính - đều ẩn chứa thông điệp tôn giáo được thể hiện qua hình tượng quen thuộc với người Việt như hoa sen, chim phượng, mây cuộn, sóng nước. Những biểu tượng ấy không chỉ làm đẹp cho công trình mà còn trở thành “giáo lý bằng hình ảnh”, giúp giáo dân cảm nhận đức tin qua nghệ thuật, qua ánh sáng, màu sắc và nhịp điệu của không gian.

Ngoài ra Quần thể nhà thờ Phát Diệm còn đóng vai trò là biểu tượng của sự dung hòa và đối thoại giữa các nền văn hóa. Các hoạt động tham quan, nghiên cứu, giao lưu quốc tế tại đây đã góp phần lan tỏa tinh thần khoan dung, hiểu biết và tôn trọng những giá trị tốt đẹp. Nhiều trường phổ thông và đại học trong tỉnh Ninh Bình đã tổ chức các chuyến học tập trải nghiệm tại Phát Diệm giúp thế hệ trẻ hiểu sâu hơn về khả năng tiếp biến văn hóa của dân tộc Việt Nam. Điều đó chứng minh rằng giá trị của Phát Diệm không chỉ nằm ở những khối đá hay cột gỗ, mà còn ở tư tưởng nhân văn và năng lực hội nhập văn hóa của con người địa phương.

Cha Đình Chấn (Trưởng Ban Truyền thông Giáo phận Phát Diệm) cho biết: “Quần thể nhà thờ Phát Diệm hoàn toàn khác biệt với các nhà thờ châu Âu, không nhập vật liệu hay thiết kế từ phương Tây. Công trình mang đậm “Hồn Việt”: mái cong kiểu đình, họa tiết tùng - cúc - trúc - mai, nhưng vẫn thấm đượm đức tin Công giáo”³.

² Xem Phụ lục Danh sách nội dung phỏng vấn sâu.

³ Xem Phụ lục Danh sách trả lời phỏng vấn sâu.

Bên cạnh giá trị tinh thần, Phát Diệm còn góp phần nuôi dưỡng đời sống văn hóa địa phương và tạo dựng bản sắc cho Công giáo Việt Nam. Từ đây, mô hình kiến trúc và cách thức tổ chức không gian nhà thờ mang dấu ấn Á Đông được nhân rộng ra nhiều vùng Bắc Bộ, hình thành một phong cách Công giáo Việt đặc thù, vừa tôn nghiêm vừa gần gũi. Đồng thời, Phát Diệm còn là nơi thúc đẩy giao lưu văn hóa - tôn giáo, nơi người ngoài đạo vẫn đến chiêm ngưỡng, tìm hiểu và cùng chia sẻ niềm tin nhân văn về cái đẹp, cái thiện.

Với những giá trị ấy, Quần thể nhà thờ Phát Diệm vượt lên khỏi giới hạn của một công trình tôn giáo đơn thuần để trở thành biểu tượng của sự hòa giải giữa văn minh Đông - Tây, giữa tôn giáo và văn hóa, giữa tín lý và đời sống dân gian. Công trình không chỉ gìn giữ đức tin của cộng đồng Công giáo, mà còn khẳng định năng lực sáng tạo, bản sắc văn hóa và tinh thần khoan dung của con người Việt Nam - những yếu tố tạo nên sức sống bền vững của Phát Diệm trong lòng dân tộc.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã tập trung phân tích những biểu hiện cụ thể của sự giao thoa văn hóa Đông - Tây qua Quần thể nhà thờ Phát Diệm, một công trình tiêu biểu cho khả năng tiếp thu và sáng tạo của người Việt trong quá trình hội nhập văn hóa. Kiến trúc của quần thể thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa mô thức basilica phương Tây và hình thức đình - chùa truyền thống, tạo nên một tổng thể vừa trang nghiêm vừa gần gũi với tâm thức dân tộc. Nghệ thuật điêu khắc cũng mang dấu ấn rõ nét của quá trình bản địa hóa, khi các họa tiết Thiên Chúa giáo phương Tây được thể hiện bằng ngôn ngữ tạo hình Á Đông, qua những hình ảnh như thánh giá trên đài sen hay phượng ngậm bút. Trong nghi lễ và tín ngưỡng, các yếu tố phụng vụ Công giáo được Việt hóa thông qua âm nhạc, lễ rước và cách trang trí, phản ánh sự hòa quyện tự nhiên giữa tôn giáo ngoại nhập và văn hóa bản địa. Hệ thống đối tượng thờ phượng cũng cho thấy sự dung hợp tinh tế giữa hình thức tôn kính phương Tây và biểu đạt truyền thống phương Đông.

Từ những phương diện đó, có thể khẳng định rằng Quần thể nhà thờ Phát Diệm là minh chứng sinh động cho quá trình giao thoa và tiếp biến văn hóa, thể hiện bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong việc tiếp nhận tinh hoa nhân loại mà vẫn giữ vững cốt cách dân tộc.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quần thể nhà thờ Phát Diệm không chỉ là một công trình kiến trúc tôn giáo độc đáo mà còn là một minh chứng sống động cho quá trình giao thoa văn hóa sâu sắc giữa phương Đông và phương Tây trong lịch sử Việt Nam. Trên mảnh đất Ninh Bình - nơi giao thoa giữa văn hóa đồng bằng Bắc Bộ và luồng tư tưởng Công giáo du nhập - Quần thể nhà thờ Phát Diệm đã trở thành biểu tượng của sự gặp gỡ, tiếp nhận và sáng tạo văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc.

Sự giao thoa văn hóa tại Phát Diệm thể hiện trước hết trong ngôn ngữ kiến trúc và nghệ thuật trang trí: mái ngói cong, cột lim, chạm rồng phượng, hoa sen hòa quyện cùng vòm cung, thánh giá, kính màu và phù điêu phương Tây. Từng chi tiết trong quần thể kiến trúc này không đơn thuần là sự pha trộn vật chất, mà là sự kết tinh của tư duy thẩm mỹ và tinh thần khoan dung văn hóa, nơi hai hệ giá trị tưởng chừng đối lập đã hòa hợp tự nhiên trong cùng một không gian thiêng.

Quá trình nghiên cứu ta thấy không diễn ra một chiều mà là sự tác động tương hỗ giữa các yếu tố văn hóa - văn hóa dân gian Việt Nam đã thẩm thấu vào đức tin Thiên Chúa giáo, đồng thời văn hóa Công giáo cũng góp phần mở rộng thế giới quan, nhân sinh quan của cộng đồng người Việt vùng Phát Diệm. Quần thể nhà thờ Phát Diệm vì thế không chỉ là di sản vật thể, mà còn là di sản của tinh thần giao thoa văn hóa, biểu hiện cho khả năng thích ứng, dung hợp và sáng tạo của dân tộc Việt trong bối cảnh lịch sử toàn cầu hóa. Nơi đây, đức tin không tách rời văn hóa và văn hóa không tách khỏi niềm tin; cả hai cùng tạo nên một giá trị thống nhất - một hình mẫu tiêu biểu của giao thoa văn hóa nhân văn, bền vững và đầy bản sắc.

2. Kiến nghị

Để tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị của Quần thể nhà thờ Phát Diệm, cần có những định hướng cụ thể, đồng bộ từ nhiều cấp độ - trung ương, địa phương và cộng đồng dân cư.

Đối với Trung ương

Cần xác lập chiến lược nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản giao thoa văn hóa tại Phát Diệm như một mô hình đặc biệt của kiến trúc tôn giáo Việt Nam. Hỗ trợ nguồn kinh phí, đội ngũ chuyên gia và công nghệ bảo tồn hiện đại, nhằm duy trì nguyên vẹn các yếu tố thể hiện giao thoa văn hóa - đặc biệt là các mảng chạm khắc, hệ thống phù điêu, tượng thánh và kết cấu đá - gỗ. Đưa Quần thể nhà thờ Phát Diệm vào chương trình giáo dục, coi đây là địa chỉ học tập thực tế về giao thoa văn hóa cho sinh viên, học sinh và nhà nghiên cứu; đồng thời quảng bá hình ảnh công trình như biểu tượng của bản sắc văn hóa Việt trong hội nhập toàn cầu.

Đối với địa phương

Chính quyền xã cần xây dựng quy hoạch văn hóa địa phương gắn với bảo tồn giao thoa văn hóa, trong đó Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm được xem là trung tâm lan tỏa. Tăng cường hoạt động phối hợp giữa giáo xứ, chính quyền và các cơ quan văn hóa để thống nhất mục tiêu bảo tồn: không chỉ bảo tồn vật thể, mà còn giữ gìn tinh thần giao thoa - tức là thái độ khoan dung, tôn trọng khác biệt và ý thức cộng đồng hòa hợp. Khuyến khích phát triển du lịch văn hóa bền vững, nhưng phải đặt yếu tố văn hóa làm cốt lõi, tránh thương mại hóa hoặc biến dạng di sản. Các tour, sản phẩm văn hóa cần phản ánh đúng tinh thần “Công giáo trong hồn Việt”.

Đối với giáo dân

Người giáo dân cần ý thức rằng mình là chủ thể của di sản giao thoa văn hóa, không chỉ là người thụ hưởng. Việc giữ gìn và truyền dạy các giá trị truyền thống, phong tục, cách ứng xử tôn trọng tôn giáo chính là cách bảo vệ tinh thần của di sản. Cộng đồng giáo dân cần tiếp tục phát huy tinh thần “sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc”, thể hiện lòng yêu nước, nhân ái, khoan dung - những giá trị cốt lõi mà giao thoa văn hóa đã hun đúc nên. Mỗi người dân Phát Diệm, dù trong lao động, sinh hoạt hay tín ngưỡng, đều cần ý thức rằng giao thoa văn hóa không phải là sự hòa tan, mà là quá trình gìn giữ bản sắc trong sự tôn trọng và chia sẻ, để Quần thể nhà thờ Phát Diệm mãi là minh chứng cho sức sống văn hóa Việt trong lòng thời đại. Ông Trần Văn Nghiệp phó Chủ tịch Ủy ban đoàn

kết Công giáo tỉnh Ninh Bình cho rằng: “Trách nhiệm đầu tiên của người dân Kim Sơn là phải bảo vệ cái nhà thờ đá này bởi vì công trình này nhìn vào thấy kiến trúc từ cái xà cái cột, mái lợp, cửa, bức chân song,...bằng đá là hầu hết mà ngày xưa đều làm thủ công, nên ta phải thật sự giữ gìn và trân quý.”⁴

⁴ Xem Phụ lục Danh sách, nội dung phỏng vấn sâu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt:

1. Armand Olichon (1941). *Cha xứ Phát Diệm Khâm Sai Tuyên Phủ Sứ*, Đình Chấn biên dịch, NXB Libraire Bloud & Gay, Paris. Tr.13.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kim Sơn (2008), *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Sơn*, Đảng bộ huyện Kim Sơn xuất bản. Tr.7-16.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Quyết định số 60/2008/QĐ-BGDĐT ngày 5/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tổ chức hoạt động văn hóa cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2008. Tr.1.
4. Đinh Thị Bé và Đào Thùy Chi (2019). “Sự khác biệt về giao thoa văn hóa chào hỏi tiếng Anh giữa sinh viên nước ngoài và sinh viên tại Trường Đại học Điện lực.”, *Tạp chí khoa học Giáo dục Việt Nam*, (14), 92 - 97. Tr.92.
5. Nguyễn Hồng Dương (2003). “Nhà thờ Công giáo ở Việt Nam - Một số loại hình kiến trúc tiêu biểu”, *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, (3). Tr.26.
6. Trần Thu Hương (2014). “Tiếp biến văn hóa Pháp - Việt: Một không gian chuyển tiếp”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN : Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 30 (2), 34 - 41. Tr.35-36.
7. Nguyễn Văn Hiệu (2022). *Tiếp xúc và tiếp biến văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh. Tr.11.
8. Nguyễn Văn Kim (2016). “*Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Tr.33.
9. Đặng Thị Hương Liên (2018). “Chính sách văn hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1858 - 1945, *Tạp chí văn hóa nghệ thuật* (414). [tr.133]
10. Xuân Lộc (2013). *Giáo án Phụng vụ thánh lễ: Khởi vào đời năm II*, NXB Tôn giáo, Hà Nội. Tr.16.
11. Nguyễn Hoa Mai (2019). “Tiếp biến, một phương thức sáng tạo văn hóa”, *Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*, 64-2. Tr.77-78, tr.77.

12. Bùi Đức Sinh (1972). *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, NXB Chân Lý, Sài Gòn. Tr.103-401.
13. Trần Ngọc Thêm (2001). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Lần xuất bản thứ 2, NXB Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh. Tr.11.
14. Theo Từ điển tiếng Việt (2003), Viện ngôn ngữ học. Tr.384.
15. Lê Minh Thiện (2005). “Vai trò và uy tín của Linh mục qua nhìn nhận của giáo dân”, *Tạp chí tâm lý học*, (6). Tr.33.
16. Phạm Huy Thông (2012). *Ảnh hưởng qua lại giữa đạo Công giáo và văn hóa Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội. Tr.18.
17. Lê Văn Thơ (2013), *Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm của giáo phận Phát Diệm*, NXB Hà Nội. Tr.11.
18. Lê Văn Thơ (2014). “Nhà thờ Phát Diệm một công trình kiến trúc công giáo phong cách Á Đông đặc sắc.”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (7). Tr.111.
19. Nguyễn Đình Thi (2023). “Ảnh hưởng của văn hóa đối với kiến trúc”, *Tạp chí nghiên cứu Khoa học*, 244 (1). Tr.58-59.
20. Trần Ngọc Thụ (2001), *Lịch sử Giáo phận Phát Diệm (1901-2001)*, Roma. Tr.30, tr.39, tr.47
21. Tỉnh ủy Ninh Bình (2010), *Địa chí Ninh Bình*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tr.784
22. Trương Đình Tường (2004). *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, NXB Thế giới, Hà Nội. Tr.544
23. Đinh Văn Viễn (2024). Một số nhà thờ Công giáo có kiến trúc gỗ ở Ninh Bình và vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc nhà thờ Công giáo có bộ khung gỗ cổ truyền trong giai đoạn hiện nay*; Viện Bảo tồn di tích, Hà Nội ngày 06 tháng 9 năm 2024, trang 112 - 128.
24. Trần Quốc Vượng (1996). *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. Tr.165
25. Nguyễn Thị Xuân (2025). “Phong cách nhà thờ Công giáo có kiến trúc gỗ cổ truyền ở tỉnh Ninh Bình”, *Tạp chí kiến trúc*, (2).

II. Website:

1. Ban Tôn giáo chính phủ (2023), “Nhà thờ Phát Diệm Ninh Bình, công trình kiến trúc Công giáo độc đáo nhất Việt Nam”,
<<https://btgcp.gov.vn/co-so-tho-tu-ton-giao-co-so-tho-tu-tin-nguong/nha-tho-phat-diem-ninh-binh-cong-trinh-kien-truc-cong-giao-doc-dao-nhat-viet-nam-post18q9JwBngD.html>>, ngày truy cập 25/6/2025
2. Báo Ninh Bình (2024), “Nhà thờ đá Phát Diệm - công trình kiến trúc nguy nga kết hợp văn hóa Đông Tây”,
<<https://baoninhbinh.org.vn/nha-tho-da-phat-diem-cong-trinh-kien-truc-nguy-nga-ket-hop/d20240426174434816.htm>>, ngày truy cập 28/8/2025
3. Cục du lịch Quốc gia Việt Nam (2017), “Kiến trúc độc đáo ở nhà thờ đá Phát Diệm”,
<<https://vietnamtourism.gov.vn/post/23832>>, ngày truy cập 5/9/2025
4. Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình (2024), “Nhà thờ đá Phát Diệm Ninh Bình”,
<<https://ninhbinh.gov.vn/infographics/nha-tho-da-phat-diem-ninh-binh-335199>>, ngày truy cập 26/8/2025
5. Dương Phong (2021), “Văn hóa Việt Nam với Phương Tây”,
<<https://langviet.vn/van-hoa-viet-nam-voi-phuong-tay/>>, ngày truy cập 15/6/2025
6. Đoàn Luyện (2011), “Quan hệ giao lưu văn hóa Pháp - Việt”,
<<https://doanluyen.blogspot.com/2011/07/quan-he-giao-luu-van-hoa-phap-viet.html>>, ngày truy cập 18/6/2025
7. Hoàng Thị Minh Thi (2022), “Sự ảnh hưởng của văn hóa Pháp đối với văn hóa Việt Nam truyền thống”,
<<https://pdfcoffee.com/su-anh-huong-cua-van-hoa-phap-doi-voi-van-hoa-viet-nam-pdf-free.html>>, ngày truy cập: 23/3/2025
8. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2013), “Một số biểu hiện của sự giao lưu và tiếp xúc văn hoá của cư dân vùng ĐBSCL trong lịch sử”,

- <<https://vusta.vn/mot-so-bieu-hien-cua-su-giao-luu-va-tiep-xuc-van-hoa-cua-cu-dan-vung-dbscl-trong-lich-su-p68901.html>>, ngày truy cập 14/6/2025
9. Luận Văn.net.vn, “Giao lưu văn hóa trong bối cảnh toàn cầu có những bước phát triển đột biến như thế nào Việt Nam làm gì để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, và làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc (2023)”,
<<https://luanvan.net.vn/luan-van/de-tai-giao-luu-van-hoa-trong-boi-can-h-toan-cau-hoa-co-nhung-buoc-phat-trien-dot-bien-nhu-the-nao-viet-nam-lam-gi-de-34556/>>, ngày truy cập: 26/3/2025
10. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2013), “Một số biểu hiện của sự giao lưu và tiếp xúc văn hoá của cư dân vùng ĐBSCL trong lịch sử”,
<<https://vusta.vn/mot-so-bieu-hien-cua-su-giao-luu-va-tiep-xuc-van-hoa-cua-cu-dan-vung-dbscl-trong-lich-su-p68901.html>>, ngày truy cập 14/6/2025
11. Trần Thanh Giang (2013), “Chính sách nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp và một số trao lưu văn hóa trước năm 1945 ở Việt Nam”,
<<https://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/340-Chinh-sach-no-dich-ve-van-hoa-cua-thuc-dan-Phap-va-mot-so-trao-luu-van-hoa-truoc-nam-1945-o-Viet-Nam>>, ngày truy cập: 1/6/2025
12. Đỗ Thị Thu Vân (2017), “Kiến trúc nhà thờ Công giáo Bắc Bộ, Phần 1”, Viện kiến trúc Quốc gia, Hà Nội,
<<https://vienkientrucquocgia.gov.vn/kien-truc-nha-tho-cong-giao-bac-bo-phan-1/>>, Ngày truy cập: 2/6/2025
13. Xuân Bích Việt Nam (2009), “Nhà thờ Phát Diệm nơi niềm tin Kito giáo gặp gỡ văn hóa Việt Nam”,
<<https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2009/02/09/nha-tho-phat-diem/>>, ngày truy cập 1/9/2025
14. Xuân Bích Việt Nam (2009), “Quả chuông tại nhà thờ Phát Diệm thử nhìn từ nhãn quan văn hóa.”,
<<https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2009/02/11/qua-chuong-tai-phuong-dinh-phat-diem/>>, ngày truy cập 3/9/2025

III. Danh sách người trả lời phỏng vấn:

STT	Họ và tên/Số điện thoại/Địa chỉ	Nghề nghiệp/Chức vụ	Ngày phỏng vấn
1	Trần Văn Đỉnh Số điện thoại: 0919522183 Địa chỉ: Giáo phận Phát Diệm, xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình	Trưởng Ban Truyền thông và Thư ký Văn phòng bảo vệ trẻ vị thành niên và người dễ bị tổn thương của Giáo phận Phát Diệm	Ngày 18/10/2025
2	Trần Văn Nghiệp Số điện thoại: 0383034623 Địa chỉ: Xóm 10, xã Chất Bình, tỉnh Ninh Bình	Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban ĐKCG tỉnh Ninh Bình kiêm Nguyên Chánh chương Giáo xứ Dưỡng Diêm	Ngày 18/8/2025
3	Đoàn Thị Ninh Chi Số điện thoại: 0971002833 Địa chỉ: Ngõ 12H, phố Thượng Kiệm, xã Phát Diệm, Tỉnh Ninh Bình	Người dân địa phương xã Phát Diệm	Ngày 18/8/2025

Phụ lục 1: Nội dung phỏng vấn trực tiếp

1. Chị Đoàn Thị Ninh Chi người dân xã Phát Diệm

Câu hỏi: Theo chị thì nhà thờ đá Phát Diệm khác với các nhà thờ Công giáo khác như thế nào?

Trả lời: “Điểm khác của nhà thờ Phát Diệm so với nhà thờ khác ở chỗ toàn bộ quần thể được xây dựng theo kiểu kiến trúc đình, chùa Việt Nam, nhưng lại mang tinh thần Công giáo phương Tây sự dung hòa này khiến nơi đây vừa thiêng liêng, vừa gần gũi với tâm thức người Việt toàn bộ công trình của nhà thờ công giáo nhưng được dựng bằng vật liệu và kỹ thuật thuần biệt đặc biệt là gỗ lim, đá xanh và mái ngói cong. Ngoài ra chị cũng cho rằng Những cái sự giao thoa văn hóa trong các kiến trúc và điêu khắc đó khiến giáo dân cảm nhận được đức tin qua những hình ảnh quen thuộc và khiến việc hành lễ trở nên tự nhiên hơn phù hợp với tâm hồn Á Đông.”

2. Ông Trần Văn Nghiệp phó Chủ tịch Ủy ban đoàn kết Công giáo tỉnh Ninh Bình.

Câu hỏi: Theo ông điểm độc đáo của Quần thể nhà thờ Phát Diệm là gì?

Người dân Kim Sơn, nhất là giáo dân cần làm gì để bảo tồn, phát huy giá trị của nhà thờ này?

Trả lời:

Câu 1: “Phương Tây có những điểm tiến bộ so với mình, các công trình Công giáo được xây dựng lên vô cùng đồ sộ, nhưng khi qua tới Việt Nam họ thấy vô cùng kinh ngạc, bởi kỹ thuật xây dựng ở công trình này vô cùng tuyệt vời tất cả đều làm bằng các kỹ thuật truyền thống, nguyên vật liệu xây dựng cũng được lựa chọn vô cùng tỷ mỉ. Kể cả người theo Đạo hay không theo đạo khi bước chân vào nhà thờ đá đều cảm thấy quen thuộc bởi kiến trúc và điêu khắc nơi đây mang đậm nét kiến trúc đình, chùa Việt Nam, từ đó mà ta có thể cảm nhận được sự du nhập của văn hóa phương Tây đến Việt Nam là một sự giao thoa hài hòa mà không mất đi bản sắc văn hóa dân tộc Việt.”

Câu 2: “Trách nhiệm đầu tiên của người dân Kim Sơn là phải bảo vệ cái nhà thờ đá này bởi vì công trình này nhìn vào thấy kiến trúc từ cái xà cái cột ,

mái lợp, cửa, bức chân song,...bằng đá là hầu hết mà ngày xưa đều làm thủ công, nên ta phải thật sự giữ gìn và trân quý. Người trẻ Việt Nam nên có nhiều đề tài nghiên cứu hơn về di tích này, làm giàu giá trị cho nhà thờ đá nói riêng và đất nước nói chung”.

3. Cha Đình Chấn - Trưởng Ban Truyền thông và Thư ký Văn phòng bảo vệ trẻ vị thành niên và người dễ bị tổn thương của Giáo phận Phát Diệm

Câu hỏi: Thưa Cha, điểm độc đáo, khác biệt của Nhà thờ Phát Diệm so với nhà thờ Công giáo ở châu Âu là gì?

Trả lời:

“Nhà thờ đá Phát Diệm đối lập hẳn so với các nhà thờ Châu Âu hay các nhà thờ cùng thời khác, thậm chí một số nhà thờ như nhà thờ Đức Bà phải mua vật liệu trùng tu từ Bỉ, Pháp, từng viên ngói hay gạch ngày xưa từ các nhà máy đều nhập hết. Các kiến trúc sư vẽ đều theo phong cách Tây nhưng mà cũng xây thời đó Quần thể Thánh đường Phát Diệm này lại là sự đối lập hẳn nó không mang phong cách của Châu Âu, và vị tổng công trình sư không phải người Châu Âu, mặc dù thời bấy giờ Cụ Sáu rất có uy tín với người Pháp có thể cậy nhờ vẽ bản thiết kế nhưng cụ không hề cậy nhờ người Pháp mà chính từ năng lực, cái tài của cụ đã chinh phục những người thợ giỏi Việt Nam làm nên công trình này. Nhìn vào đây ta có thể thấy luôn “Hồn Việt” từ mái cong - kiến trúc mái đình của Việt Nam, họa tiết hoa văn Tùng - cúc - trúc - mai. Vừa hồn Việt nhưng vừa mang đức tin Công giáo.”

Phụ lục 2: Một số hình ảnh về Quần thể nhà thờ Phát Diệm (Nguồn Vũ Thị Thu Huệ)



Hình ảnh 1: Phương Đình



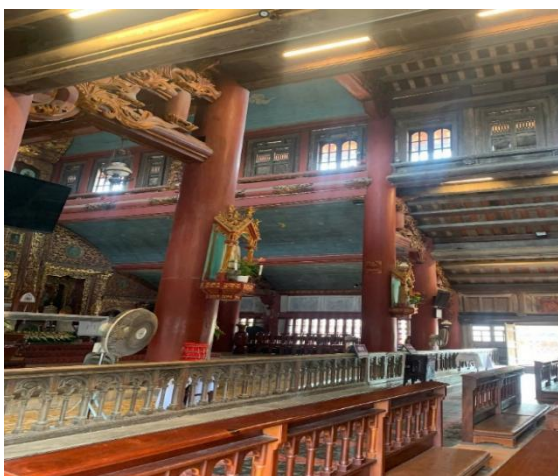
Hình ảnh 2: Lăng cụ Sáu



Hình ảnh 3: Mái của Nhà thờ Lớn



Hình ảnh 4: Nhà thờ nguyên Thánh
Guisse



Hình ảnh 5: Bên trong Nhà thờ Lớn



Hình ảnh 6: Nhà thờ trái tim Đức Mẹ



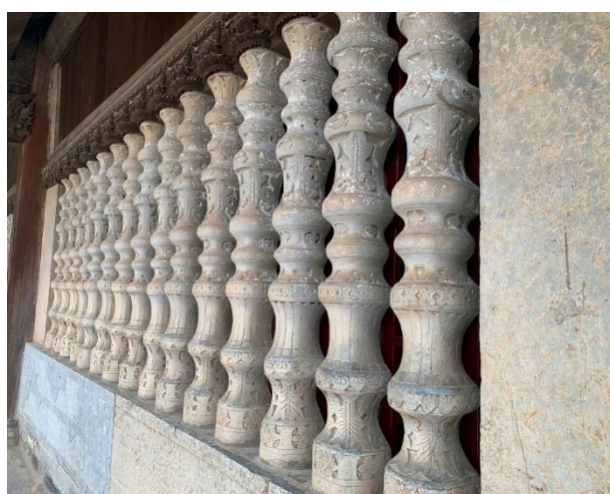
Hình ảnh 7; Điêu khắc trên bàn thờ Đức Mẹ



Hình ảnh 8: Bức phù điêu phượng hoàng



Hình ảnh 9: Bức chạm sư tử



Hình ảnh 10: Hình ảnh các chân song đá



Hình ảnh 11: Hình ảnh Cung Thánh trong Nhà thờ Lớn Sơn son thiếp vàng



Hình ảnh 12: Nhà thờ Thánh Phêrô



Hình ảnh 13: Hình ảnh chiếc Chuông đồng trên Phương Đình



Hình ảnh 14: Hình ảnh Bốn vị Thánh
sứ chép sách



Hình ảnh 14: Hình ảnh Bốn vị
Thánh sứ chép sách



Hình ảnh 14: Hình ảnh Bốn vị Thánh
sứ chép sách



Hình ảnh 14: Hình ảnh Bốn vị
Thánh sứ chép sách